



NEUROTONIC

CÔNG HIỆU NHƯ THẦN

- ★ BỒI BỔ OC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ BẢO VỆ SINH LỰC

PHỔ THÔNG

Trần-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15
Giám-đốc: NGUYỄN VỸ

999
1-5-1969



Quốc Lễ

Một lần nữa, chúng tôi kêu gọi Toàn
thê Đồng-Bào, Chính-Phủ, Quân-
Đội, nên thiết-lập ngày Kỷ-niệm
Hùng - Vương, 10 tháng 3 â.l, là

**Ngày Quốc-Lễ chính thức
của Dân-tộc Việt-Nam ⁽¹⁾**

★ NGUYỄN - VỸ

(1) Ngày 1-11, Kỷ niệm Quân đội Bảo chính chế độ
Ngô-đình-Diệm, chỉ nên coi như một ngày lễ thường.



Giám-đọc, Chủ bút; Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn · 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XI — số 222 — 1-5-1969

1 — Về nguồn	N.V.	5 — 7
2 — Lễ Quốc-tế Lao-Động	D.H.	8 — 9
3 — Hùng Vương (thơ)	NV	10
4 — Mạc-Đĩnh-Chi	S.H. Chi-Linh	11 — 17
5 — Các loại vật	Tin-Khanh	18 — 26
6 — Trần-Kế-Xương	Phạm-văn-Sơn	27 — 33
7 — Buồn nửa đi (thơ)	Nhật-Huyền-Thanh	34
8 — Tâm sự một người chồng	Mỹ-Thanh	35 — 44
9 — Tiếng nói gái trai thế hệ	1) Bùi-Cái	45 — 48
	2) Hồ-văn-Khánh	49 — 50
10 — Cao-Miên tiến quân ra BV	Lê-Hương	51 — 54
11 — Ngày tháng ở rừng(thơ)	Yên-Uyên-Nguyên	55 — 56
12 — Con vỏi con voi	Cao-Nguyên-Lang	57 — 62
13 — Văn chương Lào	Đông-Tùng	63 — 71
14 — Nhật ký chiến sĩ	Ngọc-Tuyền	72 — 77
15 — Mai một thanh bình (thơ)	Thích-Trí-Bỉnh	78
16 — Bao.Cộng tra án	Lý-Minh-Thắng	79 — 84
17 — Hạnh phúc có nhiều khía cạnh	Ng-Đôn-Mẫn	85 — 91
18 — Bức thư hải ngoại	Từ-Quân	92 — 96
19 — Về xứ Quảng	Ng-Mậu-Lâm	97 — 108
20 — Hồ-Xuân-Hương	N.V.	109 — 115
21 — Sinh-khí Văn-nghe	DH	116 — 119
22 — Minh ọi !	D.H.	120 — 128

HÙNG-VU'ÔNG

là cháu nội của

LONG - NỮ THẦN - MẪU

● NGUYỄN-VỸ

LỊCH sử chính thức của Dân tộc Việt Nam đã chứng minh rõ rệt, và cả sử ký Tàu cũng đã xác nhận, nguồn gốc của Quốc gia và Dân tộc Việt Nam, là Huyết hệ **RỒNG VÀNG**.

Thủy tổ của họ Hồng Bàng là **Kinh Dương Vương**, từ phương Bắc tiến đến Động Đình Hồ, phía Bắc biên giới Bắc Việt ta hiện nay, nơi đây Ngài gặp và kết duyên với **Long Nữ Công Chúa**, năm **2879** trước dương lịch.

Từ đó, Nòi giống Hồng Bàng được sinh ra từ lòng **Mẹ Long Nữ**, trong giòng máu Thiêng liêng của Long Thần, hệ huyết Rồng Vàng, truyền thống nơi con trai đầu lòng, là Thái tử **Sùng Lâm**.

Thái tử lên nối ngôi **Rồng khai Quốc** với danh hiệu **Lạc Long Quân**, chữ «Long» ghi lại nguồn gốc Nòi giống Rồng Vàng của **Long Nữ Thần Mẫu**.

Lạc Long Quân kết duyên với Công chúa **Âu Cơ**, con gái của **Vua Đế Lai**.

Con trai lớn của Lạc Long Quân là Thái tử **Hùng**, lên kế vị Ngài Rồng, lấy Niên hiệu **Hùng Vương Đế Nhất**, cai trị đất Văn Lang, đóng đô tại Phong Châu (Tỉnh Vĩnh Yên, Bắc Việt hiện nay)

Nhiều Sử sách và Báo chí Việt Nam thường nhắc lại nguồn gốc dân tộc ta là dòng dõi Tiên Rồng. Theo Sử chính thức, thì Lạc Long Quân, con trai của Long Nữ Thần Mẫu, có nói với Công chúa Âu Cơ :

«Ta là dòng dõi Long Nữ, Người là dòng dõi Thần Tiên».

Câu nói của Lạc Long Quân lấy theo huyết hệ gia tộc Công chúa Âu Cơ, con gái của vua Đế Lai, là giòng họ vua Đế Minh, và Kinh Dương Vương. Theo Sử thì vua Đế Minh, và Kinh Dương Vương là dòng dõi Tiên, Lạc-Long-Quân, con trai Long-Nữ, là dòng dõi Rồng.

Lạc Long Quân và Âu Cơ từ già nhau, và Lạc Long Quân đem con trai xuống đất Văn Lang, lập một Quốc gia mới, đặt Thái tử Hùng Vương lên nối ngôi Rồng trị quốc.

Âu Cơ đem con gái về miền Núi.

Như thế, chúng ta căn cứ trên Lịch sử chính thức, mà xác nhận theo lời của Lạc Long Quân, rằng nguồn gốc của Quốc gia Việt Nam là dòng dõi Rồng Long Nữ, và **Long Nữ Thần Mẫu là Mẹ của Dân tộc Việt Nam.**

Vua Hùng Vương là cháu nội của Long Nữ Thần Mẫu.

Nhân ngày kỷ niệm Hùng Vương mỗi năm, cũng như thường xuyên trong tạp chí Phổ Thông này, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến nguồn gốc *Rồng Vàng* của Dân tộc Việt Nam. *Rồng* là Huyết hệ truyền thống trên bốn ngàn năm của **Quốc Mẫu Long Nữ Thần**, *Vàng* là màu da, tượng trưng của Dân tộc Việt. Suốt trong Lịch sử Dân ta, dù tình thế biến chuyển thế nào đi nữa, dù là dưới thời độ họ Tàu, độ họ Pháp, Dân tộc Việt Nam vẫn quyết giữ bất khuất truyền thống *Rồng Vàng*. Chúng ta quyết không chấp nhận một áp lực nào, một chế độ độc tài nào, một chủ nghĩa ngoại lai nào, bất cứ là đế quốc tư bản thực dân, hay đế quốc Cộng Sản, vô gia đình, vô Tò quốc, vô Nhơn đạo.

Đứng trên nguyên tắc khoa học Lịch sử, thích hợp với tinh thần đặc biệt của Dân tộc Việt Nam, chúng ta luôn luôn hướng lòng Yêu Nước, và hy sinh phục vụ cứu Nước, trong tinh thần Lịch sử *Rồng Vàng*, Tự Do Tự Chủ, của truyền thống *Rồng Vàng*. Chúng ta phải quật cường quật khởi với sức mạnh bất khuất, bất úy, bất diệt, của Nòi giống *Rồng Vàng*, của Quốc gia *Rồng Vàng*, chống Cộng sản chủ nghĩa, cũng như Tư bản thực dân chủ nghĩa.

Chúng tôi triệt để tin tưởng nơi Hồn Thiêng của **Long Nữ Thần Mẫu. Quốc Mẫu của Dân tộc Việt Nam**, Hồn Thiêng của Đất Mẹ đã thúc đẩy cho Nòi Giống *Rồng Vàng* quật khởi nhiều phen, với Trưng Nữ Vương, với Lê Lợi, với Trần Hưng Đạo, với Quang Trung Hoàng Đế, với toàn Dân chống Tàu, chống Pháp, chống Cộng, không phân biệt giai cấp hay Tôn giáo.

Chúng ta chỉ muốn Hòa Bình, Cơm Áo, Tự Do. Chúng ta chống Hòa Bình đôi rách. Chúng ta chống Hòa Bình nô lệ. Hòa bình bóc lột. Hòa bình nhục tiếu, Hòa bình khủng bố, đàn áp, độc tài, ngột thở.

Chúng ta muốn, và chúng ta cương quyết hy sinh tất cả, để bảo vệ Hòa bình Độc lập Tự chủ. Hòa bình Tự Do, Hạnh phúc, Hùng Cường, cho Toàn thể Nhân dân Việt Nam :

Hòa Bình Rồng Vàng.

Kỷ-nguyên Lạc-Long, năm 4848.



Lễ Quốc-Tế Lao-Động

1 tháng 5

Xin trả lời một nhóm Anh Chị Em Lao Động Sài Gòn về Lịch sử ngày Lễ Quốc tế Lao động, từ nguyên thủy đời Thượng Cổ.

Theo Lịch sử La Mã, thời Thượng Cổ Tây Phương, nguyên thủy tháng MAI là tháng thứ Ba trong năm. Sau, Hoàng đế La Mã JULIUS CÉSAR mới đổi ra là tháng thứ Năm, để cho hợp với tiết Xuân bên Âu châu. Ngày 1 tháng 5 được César thiết lập thành ngày Lập Xuân, mừng Thần Hoa Nữ (Flora), vì tháng 2, tháng 3, tháng 4, bên Âu châu hãy còn rét buốt. Cuối tháng 4 dương lịch (Avril) mới thật hết mùa Đông, và đầu tháng 5 cây cỏ mới bắt đầu nở hoa. Từ César và kế tiếp các Thế kỷ sau, người Tây Phương bắt chước phong tục La Mã, theo Lịch mới của César, và tổ chức các hội liên hoan ngày 1 tháng 5 để mừng Thần Hoa Nữ, là tiết Lập Xuân, đua nở trăm hoa.

Ngày nay, phong tục ấy hãy còn, như bên Pháp hiện giờ cứ mỗi năm đến ngày 1 tháng 5 các cô hàng hoa đem tặng ông Tổng Thống Pháp những bó hoa Muguet (linh lan) tượng trưng cho hạnh phúc vui tươi, trong trắng. Hoa Muguet hình giống như cái chuông nho nhỏ, màu trắng, đeo thành chùm, nở vào tiết Lập Xuân, đầu tháng 5.

Ở Đức, Hòa Lan, Bỉ, và các xứ Bắc Âu, đến ngày 1-5 dân chúng tổ chức diễu kịch, rước xe hoa, và làm một hình nộm tượng trưng mùa Đông âm u dã buốt, đem đến nơi công viên chém đứt đầu, rồi đốt trên đống hỏa.

Ở Anh, Pháp, Ý, Espagne, ngày 1-5 dân chúng trồng một cây mới nứt chồi xanh, thường thường là cây bouleau,

rồi đàn ông, con trai, phụ nữ, trẻ em, đến tụ họp hân hoan, khiêu vũ chung quanh cây đề vui mừng Thiên nhiên tái tạo sau một mùa Đông âm ảm. Các nhóm Thợ thuyền, như thợ nhà in ở Lyon, thợ bạc vàng Paris, thợ mộc ở Bordeaux, v.v... cũng có lệ tổ chức riêng ngày liên hoan 1-5, mừng Thần Nữ Flora đem tiết Xuân đầm ấm về cho các gia đình Lao động rét mướt cả mùa Đông.

Năm 1843, một cô con gái Pháp, tên là Flora Tristan, làm thợ máy, đưa ra một sáng kiến vui mới: nhân ngày 1-5 Lập Xuân, ngày lễ của Nữ thần Flora, cô kêu gọi kết hợp thợ thuyền Thế giới thành ngày Hội Lao Công Quốc Tế, (Association Internationale des Travailleurs). Ý kiến mới lạ ấy được đại đa số Lao động các nước tán thành.

Sau nhiều lần nhóm họp còn rời rạc, mãi đến năm 1866, Đại hội nghị thợ thuyền Anh, Pháp-Đức, nhóm tại Genève (Thụy Sĩ) ngày 1-5, mới thành lập Quốc Tế Lao Động (Internationale Ouvrière).

Năm 1889, một Hội nghị Lao động Quốc tế nhóm ở Paris (Thủ đô Pháp) hồi tháng 7, quyết định lấy ngày 1-5 năm sau là ngày lễ của Thần Hoa Nữ (Flora) mừng Tiết Lập Xuân, làm ngày Lễ Lao động cho Thợ thuyền thế giới.

Năm sau, ngày 1-5-1889, ngày Lễ Lao động Quốc tế lần đầu tiên tuy chưa chính thức, Lao động Quốc tế nhóm ở Paris, đòi «ngày làm việc 8 giờ». 100.000 thợ biểu tình ở Công trường Concorde.

Ngày 1-5-1891, biểu tình của Thợ dệt tại Fourmies (Bắc Pháp).

Ngày 1-5-1906, biểu tình ở khắp Paris.

Ngày 1-5-1919, vài cuộc biểu tình ở Miền Đông.

Ngày 1-5-1945, thợ thuyền biểu tình vĩ đại ở khắp Âu, Á, Mỹ, hoan hô Quân đội Đồng Minh thắng trận tiêu diệt chế độ độc tài Hitler. Và cũng ngày này, Liên Hiệp Quốc chính thức công nhận ngày 1-5 là ngày Lễ Quốc tế Lao động.

★ DIỆU-HUYỀN

Hùng Vương

Hùng Vương! Hùng Vương!
Mười tám đời xây đắp Quê
hương!

Khai điền, lập quốc,
Giao-Chỉ, Việt-Thường,
Mở mang Đất Nước
Gìn giữ biên cương.

Xây dựng cơ đồ Việt-quốc
Oai hùng một cõi Nam
phương.

Rồng vàng huyết thống, khi
thiêng nung nóng,
Bốn nghìn năm gột rửa
mấy tan thương.

Ông Cha oanh liệt,
Con cháu hùng cường
Huy hoàng Sông Núi
Tổ diêm máu xương.

Gương mặt Việt Nam oai
nghiêm gân guốc
Hành diện nhìn ra cửa Thái
Bình Dương

Chiến công lừng Lich sử
Khí phách rạng mười
phương
Quang-Trung, Hưng-Đạo,
Lê-Lợi, Trưng-Vương

Chống xâm lăng anh hùng
liệt nữ.
Cờ bay chiến thắng khắp sa
trường.

Ngày nay, ruột mềm máu
chảy,
Nhuộm đỏ giang sơn
Tê lạnh giòng sông Bến Hải,
Điêu hiu ngọn gió Hiền
Lương

Bắc Nam căm hận,
Tàn sát bi, thương,
Một giòng huyết lệ,
Lý tưởng hai đường.

Gươm thù đầm máu
Rạch đôi Quê Hương!
Tang tóc đầu xanh, Hồn
Thiêng rên xiết,
Nghìn thu chưa tan một
mối hận trường!

★ NGUYỄN-VỸ

(Trích tập Thơ «Buồn muốn
khóc lên» đang in)

MAC-ĐÌNH-CHI

Lưỡng Quốc Trạng Nguyên

S. H. CHILINH

Cũng như Trung Hoa thuở xưa, nền khoa cử nước Việt Nam đào tạo được rất nhiều vị Trạng nguyên. Trạng nguyên là người đỗ đầu khoa thi, cho nên phải cần một học uyên bác, để rồi được nhà Vua cho ra làm quan trị dân, giúp nước. Trong bài này, chúng tôi đề cập đến cụ Trạng Mạc Đĩnh Chi với vài điểm minh định các giai thoại về văn chương của cụ.

● Thân thế và sự nghiệp

Trong chính sử không thấy có chép năm sinh và năm chết của cụ, chỉ cho biết rằng cụ sống dưới thời nhà Trần. Cụ Mạc Đĩnh Chi tự là Tiết-Phu, sinh ở làng Lũng Đông, huyện Chi linh. Cụ là tổ 17 đời của Mạc-đăng-Dung sau này. Cụ rất thông minh, nhưng mắc cái là bề ngoài trông rất xấu xí.

Đầu Trạng-nguyên năm 1304, dưới triều Trần-Anh-Tôn, nhưng khi cụ vào chầu thì nhà vua trông thấy cụ xấu tướng nên có vẻ không bằng lòng. Cụ liền làm bài phú «ngọc tỉnh liên phú» để ví mình như hoa sen trong giếng

ngọc. Vua Trần-Anh .Tôn xem bài phú biết được khi tiết của
cụ nên cho cụ ra làm chức Nội-thư-gia.Bài « ngọc tỉnh
liên Phú » viết bằng chữ Hán, chúng tôi xin chép lại
dịch ra quốc ngữ sau đây trong quyển « Việt nam
học sử yếu » của Dương quảng Hàm :

Ngọc-tỉnh-liên Phú

«Đương khi lửa hạ, khách cao
traoi thông thả, tới dòng nước
biển, vịnh khúc phù dung ; đến
bến ao trong, ngâm câu nhạc phủ.
Bỗng bóng ai, áo trắng, mũ vàng,
phất phơ điệu cốt thần tiên, hớn
hở tinh thần khác trụ.

Khách hỏi : «Từ đâu mà lại?»
Thưa rằng :« Từ núi-Họa sơn »
Khách kéo ghế mời ngồi vồn vã.
Này dưa ngon, quả quý bày ra.
Chuyện gần thôi lại chuyện xa.
Nói cười lời lẽ, tiệc hoa tươi bời.
Chuyện xong mới hỏi khách rằng:
«Khách đây quan tử, ái liên chẳng
là ?» Tiễn đây sẵn có giống nhà,
vẫn từng gìn giữ, nâng niu hoa
vàng. Nọ đào lý bí thô còn kém,
kề trúc mai đơn lạnh còn xa.
Nào phải giống tăng phòng câu
kỷ, nào phải phượng lạc thồ mẫu
đơn. Cũng chẳng phải đồng ly

đào cúc, mà cũng không
uyên linh lan.Chính là một giống
sen thần, đầu non núi Họa
vàng sinh ra.

Khách nghe nói, khen thay
lạ. Phải chăng giống hoa
mười trượng, ngó cong như
thuyền, lạnh giá như băng, ngọt
ngon tựa mật, xưa từng nghe
tiếng, nay được thực trông.

Nghe qua, đạo sĩ vui lòng, hoa
trong tay áo, giữ liên tặng đưa.
Khách trông thấy trong lòng
hộp. Bút Ngủ lãng tay thảo nét
ca. Ca rằng :

Thủy tinh làm mái cung
Lưu ly tạc đề nên hình cung

Pha lê ná: nhỏ làm bàn
Minh châu làm móc trên
cảnh tươi cây

Hương thơm bay thấu từng
Bích thiên âu cũng mê say tác

Quế xanh tui vụng khóc thầm
Tổ Nga lưỡng những mười

Cổ dao hái chốn phương tân
Sông Tương trông ngóng mỹ

Giữa giòng lơ lững về đầu ?
Non sông đất cũ có sao chẳng

Đành nơi lưu lạc quản gì ?

Thuyền quên lối bước lắm
Một lòng trung chánh nghĩa

Lo chi mưa gió phong trần
Chữ e lạt phần phai hương

Tháng ngày thắm thoát mỹ
nhân ai hoại.

Nghe xong đạo sĩ than rằng :
«nói chi ai oán thiết tha ! kìa
chẳng xem dóa tử vi nở trên
ao phượng, hoa thược

được mọc trước bệ vàng, cũng
là địa vị thanh cao, thanh danh
hiền hách. Ơn trên thánh chúa
mưa móc dồi dào. Vội chi tử;
phận hồn duyên, nước non lần
thần toan bề đi đâu ?

Khách nghe qua như tình như
cảm, đem lòng kính mộ xiết bao.
Khúc trái đình tay tiễn dề vịnh,
thơ phong đầu giọng đọc ngâm-
nga, Nỗi lòng xin giải gần xa,
kính dâng một phú hải hà xét soi.»

Mạc đình Chi được cử đi sứ
sang Tàu dưới triều Nguyên.
Nơi đây cụ đã làm vua, quan Tàu
khâm phục tài học uyên bác và trí
khôn lanh của cụ. Vua nhà
Nguyên vinh phong cho cụ là
«lưỡng quốc Trạng nguyên». Cụ
làm quan cho đến chức Tả-bộc-
dạ thì mất.

□ Những giai thoại về
Mạc đình Chi.

Thường thường người ta ưa
tô điểm tiêu sử của một danh
nhân với mục đích làm cho tiếng
tám của vị đó không bao giờ bị
phai mờ, quên lãng, và để tăng
thêm lòng kính phục của lớp hậu

sinh. Đó là trường hợp của cụ Mạc đình Chi.

Theo truyền thuyết thì cụ là người quý tướng vì đại tiện ra phân vuông. Sách Nam Hải dị nhân thêu dệt cho cụ nhiều điều có vẻ ly kỳ, quái đản. Sau đây là những giai thoại về cụ Mạc đình Chi khi cụ đi sứ sang Tàu.

Trong thời gian ở Tàu, một hôm, quan Tể tướng nhà Nguyên mời cụ Mạc đình Chi vào phủ. Mọi người trông thấy cụ xấu xí, có ý khinh khi nên ra câu đối chế nhạo :

Ly mị vọng hương từ tiểu quỳ,

Cụ liền trả đũa :

Cầm sắt tỳ bà bát đại vương.

Theo lối chiết tự, 4 chữ Ly, mị, vọng, lượng đều có chữ «quỳ» ở bên, còn 4 chữ Cầm, sắt, tỳ, bà mỗi chữ có hai chữ «vương» ở đầu.

Nhân trong phủ quan Tể tướng Tàu có treo một bức màn mỏng, thêu con chim sẻ đậu trên cành trúc. Cụ Mạc đình Chi tưởng là chim

sẻ thật nên chạy lại vỗ. Người Tàu thấy vậy cười ồ lên chế nhạo. Cụ liền xé bỏ bức màn ấy đi và nói :

«Tôi nghe cồ nhân thường vẽ mai tước chứ không hề vẽ tiếu tước.

Trúc tượng trưng bậc quân tử còn tước tượng trưng cho kẻ tiểu nhân.

Trên màn thêu trúc tước tức là đề kẻ tiểu nhân ở trên người quân tử, như vậy sao phải. Do đó mà đạo người quân tử ngày lại càng suy đồi, đạo kẻ tiểu nhân ngày một hưng thịnh. Vì lẽ đó nên bôn chức mới xé bỏ bức tranh đi».

Người Tàu nghe cụ nói tỏ vẻ khâm phục và không còn có ý khinh cụ nữa.

★ Về một bài văn tế.

Sách Nam Hải dị nhân ở Việt Nam còn chép rằng : khi đi sứ sang Tàu, gặp một công chúa từ trần, vua nhà Nguyên cho vời cụ Mạc đình Chi vào đọc văn tế. Khi mở tờ giấy có viết văn tế,

cụ ngạc nhiên vì trên đó chỉ viết bốn vắn có 4 chữ «nhất» ở đầu giống thôi. tuy nhiên cụ Mạc đình Chi cũng ứng khẩu đọc ngay :

*Thiên thượng nhất đoá vân,
Lô trung nhất điểm tuyết
Thượng uyển nhất chi hoa
Hàn giang nhất phiến nguyệt
Y vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết.*

Bài văn trên có nghĩa là :

Một đám mây trên trời, một điểm tuyết trong lò, một cành hoa ở vườn thượng uyển, một vầng trăng ở sông lạnh. Than ôi ! mây tan, tuyết rã, hoa tàn, trăng khuyết. Nghe bài văn tế, cả triều đình nhà Nguyên đều khen cụ có tài mẫn tiệp.

Tuy nhiên, có phải cụ Mạc đình Chi đọc bài văn tế trên đây không ?

Không, cụ Mạc đình Chi không bao giờ đọc bài văn tế trên đề tế một công chúa Tàu.

Điền đầu tiên đề chứng minh

câu nói trên, chắc không ai là không biết được.

Đám ma của vị Công chúa Tàu không nói ai cũng hiểu là rất trọng thể. Việc đọc văn tế vì vậy mà phải trang nghiêm, cung kính chứ không phải đem ra thử thách tài năng của ai được. Vì thế, việc đọc văn tế của Mạc đình Chi rất vô lý, chỉ là một điều đem «râu ông nọ cắm cằm bà kia».

Như vậy bài văn tế trên do ai đọc và đọc đề tế ai ? Đề trả lời câu hỏi trên, ta chỉ cần tìm biết xuất xứ bài văn tế trên.

Sách Kinh thoa ký truyền kỳ của Tàu chép rằng : vợ của Vương thập Bạng chết, Vương đọc văn tế.

*Vu sơn nhất đoá vân
Lãng uyển nhất đoản tuyết
Đào nguyên nhất chi hoa
Đào đài nhất luân nguyệt
Thê a ! như Kim thị.
Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn,
nguyệt khuyết.*

Bài này tuy có khác bài trên đôi chút nhưng đại ý cũng vậy.

Sách Thị nhị biên của Tôn lý Chiêu cũng có chép : Khi Chương Hiến Hoàng thái hậu chết, Dương đại Niên có đọc văn tế như sau :

*Duy linh,
Vu sơn nhất đóa vân
Lãng uyên nhất đôi tuyết
Đào viên nhất chi hoa
Dao đài nhất luân nguyệt
Khởi kỳ :
Vân tán, tuyết tiêu, hoa tan
nguyệt khuyết.*

Như thế, chỉ có một bài văn tế mà hai cuốn sách chép khác nhau, và về tác giả bài văn tế cũng khác luôn.

Riêng trong sách Thị nhị biên, sau khi đọc bài văn tế, học giả Tiền Trúc Đình nêu ra một sai lầm về thời gian như sau :

«Dương đại Niên chết năm Thiên hy thứ tư. Lúc đó vua Nhân Tôn chưa lên ngôi. Khi

bà Chương Hiến (mẹ Nhân Tôn) chết thì Đại Niên đã chết lâu rồi».

Như vậy thuyết cho rằng bài văn tế trên do Dương đại Niên đọc tế Chương Hiến Hoàng thái hậu là vô lý. Khi soạn Thị nhị biên Tôn lý Chiêu đã lầm lẫn khi gán cho Dương đại Niên là tác giả bài văn tế chép trên.

Còn lại thuyết cho rằng tác giả bài văn tế trên là Vương thập Bỉnh thì không đứng vững được vì chúng ta có thể thắc mắc : «Tại sao cùng một bài văn tế mà hai cuốn sách lại nói khác nhau». Điều này chứng tỏ tác giả hai cuốn sách nói trên không truy tầm và dùng tài liệu chính xác để phải mắc vào trường hợp tam sao thất bản.

Khi viết về cụ Mạc đình Chi, chắc tác giả sách Nam Hải dị nhân có xem qua sách Kinh Thoa ký truyền kỳ của Tàu rồi gán bài văn tế trên cho cụ Trạng nhà ta với mục đích là vẽ rắn thêm chân.

Tóm lại bài văn tế Công chúa Tàu không phải là của cụ Mạc đình Chi vì những lẽ sau đây :

— Sách Nam Hải dị nhân chỉ kể những truyền thuyết trong những sách viết không xác thực của Tàu mà gán cho cụ Mạc đình Chi.

— Đám táng một Công chúa Tàu là việc trọng thể, không thể lấy đó làm chơi đùa thử thách tài năng bất cứ một ai.



Ngoài ra, tính chất quan hệ của mối giao hảo nước ta và nước Tàu không thể cho phép một vị Trạng nguyên kiêm sứ giả đọc một bài văn tế chỉ có 4 chữ «nhất».

Để chấm dứt bài này, chúng tôi mong các học giả chuyên khảo cứu về văn chương tìm ra tác giả bài văn tế trên đề : «Redde Caesari quae sunt Caesaris, et quae sunt Dei Deo!»

● Người ta muốn đi vì cần tiêu khiển và muốn về vì cần hạnh phúc.
(On s'en va parce qu'on a besoin de distractions et l'on revient parce qu'on a besoin de bonheur).

VICTOR HUGO

● Bí quyết đầu tiên của sự thành công là phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng.
(Le premier secret du succès consiste à se tenir toujours prêt).

HENRY FORD

● Một ngày mà chúng ta không thấp ngọn lửa yêu đương, bởi đấy biết bao người chết vì giá lạnh.

FRANÇOIS MAURIAC

Các loài vật **biết tự giải quyết** **vấn đề ăn, ở** **không cầu ai viện trợ**

////////////////////// □ TÍN-KHANH

(Tiếp theo P.T. số 221)

Ngủ mùa đông. —

Có nhiều con vật không cần đi đâu xa, có thể sống ở những vùng quanh năm giá lạnh nhờ ở đặc tính ngủ suốt mùa đông. Tuy nhiên đừng ngây thơ tưởng chúng ngủ thật cả mùa. Chúng cũng có hoạt động, nhưng rất yếu đuối.

Những con vật có máu lạnh

không thể giữ được nhiệt độ trong mình cao hơn nhiệt độ chung quanh nên đến mùa đông một phần lớn phải chết. Ngược lại trứng chúng đẻ ra lại chịu đựng được nổi mùa rét.

Còn một số khác đủ sức chịu đựng những cây lạnh rất gắt gao

CÁC LOẠI VẬT

là nhờ phương pháp ngủ suốt mùa lạnh.

Một điều rất rõ ràng là đến mùa đông, đất phủ tuyết, các đầm ao đóng giá thì không ai còn thấy nhái, rắn hay các loài tắc kè, rắn mối nữa, thậm chí đến bướm ong cũng không còn.



Nhái chun xuống bùn, dưới đáy ao. Trước cuộc tàn cư bất đắc dĩ này, chúng đã lo chuẩn bị trước: làm cho thân thể mập thêm bằng cách ăn rất nhiều. Nhờ đó lúc xuống nằm dưới bùn, không biết mấy ngày mấy tháng mới xong. Chúng sống bằng những chất dự trữ trong người chúng suốt cả mùa đông, tất nhiên với mức tần tiện cầm xác thôi. Hô hấp chúng cũng hạn chế đến mức chỉ thở bằng da, vì khi chúng nằm im thì thở xác không cần đến nhiều dưỡng khí, quả tim cũng đập rất chậm.

Rắn hay kỳ nhông trốn mùa lạnh dưới kẽ đá hay dưới các thân cây ngã bị mục. Rùa hay cóc cũng tương tự nhưng còn có thể nấp mình dưới bùn các ao hồ nữa.

Nói tóm lại khi con vật ngủ mùa đông các bộ phận khác trong cơ thể đều tạm thời không hoạt động nữa.

Ngủ để trốn lạnh. —

Có nhiều loài bướm bay chim cũng trốn lạnh. Một số khác vừa đến mùa đông là chết hết, một số khác vượt qua mùa đông bằng cách ngủ như các con vật trên và cuối cùng có những loại khác lại « ngủ » trong kén, dưới hình thức nhộng, đợi hết mùa đông mới nở.

Về loài ong chỉ có ong chúa là có thể sống qua mùa đông. Nó nấp mình trong vỏ cây hay một kẽ hở trong tường vách cũ kỹ.

Tất cả những con vật ngủ mùa đông vừa kể trên đều thuộc loại có máu lạnh. Động vật máu nóng cũng có nhiều thứ không chịu đựng nổi mùa đông và cũng ngủ như các loại bò sát hay côn trùng

CÁC LOẠI VẬT

Loài có vú như gấu, Hải-ly, Ngân-thú (marmotte), con chồn Chipmunk là những trường hợp điển hình. Chồn Chipmunk tích trữ sẵn đồ ăn trước khi ngủ. Một đực, một cái, có thể tìm để dành được 2 lít hạt hay trái cây nhỏ và giấu trong hang.

Con Hải-ly thì lại sắp thân cây mục xuống vũng đầm làm chỗ nằm đoạn lấy đá và bùn non xây thành một công sự để đề phòng nước khỏi cuốn đi.

Gấu thì đơn giản hơn. Trước khi ngủ, chúng ăn rất nhiều cho mập lên. Ngủ xong giấc mấy tháng trở dậy gầy đi là vừa.

Con ngân thú cũng ngủ theo lối như gấu.

★ **Vật ngủ mùa đông là một thứ hàn thử biểu.**

Người ta thường căn cứ vào

một số thú vật ngủ mùa đông để đoán thời tiết.

Xưa nay thiên hạ thường tin con ngân thử hay thức dậy vào khoảng ngày mồng 2 tháng 2. Nếu



nó thấy bóng nó, tức có mặt trời thì con lạnh còn 6 tuần nữa mới chấm dứt. Liền đó nó rúc lại vào hang và ngủ thêm 6 tuần nữa.

Trường hợp nó không thấy bóng thì nhất định là mùa Xuân bắt đầu

Lối tin tưởng này đã kéo dài rất lâu song đối với các nhà khoa học lại cho là mê tín và vô căn cứ, vì rúc nó chun ra khỏi hang nhằm lúc mặt trời bị che không thấy bóng nó thì đã đến mùa xuân



CÁC LOẠI VẬT

chưa, nếu thật trời còn vào mùa Đông?

★ **Bản năng sinh tồn.**

Vấn đề chính đối với thú vật chỉ thu gọn trong một câu : « Có ăn và không bị ăn ».

Trước hết và trong nhiều trường hợp, chúng nhờ ở màu sắc của thân thể. Nhờ màu sắc giống hệt với mọi vật chung quanh mà chúng không bị quân thù nhìn thấy và cũng nhờ thế mà chúng rình bắt con mồi dễ dàng.



Con gấu trắng là chúa miền băng tuyết, sinh sống bằng thịt, Hải-cẩu và cá là hai món ăn chính. Nhờ trắng như tuyết, chúng bò đến con mồi mà con mồi không hay biết và bị bắt rất dễ dàng.

Con chồn tuyết hay con đa đa tuyết không mấy khi bị gấu bắt được, vì lông hai con vật này cũng trắng. Tuy nhiên, không phải lúc nào nó cũng bắt được mồi. Có nhiều lúc nó phải ăn thịt những con vật chết trôi giạt vào bờ, vì chính những con vật kia cũng có cách trốn lánh quân thù do bản năng tự vệ.

Nhiều loài chim mái nhờ màu lông mà khỏi bị bắt. Chỉ nhìn thấy chúng khi chúng bay thôi, còn lúc chúng nằm ấp trong tổ thì màu lông không khác gì màu tổ hay cành lá chung quanh. Đấng Tạo hóa đã khéo tay, nếu để lông chúng có màu sặc sỡ hay khác với màu sắc chung quanh thì giống chim này không thể tồn tại được.

Trong rừng rú, da các thú vật thường có vân hay có đốm, giống y màu sắc của rừng khi ánh

CÁC LOẠI VẬT



Đôi khi xuyên qua cây lá, cũng thành từng sợi, từng chòm, chỗ tối chỗ sáng. Nhờ cách này mà báo, ngựa vằn hay hươu cao cổ ẩn nấp hay rình rập đón bắt con mồi khác được.

Loại cá cũng khó nhìn thấy dưới nước vì lưng chúng sẫm và bụng thì trắng. Ví dụ một con chim đậu trên cao nhìn xuống con cá đang bơi, nó sẽ không thấy được cá nếu nơi đó đáy sông cùng một màu sẫm như lưng cá. Ngược lại nếu gặp lúc nền trời trong suốt con cá bơi dưới nước nhìn lên cũng không thấy con mồi nó định bắt đang ở trên mặt nước được.



Màu lông, da thịt cũng đổi màu để sống..

Ở một số thú vật khác, màu của thân thể thay đổi theo thời tiết. Con chuột hương, qua mùa hạ thì màu lông chuyển qua màu hạt dẻ, tiếp với màu lá cây, màu đất khô khan. Nhờ đó mà nó có thể bò gần đến con mồi mà con mồi không hay biết, mặt khác, có thể tránh được quân thù nó rất đông, vì thịt nó rất ngon, con vật nào cũng thích.

Con chuột hương, qua mùa đông cũng ăn nhiều như mùa hạ. Đến mùa thu, lông mùa hạ tự nhiên rụng và lông trắng mọc ra và từ đó lông nó trắng như tuyết nhưng có chỗ đặc biệt là màu

CÁC LOẠI VẬT

Đôi khi không thay đổi, vẫn giữ màu sẫm hơn.

Chim cũng thay lông tùy từng mùa. Chim Tangara được lông đỏ thắm và con troupial (một loại chim nhỏ sống từng đàn ở Mỹ) chuyển qua màu sẫm vào mùa thu trước ngày bay đi di trú. Có lẽ đổi màu lông để trong lúc bay đi xa không bị các giống chim khác đón bắt.

Đối với những con vật không lông, da thịt cũng đổi màu tùy theo cảnh vật chung quanh chỗ chúng ở.



Con chàng-hiêu ở trên cây. Lúc nằm trên cành hay thân cây thì màu da xám mốc; khi nằm trên lá màu lại hóa xanh. Thời gian thay màu không quá một giờ đồng hồ.

Con bạch tuột, con cá trảng lớn (prie) muốn đổi màu da sang màu đất cát hay sỏi sạn lúc nào cũng được.



Con nhện đậu trên hoa trắng, đậu qua hoa vàng thì mình chuyển ngay qua vàng tít khác.

Con tắc kè lại tài tình hơn nữa thay đổi màu gì cũng được, nhưng đổi với nó màu da không phải tuyệt đối như màu sắc chung quanh mà do nhiều yếu tố khác như ánh sáng thay đổi, nhiệt độ lúc đó hay do con vật bị những kích thích khác.

Khi con tắc kè ngồi, màu thường là xanh lá cây nhạt. Thình lình nếu bị uy hiếp, tự nhiên màu da trở thành lá cây tươi. Sáng sớm

và chiều tối da nó từ màu xám nhạt qua màu vàng nhạt. Bị mặt trời chiếu thẳng vào, phần lớn mình nó chuyển qua màu nâu sẫm. Do lối đổi màu da đủ cách ấy, nên mỗi lần nó thoát qua vườn khác, khó mà tìm lại nó được.

Khả năng tự vệ và tồn tại lâu dài

Đề tồn tại các vật đều có muôn ngàn cách tự vệ.

Loài cua chẳng hạn, nhờ ở vỏ cứng, loại mực lúc bị uy hiếp, phun ra một thứ mực đen làm cho kẻ thù không còn biết đâu mà sờ, những con khác có nhiều loại vũ khí đặc biệt như con truốt, con rùa, con nhím v.v..

Trong những vũ khí và khả năng đặc biệt ấy, phải kể linh tính thấy trước kẻ địch là một việc rất quan trọng đối các con vật yếu hèn thường hay bị uy hiếp.

Có nhiều con nhện nước, bơi rất tài, và lúc bơi, nó thấy quân thù nó cả dưới đáy sông cả trên mặt nước và kịp thời trốn tránh.

Ở đáy bể bóng tối quanh năm,

nhiều con vật có thể tỏa ra một ánh sáng riêng rất quyến rũ để nhử con mồi đến.

Con cá Heo có thể ở dưới nước 20 phút đến nửa giờ là nhờ phổi nó có thể giữ được một khối lượng không khí khá nhiều.

Có loại ốc sên đất, có thể ở lâu dưới nước nhờ một vôi nhỏ thông lên mặt nước,

Lại có nhiều loại cá ở rất sâu dưới đáy bể. Sức ép của nước



rất mạnh thì làm sao chúng sống mà khỏi bẹp dí mình ra? Có thể chúng được cấu tạo để sống ở thế giới riêng này. Mình chúng rất đẹp và khi muốn lên nước, chúng lấy hơi cho mình mập ra và sức ép của nước tự nhiên đẩy chúng lên, nhưng rùi lên quá nhanh, sức ép giảm đột ngột chúng có thể vỡ bụng mà chết.

Riêng con còng, khả năng thích



ngiht có lẽ tinh vi hơn hết. Còng bề thường ở nhờ trong vỏ các loại ốc đã bị bỏ, có dính một lớp sinh vật nhỏ. Đây là một giống vật nhỏ màu hồng, mới nhìn tưởng là cây cỏ gì khác. Loại này rất nhiều hình thức như một gốc cây có thứ trơn mình, thứ có gai để tự vệ, loại động vật này thuộc về giống xoang-trắng (coelentéré).

Dường như con còng bề đến sống nhờ trong xã hội xoang trắng này để ăn mình và trong lúc nó di chuyển đi tìm thức ăn, các con vật nằm trong vỏ sò này được mang theo và nhờ đó cũng tìm được thức ăn.

Lúc bị uy hiếp, và nếu ăn mình trong vỏ sò không đủ đảm bảo, còng

bề lại chạy đến kết đoàn với giống nhện bề « một bà con gần » vì hình thù giống hệt nhau. Nhện bề lại sẵn có kho lương thực lúc nào cũng đầy đủ như rong rác hay các con vật li ti khác mang trên mai hay nơi hai cái càng dài, chú còng bề lợi dụng tình thế, tạm bỏ cái vỏ kém an ninh và đối rách kia, đến nằm gọn trên lưng bạn; bạn đi đâu, theo đó và ăn mình đến nỗi họ nhà nhện không sao thấy được đề trực xuất.



Ngộ trạng

Có nhiều con vật tranh đấu cho cái sống bằng phương pháp ngộ trạng (mimétisme).



Con baton bu diable (loại châu chấu rất gầy chân dài) thường đậu dọc theo các cành cây nhỏ vì sắc của nó thay đổi đúng như màu cành nên con chim bay ngang qua hay đậu gần đó không sao phân biệt được để bắt.

Con ngựa nhà trời lấy đúng màu da cây khi đậu. Còn một loại ngựa nhà trời khác ở Á Châu, mình không khác hai lá cây ghép nhau lại. Trên cánh nó cũng có đường gân như lá. Chân nó đẹp như những lá nhỏ và cũng một màu với lá. Thêm vào đó có chỗ tĩnh xảo hơn là cánh nó cũng có chỗ rách như lá và khi gió thổi, lá trên cành cử động thì cánh nó cũng cử động theo lá.

Cũng có giống bướm ngộ trạng. Có một loại dưới cánh màu y hệt như lá cây khô, đến nỗi người đi qua nhìn không sao thấy nó đang đậu.

Một loại khác nữa, bướm Vice roi mà giống chim rất thích ăn, in hệt con bướm monarque. Con bướm này lại có mùi hôi thối mà không con vật nào dám gần. Nhờ giống con bướm monarque, nên lúc nó đậu các con vật kia tưởng lầm là con Monarque bỏi thối không dám đến bắt.



TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM * NGON * NGỌT

Duyệt lại văn-đề TRẦN-KÊ-XƯƠNG

nhà văn trào phúng đầu thê-kỷ XX

● PHẠM-VĂN-SƠN

(Tiếp theo PT số 221)

Về chuyện thù hằn ta không lạ nếu ông có nhiều kẻ thù. Cụ Trần-Tất-Đạt kể rằng: một hôm có người lạ mặt tự xưng là học trò nghèo đến xin bản hồi văn chương. Mặc dầu chưa quen biết, ông Tú vẫn tiếp và lưu lại. Người lạ ở được ít hôm thấy ông Tú có nhiều bề bạn, đối đãi với ai cũng rất chu đáo, đến ngày hân sắp cáo từ ra về, hân mời riêng ông Tú vào chỗ kín lạy mà thú rằng hân là thầy phù thủy được một tên cường hào, có thù với ông muốn đến yểm cho ông chết dần

chết mòn. Nay thấy ông là người đạo đức phúc hậu, y không nỡ hạ độc thủ và tỏ lòng cảm mến ông vô cùng. Ông Tú cười về về hân và khoản đãi y trọng hậu trước khi y lên đường.

Qua câu chuyện này, ta thấy quả ông Tú có nhiều kẻ thù, có những thơ phú hay ca dao xuyên tạc tư cách của ông và ông là người tính tình hào mại.

Về đức tính thương người, giúp bạn, ta thấy trong thơ của ông đã nói lên lòng phẫn uất của

ông đối với người đời ích kỷ, tàn nhẫn.

Ti dụ :

«Ai đời, ta đây cũng chẳng
no,
Cha thằng nào có tiếc không
cho...»

và ông giận cả kẻ bội bạc được
ông vay tiền cho tiêu lại chạy làng
để ông chịu trách nhiệm với chủ
nợ :

«Nợ mượn vay thay cũng
chẳng xong,

Không vay mà trả một trăm
đồng.

Kìa người ăn ốc đã khôn
chửa ?

Đề tờ đèn gà có hại không ?...

«Bạn ác không vay mà thức
lãi

Thối thành dù lịch cũng
thành keo '...»

«Tin bạn hóa ra người thất
thử, (1)

Vì ai nên nổi quyền đâm với...»

Bốn câu cuối cùng nhắc việc

bạn thấy ông tốt cứ xoay tiền như
là đòi nợ và trong một khoa thi
ông mãi « gà » bài cho bạn đến
nổi nộ quyền chậm bị loại chỉ
còn mang quyền thi về làm giấy
lộn bỏ cối giã với với đề làm hồ.

Tại nhà ông ở phố hàng Nâu
có dán đôi câu đối như sau :

An đắc thiên vạn gian, tính
vô hân sĩ :

Thương như vị tam nguyệt,
hà tất thiên thai

(nghĩa là : mong sao nhà có gần
buồng, để đón rước các học trò
nghèo thì nhất định sẽ không còn
người học trò nghèo nữa. Giá
cả năm được tốt trời như tiết tháng
hai, tháng Ba thì cần gì đến động
thiên thai). Với câu thơ này ta
có thể nói ông rất có tinh thần
hiếu khách hay xã-hội theo lối nói
ngày nay vậy,

Cũng không mấy ai đi lại nhà
ông Tú mà quên được hai vế câu

(1) Vì ông bầu chủ cho bạn, bạn
không trả được nên ông bị
tịch thu nhà cửa.

đối Tết đã nói rất rõ ràng tính tình
khoáng đạt của chủ nhân.

Cực nhân gian chi phẩm giá
phong nguyệt tinh hoài

Tối thể thượng chi phong
lưu, giang hồ khi cốt»

(Nghĩa là : Trong nhân gian
phẩm giá quý hơn cả, tính tình
lưu luyến đến cả gió trăng. Phong
lưu bậc nhất trên đời, lòng rất ham
chuyện sông hồ).

Và con người từng mang tiếng
oan là bệ rạc, là chơi bời nhảm
nhí, từng ca tụng :

«Nhân sinh qui thích chí,
Còn gì hơn hú hí với cô
đầu ? ...»

có thể có những đêm trường khắc
khỏi thể này chăng ?

Kìa cái đêm nay mới gọi
đêm,

Mắt giương không ngủ, bụng
không thềm,

Tình này ai tổ cho ta nhỉ ?

Tâm sự năm canh một ngọn
đèn»

Hay là :

Nằm nghe tiếng trống, trống
canh ba,

Vừa giấc chiêm bao, chợt
tỉnh ra,

Thiên hạ dễ thương đang
ngủ ca,

Việc gì mà thức một mình
ta ?

Ông lại có những mối tâm sự
uất làm ông hôn mê, trần trọc và
thấy bóng tối như dài vô tận :

Sự tỉnh trông ra ngỡ sáng
lòa.

Đêm sao đêm tối mãi ru mà?
Lạnh lùng bốn bề ba phần
tuyết,

Sáo sạc năm canh một tiếng
gà,

Chim chóc hãy còn nương
cửa tổ

Bướm ong chưa thấy lượn
vườn hoa !

Dù ai có muốn tìm ta đó,

Đốt đuốt lên soi kéo lẫn
nhà»

«Trời không chớp bề với
mưa nguồn,
Đêm nào đêm nao tờ cũng
buồn,
Bối rối tình duyên cơn gió
thoảng
Nhặt phèo quang cảnh bóng
trắng suông...»

và con người ấy luôn luôn thấy
mình bơ vơ, cô độc, luôn luôn
thấy mình như kẻ lạc đường, ngơ
ngàng giữa trời tối đêm mưa nơi
xa lạ :

Một mình đứng giữa quặng
cơ vơ

Có gặp ai không để đợi chờ
Nước biếc non xanh coi vắng
vẻ,

Kẻ đi người lại dáng bơ phờ

Hỏi người chỉ thấy non xanh
ngát,

Đợi nước càng thêm tóc bạc
phờ,

Đường đất xa khơi ai mách
báo ?

Biết đâu mà ngóng đến bao
giờ ?

Và những bề bạn thân tình
của ông Tú chưa mấy ai quên
tâm sự u-hoài và ái quốc của ông
trong hai bài thơ bất hủ tặng nhà
chí sĩ Phan Bội Châu, bấy giờ đang
bôn ba, lận đận nơi hải ngoại (sau
cuộc gặp gỡ giữa hai người khoảng
năm 1903) :

Ta nhớ người xa cách
núi sông,

Người xa xa lắm nhớ ta
không ?

Sao đang vui vẻ ra buồn bã,

Vừa mới quen nhau đã lạ
lùng,

Khi nhớ, nhớ cùng trong
mộng tưởng,

Nỗi riêng riêng cả mảnh tình
chung,

Tương tư lọ phải là trai gái,

Một ngọn đèn xanh trống
điểm thung»



Mấy năm vượt biển lại trèo
non,

Em hỏi thăm qua bác
vẫn còn,

Mái tóc Gáp thìn đã nhuộm
tuyệt,

Điểm đầu Canh tý chữa phai
son,

Vá trời gập hội mây năm vẽ,

Lấp biển ra công đất một hòn

Có phải như ai mà chẳng
chết,

Giang tay chống vững cột càn
khôn,»

Cũng một mối tâm sự chan
chứa u-hoài, đây nổi cô đơn
Trần-Kế-Xương còn có bài tứ
tuyệt như sau :

«Cái nợ hình dung có thể
nào ?

Khiến người ngao ngán ngần
ngơ sao ?

Biết nhau cho lắm thêm buồn
bã,

Đề khách bên trời dạ ước
ao « »

Và cũng một trạng thái tâm hồn
như tác giả truyện Kiều, ông cố
chống đối những cái dày vò, cái
ray rứt một bề từ nội tâm phát ra
như một cố tật, một bề từ ngoại
sinh luôn luôn sẵn tới, khiến cuộc

khủng hoảng tâm hồn như không
bao giờ dứt.

«Vui là vui gương kẻ mị...»
(Nguyễn Du)

Ông than nỗi cô đơn sau khi thất
bại, bởi trà đình, tửu quán vẫn
chẳng giúp ông tiêu được cái vụn
cô sầu :

«Dầu cho vui thú phung tri,
Khí vui mà vắng cố tri cũng
sầu,

Bạn đàn chưa dễ tìm nhau,
Bạn nghiêng, bạn bút có đâu
được nhiều.»

«Đêm qua trần trọc không
yên,

Vắng người cùng bạn bút
nghiên sao đành

Ngựa xe là thói thị thành,
Nào ai vui thú học hành là
ai ?

Nhớ khi thảo sách soạn bài,
Tựa trong khóm trúc, tựa
ngoài hồ sen,

Ngậm ngùi đối nguyệt trước
đèn,

Ta vui ai biết, ta phiền ai
hay ?

Của trời như nước như mây,
Lũ ta như đại như ngậy
như khờ,

Đi đâu một bước một chờ,
Vẳng nhau một khắc, một
giờ khôn kháy...»

Qua các văn thơ trên đây, ta không còn ngờ được tâm sự ưu quốc của nhà thơ sông Vị và cả nhân sinh quan của ông là chẳng sống cái sống bản thủ, tì tiện như bao kẻ đương thời. Nói rằng ông là con người của khoái lạc chủ nghĩa, là kẻ gần dờ, điên cuồng chỉ là đưa ra những nhận xét phiến diện là chẳng hiểu ông chút nào mà còn vô tình hạ giá oan uổng đáng mẫn. Trên hai ngàn năm trước một kẻ hát nhảm, nói càn ở chợ Hoài-Âm (đời Tây-Hán) đã từng vạch coa đường sống chết cho Đại Tướng họ Hàn (Hàn-Tín) mà Hàn không chịu nghe đến nỗi toàn gia phải tiêu diệt, kẻ đó là Khoái-Triệt. Khoái-Triệt có thật điên cuồng chẳng ?

Văn thơ phản ánh tâm hồn, xét văn thơ mới biểu được con người (Le style, c'est l'homme) thì những lời thơ trên đây đã diễn tả cái gì cao nhã hơn hết ở một con người, con người Trần-Kế-Xương của chúng ta.

Còn về phương diện ưu quốc; ta không thể liệt ông vào loại yêu nước như Phan-Bội-Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân v.v. những nhà yêu nước loại tích cực. Ông chỉ thuộc loại yêu nước tiêu cực mà thôi vì đã không thể cầm gươm vùng lên chiến đấu chống quân xâm lược, Nguyễn Khuyến và một số nhà nho khác cũng vậy. Các ông chỉ xư dụng được một thứ vũ khí : đó là sự bất cộng tác với kẻ địch và đưa ngăm ra ngoài dân chúng những tư tưởng ái quốc để cô vũ dân tâm, khuyến khích đồng bào hưởng ứng với các phong trào giải phóng dân tộc khi âm thầm, khi bộc phát, ở mỗi giai đoạn lịch sử. Các ông duy trì được một phần nào sĩ khí của đất nước bằng cuộc sống thanh bạch, trong sạch, các ông

đám lớn tiếng bằng thi ca, sĩ mà quân xâm lược và bè lũ tay sai, những kẻ xu phụ thời thế lối gạ què ăn quân, những bọn vong bản, phi nhân luân, ra luồn vào cúi cửa quyền môn. Những văn thơ trào phúng của ông ngay trong thời ông đã có nhiều tiếng vang đời như những nhát búa rìu nặng nề hạ tới tấp vào những bọn buôn dân, bán nước, vô liêm sĩ ? Bằng một kỹ thuật tinh vi sâu sắc, thơ ông lại có tính cách đại chúng nên đã thành những làn gió mạnh nâng cao tinh thần ái quốc của các giới đồng bào, trong khi đó thì các ông Nghè, ông Cử đại biểu là : Chu Mạnh Trinh, Dương Khuê, Dương Lâm v.v. . . xô đẩy nhau trên con đường ăn chơi, lãng mạn và sớm tối bình văn ca ngợi cái thanh bình của Tây quảng, ngăm hoa vịnh nguyệt bên các ả đào non như cô đầu Phàm, cô đầu Cúc v.v. . . ồn ào nhộn nhịp như điên như cuồng dưới lá cờ ba sắc.

Xét ra trong giai đoạn trí thức đánh dĩ với quân thống trị, chúng ta còn vớt vát được một số người

cao khiết, yêu nước như Trần Kế Xương, Nguyễn Khuyến cũng là may rồi. Nếu tất cả đều có cái «sĩ khí rút rè gà phải cáo» hay ham danh, vụ lợi thì làm gì có những ngọn lửa ái quốc ngăm đe tiếp ứng cho những cuộc vận động giải phóng dân tộc mấy chục năm gần đây.

Với bài này tác giả chỉ mong góp vài ý kiến thô thiển để mình định nhân cách và lập tư tưởng tư tưởng của ông Tú Trần Kế Xương bởi hậu thế chưa trả đầy đủ cái gì của César cho César, đồng thời xin lưu tâm các nhà văn, các nhà giáo thận trọng hơn khi viết văn bợc sử hay giảng giải về nhà nho sông Vị, có lẽ không là điều vô ích vậy.



MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Buồn nữa đi

Buồn nữa đi nghe mộng đạt dào,
Mơ màng trong biển sóng chiêm bao.
Mong đợi dáng nàng thơ bước đến,
Cho hồn lai láng tiếng lao xao.

Buồn nữa đi nghe chiều âm u,
Rung rung cho mắt lệ sa mù.
Buồn đi cho đầy hồn thi sĩ,
Đề ngẫm mây trời mơ dáng thu.

Đề tiếng tơ lòng rung ngắt ngảy,
Ước mơ xao xuyến đến voi đầy.
Bâng khuâng trong nỗi buồn vô cớ,
Cho gió mang hồn lên chân mây.

Buồn nữa đi, trên đường lá rơi,
Sầu lên man mác cả khung trời
Nên vì von mình như chiếc lá,
Thôi biệt ly rồi ! Thương nhớ ơi !

Đêm nằm nhìn bóng hỏa châu rơi,
Ánh sáng lung lay giữa dặm trời.
Buồn thêm cho ngập tràn lưu luyến,
Đề nàng thơ ấy ghé sang chơi.

NHẬT.HUYỀN-THANH

tâm sự Một người chồng

● MỸ-THANH

Anh Nguyên thân,

LÊ ra, tôi cũng chưa vội có bức thư này cho anh, nhưng chính vì lòng sốt sắng, sự giúp đỡ ân cần tận tụy của anh trong việc xe duyên cho tôi và Lan, mà bắt buộc tôi phải có mấy giòng này.

Tôi biết từ lâu, anh mến tôi lắm. Tình anh với tôi, tuy chỉ mới năm rưỡi trời quen nhau, có thể nói hơn tình ruột thịt. Cháu Ân nó cũng quấn quít anh hơn ông bác chánh thức của nó. Vì thương cháu sớm mất mẹ, vì thương tôi

còn trẻ tuổi, sớm cô đơn trong cảnh góa bụa, anh đã giới thiệu Lan cho tôi. Sự chu đáo của anh làm cho tôi vô cùng cảm động, nhưng anh ơi, hôm nay, giờ đây, tôi phải mạnh dạn mà thú thật với anh rằng tôi không thể cưới Lan, hoặc cưới một người nào khác trên đời. Sở dĩ vẫn đề anh đem bàn với tôi từ lâu, tôi chỉ ừ hử qua loa mà chưa chịu có ý kiến dứt khoát là bởi tôi không nỡ khước từ sự ân cần lo lắng của anh, của một người anh cả đối với đứa em út lúc nào cũng sẵn sàng nghe lời

anh chỉ bảo. Một là anh sẽ cau có khi đọc mấy giòng trên mà cho tôi là kẻ gần thứ nhất trên đời, hay là anh mỉm cười mỉa mai tôi là đạo đức rơm, việc gì vợ chết đã năm bảy năm mà còn thủ tiết.

Vâng, tôi thủ tiết anh ạ ! Tôi vẫn biết Lan mà anh giới thiệu cho tôi là một người con gái có đủ đức tính để đem lại hạnh phúc cho gia đình tôi mai sau. Cháu Ân sẽ hưởng lấy tình mẫu tử mà bấy lâu nó thiếu thốn. Với Lan, tôi khỏi lo cảnh lục đục gia đình sau này giữa mẹ ghê con chồng, tôi khỏi lo con bị hắt hủi đau khổ vì Lan yêu tôi, yêu cháu Ân bởi cảm thông cảnh ngộ tôi, anh chẳng đã từng nói với tôi điều ấy nhiều lần ư, anh Nguyễn ?

Chúng ta mến nhau hơn ruột thịt, anh cũng xác nhận điều đó chứ, nhưng tại sao câu chuyện tâm sự riêng tôi, tôi chưa từng nói với anh ? Lẽ thứ nhất, vì chưa có dịp dịp chạm đến. Lẽ thứ hai, vì mỗi lần nói ra, lòng tôi chưa xót vô ngần, bao nhiêu niềm hận tủi bấy lâu chôn chặt trong tim,



lại có dịp nổi dậy, dầy vò mảnh hồn tôi.

THUỞ ẤY, thầy tôi về hưu, cảnh nhà đã sa sút lắm. Anh nghĩ, chức Thông phán, lương bổng có là bao mà Thầy tôi tính cương trực, nên suốt thời gian làm việc cho đến ngày về hưu trí vẫn nghèo xơ, nghèo xác. Cả nhà chỉ sống nhờ vào non mầu ruộng cho cây rế và sức tảo tần thất lưng buộc bụng của mẹ tôi. Tuy vậy, thầy tôi học được. Thầy tôi cũng cố gắng cho tôi theo bậc Trung học. Như vậy, được một năm đầu nhưng rồi, đau đớn thay cho tôi, suốt ba năm sau miệt mài trên ghế nhà trường Quốc Học, tôi có biết đâu rằng mình đã chịu ơn to của một người hằng tháng hằng năm vẫn cấp dưỡng chi phí sách vở, ăn uống, quần áo cho mình. Nếu tôi biết, tôi đã lui về cầm cày, vác cuốc sống cuộc đời nông phu chốn thôn dã cho xong. Thì ra, mãi sau khi thi đỗ Trung học về nhà, Thầy Mẹ tôi mới nói cho tôi rõ : Thầy tôi và ông

Cửu chính là người đã đài thọ tiền ăn học cho tôi trong bốn năm nay. Trời ơi, anh có biết lúc bấy giờ tôi xử sự làm sao không ? Tôi chỉ biết có khóc mà thôi, chứ không dám phản kháng vì Thầy tôi vốn nghiêm khắc, cứng rắn với con. Hễ ý người đã quyết thì không một ai lay chuyển nổi. Mẹ tôi thấy tôi khóc, một mực dỗ dành tôi. Bà nói trong nước mắt : « Mẹ không muốn làm khổ con, nhưng cảnh nhà thế nào, hẳn con cũng biết chứ ! » Anh Cả tôi ít học, chỉ yên phận thủ thường nên đã có lần gọi tôi ra chỗ vắng mà la tôi : « Mày không biết xét, chỉ làm phiền Thầy Mẹ, được làm rể chỗ ông Cửu Bính là tiên rồi, còn đòi gì nữa ! »

Mọi người đều không hiểu tôi. Lúc ấy, cái chí khí làm trai của tôi biến mất, hai mươi tuổi đầu chứ ít gì, mà tôi chỉ khóc như người con gái bị ép duyên. Thầy Mẹ tôi đã đưa tôi vào vòng ân nghĩa để tôi không từ chối được mối duyên kia. Tôi chỉ tức sao các người không cho tôi chút tí tự do trước khi ước hẹn nhau,

để đến nỗi bây giờ gạo đã thành cơm, dù muốn dù không tôi cũng phải cố nuốt.

Thế rồi, một ngày mùa thu âm đạm như lòng tôi, có một đám cưới lớn tung bừng, cử hành đề thiên hạ phải trầm trồ : « Cậu Thanh con ông Thông-Tín, đồ díp-lôm, cưới cô Thuận con ông Cửu Bình ». Mọi người ăn uống



no say, nói cười hi hi mà riêng tôi, chú rể, tôi chẳng thiết đến món gì. Lúc đi theo họ đến rước dâu về, thật tình tôi đã khóc, làm cho Thầy tôi phải trừng mắt nhìn tôi. Ai lại ngược đời thế anh Nguyên nhỉ! Những giọt nước mắt đáng lẽ của cô dâu, nhưng đây, tôi cảm thấy cô dâu vui vẻ, hài lòng. Tôi nói cảm thấy vì tôi có

nhĩa mặt nhìn mũi dâu. Bắt đầu từ giờ phút ấy tôi trút hết cảm bòn lên người con gái. Nàng là cái gai trước mắt tôi. Tôi đâm ghét nàng ra mặt, ghét cả cha mẹ, anh em nàng. Tôi đứng đưng khi nghe những câu bông đùa của bà con trong tiệc ! Rượu thịt đầy bàn, xác pháo đỏ đầy sân càng làm tôi ngao ngán.

Ngày nhị hỉ, tôi đến nhà nàng lấy lệ, rồi trở về nhà tôi, giam mình trong phòng kín, lấy cớ bận học thi sư phạm. Tôi chỉ hội hiệp với gia đình trong những bữa ăn. Trong quãng thời gian học tập để ra làm ông giáo, tôi mừng thầm vì được xa nàng, tránh được cái mặt đáng ghét một cách « hợp lệ ».

Kể ra, Thuận không đến nỗi xấu. Khuôn mặt trái xoan, trắng trẻo trông

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CÚM

cũng thông minh, duy đôi mắt lờ lờ lúc nào cũng nhìn xuống, khiến người chậm chạp, buồn rầu. Về chữ nghĩa, nàng học đến lớp nhì rồi ở nhà, trông coi ruộng đất cho cha. Nhưng không phải vì tất cả mọi khuyết điểm ấy mà tôi chê nàng. Đôi khi tự vấn lương tâm tôi không rõ vì sao tôi không thể yêu nàng, dù chỉ một mây may.

Học xong một năm Sư phạm, tôi trở về nhà, mong mỗi nghe một dư luận gì không hay về vợ tôi. Nhưng tôi thất vọng xiết bao khi được thầy mẹ tôi cho biết rằng nàng hoàn toàn có đủ đức một người dâu chí hiếu, một người vợ đảm đang. Thầy Mẹ tôi dẫu hiểu thấu nỗi khổ tâm của tôi, các người tưởng tôi vui lắm.

Đầu tiên, tôi được bổ đến dạy một trường Tiểu học xa quê nhà mười lăm cây số. Tôi viện lý do lương ít, không đủ sống đề được đi một mình. Nhưng Thầy Mẹ tôi nhất quyết bắt tôi phải đem vợ đi theo với điều kiện rộng rãi, là nhà sẽ viện trợ thêm nếu chúng tôi thiếu thốn. Tôi cũng

thừa biết đó chỉ là một lời hứa khuyến khích tôi, chứ gia đình lấy gì mà viện trợ. Tôi bèn xoay chiến lược là thưa với các người đề cho vợ tôi ở nhà hầu hạ các người, giúp đỡ các người trong việc nông tang. Nhưng sau cùng, mọi khôn khéo của tôi cũng không làm Thầy Mẹ tôi đổi ý. Tôi phải nhượng bộ, đem vợ đi theo trong bao nỗi khổ tâm khó chịu.

Tôi thuê được một cái nhà rộng rãi, gồm có nhà trên và nhà dưới. Tôi dùng nhà trên làm phòng đọc sách, chấm bài và phòng ngủ. Suốt ngày, lúc ở trường và cả lúc ở nhà, tôi đóng cái cửa ngang lên xuống lại. Vợ tôi ở nhà dưới, lo việc bếp núc, chợ búa và giặt dũ. Chỉ những bữa ăn, tôi mới gặp nàng. Cả ngày, tôi giữ vẻ mặt lầm lì, không hề nói với nàng một tiếng. Mỗi lần nàng nói : « Mời anh xuống ăn cơm », tôi rất khó chịu. Hôm sau, hề nghe tiếng bát đĩa là tôi không cho nàng kịp mời, tự mở cửa xuống, sẵn sàng ngồi vào mâm, ăn một hơi đứng dậy. Tôi không ưa nàng, đến nỗi nàng

chăm chút giặt quần áo, vá mạng đồ rách cho tôi, tôi cũng không muốn. Sau cùng, tuy biết là hoài phí vô ích, tôi cũng mượn một đứa cháu trai để lo các việc riêng cho tôi. Nói cho đúng, thằng Bảo là «vị cứu tinh» của tôi. Trong những trường hợp bất buộc tôi phải nói hỏi đến vợ tôi thì tôi nhờ nó trung gian. Đến bữa,



hằng nhỏ mời tôi ăn cơm, giặt áo quần cho tôi, xem chỗ nào sờn rách thì bảo tôi đem đến thợ vá, mạng. Tôi tìm đủ mọi cách để vợ tôi khỏi tiếp xúc với tôi. Cách

tôi đối xử lạt lẽo với vợ tôi quá rõ rệt, khiến cho đồng bào quanh vùng đều biết, do sự tò mò thòe mách của một số học sinh đến nạp bài ngày thứ năm, chủ nhật. Lúc ấy có mang máng dư luận rằng vì tôi yêu một cô nữ sinh lớp nhất nên hắt hủi vợ nhà. Nhưng sau, thấy tôi vẫn giữ thái độ trang nghiêm, đứng đắn, nên dư luận ấy được dập tắt ngay.

Ở trường, tôi vui với đám học sinh ngoan ngoãn, về nhà tôi chỉ làm bạn với sách vở và thằng cháu nhỏ. Vợ tôi tuyệt nhiên không nói một lời. Trước mắt tôi, nàng chỉ là một người đứng không hơn không kém. Thế mà, lạ thay, nàng không hề than vãn, nàng không hề bỏ tôi về nhà cha mẹ nàng. Nàng vẫn âm thầm chịu đựng với một sức dai dẳng bền bỉ đáng kính, mọi nỗi nhẽ lạnh lùng rầy của tôi. Tôi còn nhớ một hôm dương nửa buổi dạy, tôi chợt nhớ ra đề quên quên tính đồ ở nhà, bèn đạp xe về lấy. Tôi bước vào, thấy cửa nhà trên mở tung, mà nàng thì đang quét dọn bàn học tôi, và tự tay xếp đặt chồng sách

cho ngay ngắn. Tôi nài cầu, và lạnh lùng bảo nàng : « Ai bảo dọn ? Đừng lục soạn vào đây của tôi ! » Nàng vừa cảm cúi quết, vừa lùi dần xuống nhà dưới, làm thỉnh không đáp. Sao cái vẻ mặt nàng lúc ấy đáng ghét thế. Phải chi nàng trả lời cho tôi một câu ! Tôi hăm hăm đóng sập cửa đi ra, bỏ mặc nàng với gian phòng vắng lặng.

Tình trạng vợ chồng chúng tôi kéo dài như thế suốt ba năm đằng đẳng mà Thầy Mẹ tôi lẫn ông bà nhạc tôi nào có hay biết gì. Các người vẫn yên trí là đã đưa chúng tôi lên tuyệt đỉnh của Hạnh phúc. Chỉ cái điều mà các người còn chưa được toại nguyện là mong mỏi con mắt chưa có cháu bé. Trước mắt các người cũng như họ hàng quyền thuộc, chúng tôi là cặp vợ chồng đẹp đôi nhất, vì tôi và vợ tôi, không ai bảo ai, mà cùng có ý định che giấu tâm sự riêng khổ não của mình. Họ cho chúng tôi muộn con tại số vợ chồng lao đao về đường tử tức.

Sau đó, vì một lời nhỏ trong

nghe, tôi bị đỗi lên một miền nước độc, thuộc huyện khác. Cổ nhiên là vợ tôi thu xếp cùng đi theo, cả đứa cháu «cứu tinh» của tôi nữa. Tôi vẫn giữ thái độ lạnh lùng với vợ tôi. Phần nàng, nàng vẫn luôn luôn âm thầm cố gắng chịu đựng một cách bền bỉ.

Cho đến một hôm kia, tôi còn nhớ mãi, vào một hôm mùa đông mưa rơi và gió lạnh. Ở cái chốn khi ho có gáy đã điều hiu, gặp tiết này, lại càng điều hiu thêm. Ngày thì không thấy mặt trời, đêm thì vô cùng âm u, vắng lặng đến rợn người, thỉnh thoảng điểm tiếng chim lạ buồn áo nào. Vào một hôm như thế, tôi bỗng lên cơn sốt mê man, hai ngày hai đêm nằm luôn trên giường bệnh. Lúc tỉnh dậy, tôi thấy vợ tôi ngồi trên chiếc ghế con cạnh đấy. Không rõ một

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI
THƠM ★ NGON ★ NGỌT

cảm giác gì buộc tôi đã mở mắt được, mà còn vô nhảm lại, chỉ bé nhìn trộm vợ tôi rồi lại nằm yên như cũ. Vợ tôi hốc hác, da mặt xanh xao, vẻ bơ phờ thiếu nảo. Đôi quầng mắt nàng thâm lại chứng tỏ nhiều đêm không ngủ, và đôi mi vươn vọt nói với tôi rằng nàng đã khóc nhiều vì tôi. Lần đầu tiên-từ ba năm nay, tôi không thấy khó chịu trước sự hiện diện của nàng, trái lại, một cái gì êm dịu hơn man hồn tôi. Một niềm yêu thương rào rệt, thấm thía làm tôi xuýt cầm lấy tay nàng mà hôn hít, mà van lơn nàng xóa bỏ lỗi xưa. Nhưng tôi kịp giữ lại hành động ấy. Tôi chỉ giả vờ từ từ mở mắt, một nhọc hơi trông không :

« -Thằng Bào đâu, cho miếng nước ».

Về mặt nàng sáng lên. Nàng ngàng lên nhìn tôi-cũng lần đầu tiên nàng dám nhìn tận mắt tôi-bất gặp đôi mắt dịu hiền của tôi nhìn nàng.

—Nó đi mua thuốc dưới tiệm, để em rót cho.

Nàng bưng tách nước hai tay, đứng trước giường đợi tôi ngồi dậy. Tôi mệt là người mấy lần chống cùi đều không dậy nổi. Nàng nhanh nhẹn vòng tay qua phía sau lưng tôi, đỡ tôi từ từ ngồi lên và để tách nước kề miệng tôi. Xong, nàng lại dịu dàng đặt tôi nằm xuống, cẩn thận kéo mền đắp cho tôi rồi rón rén ra ngoài. Một tuần sau, tôi khỏi bệnh mới hay là nàng đã chu đáo viết đơn xin phép cho tôi và thuốc men tôi uống, do một tay nàng chăm sóc.

Anh Nguyễn ơi, anh có biết không, sau trận đau ấy, tâm hồn tôi đã hoàn toàn thay đổi. Tôi thấy ở vợ tôi một cái gì quý giá, cao thượng, khó tìm thấy nơi người đàn bà khác mà tôi quen biết. Tôi bắt đầu yêu kính nàng từ đấy, bằng tất cả tấm lòng thành. Rồi càng yêu nàng, tôi càng hiểu nàng nhiều hơn và đời chúng tôi chan hoà hạnh phúc. Có điều tôi phục nàng nhất là không bao giờ nàng gạn hỏi tôi về lỗi cư xử tệ lạnh khi trước, và mặc dầu dễ chuộc lỗi xưa, tôi đối với nàng rộng rãi, nàng vẫn giữ mực kính yêu tôi,

không bao giờ vượt ngoài lễ nghi, khuôn sáo của gia đình. Rồi nàng sinh cháu bé đầu tiên, con bé Ân mà bây giờ anh thấy đó. Tôi đặt tên cháu là Ân để ghi lại nhiều kỷ niệm. . . .

Nếu cuộc đời không xáo trộn thì đầu ngày nay tôi có con cạ con kê kể chuyện với anh. Đời không xáo trộn thì hẳn chúng tôi còn sống đến bạc đầu bên nhau.

Nhưng mà. . . . Anh ơi, chiến tranh bùng nổ, vùng quê tôi lâm vào nạn tàn cư triệt để. Tôi vừa đưa gia đình tìm nơi trú ngụ xong là có lệnh trên buộc phải nhận công tác giáo dục tại một nơi xa, cách tỉnh nhà hai tỉnh. Cuộc chia ly, không nói anh cũng rõ là buồn chừng nào. Vợ tôi đã đào bồng con dại, bờ ngõ trong cảnh tàn cư mà lại phải xa chồng, xa kẻ nương tựa. Nàng tiễn tôi ra bến sông, mắt đầy ngấn lệ.

Ba năm qua, thỉnh thoảng tôi vẫn được tin nàng và con bình yên. Tôi ấp ủ niềm tin vui trong lòng cho đến một ngày kia, tôi

được phép trở về làm việc tại tỉnh nhà.

Tôi hôn ba vượt suối băng rừng suốt tháng trời mới về đến làng T. P., nơi trú ngụ của chiếc tổ ấm. Thì, đau đớn chưa anh, vợ tôi, người đàn bà luôn luôn đau khổ vì tôi, đang hấp hối trên giường bệnh. Nàng đã lao tâm nhiều vì chồng con, lại lao lực vật lộn với cuộc sống, nên đã nhiễm chứng bệnh hiểm nghèo. Tôi điếng người, không kịp hỏi han con tôi, quăng ba-lô chạy một mạch đi tìm thuốc cứu nàng. Nhưng đã trễ rồi. Thần chết lảng vảng một bên và năm hôm sau, nàng thở hơi cuối cùng trong tay tôi. Đêm trước nàng chưa mất, nàng ra hiệu bảo tôi lại gần rồi nói nhỏ :

— « Em chết đi, anh sẽ buồn nhưng đã có bé Ân. Phải chi chúng mình hòa hiệp sớm, anh sẽ có đôi ba đứa cho vui ! » Nói xong nàng mỉm cười, nụ cười héo hắt.

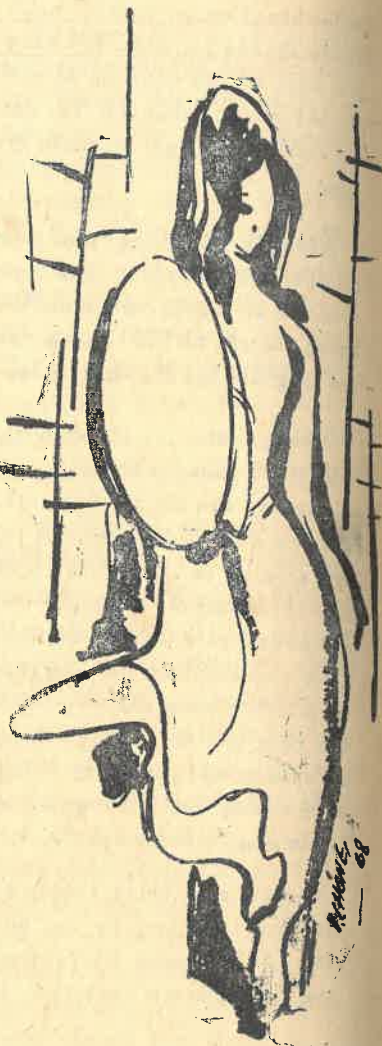
Trời ơi, từ hồi nào đến bây giờ, nàng kín đáo để dành câu

trách móc tôi đến phút này mới nói ra : « Phải chi chúng mình hòa hiệp sớm, ... » có khi nào một câu nói lên án tôi , « Tại sao anh nỡ để vợ anh lạnh lùng trong bấy nhiêu năm ?.. Chôn cất nàng xong, tôi ôm con khóc suốt tháng. Khóc vì tiếc rê, khóc vì thương nhớ, khóc vì ân hận,

Đến nay, vợ tôi đã bày cái giỏ rồi, cháu Ân vừa đúng mười tuổi. Nhiều khi tôi cũng cảm thấy cô đơn, và vất vả vì thiếu người nội trợ, nhưng đâu đây còn văng vẳng lời trối trăn của người bất hạnh, tôi lại xua ý nghĩ lập lại cuộc đời.

Anh Nguyên, chắc bây giờ anh đã cảm thông tôi qua lá thư trắng gang đại hải hôm nay. Nhờ anh kể lại với Lan, và anh đừng quên chuyển lời này của tôi : Với nàng tuy duyên nợ không thành, tôi luôn luôn giữ những cảm tình tốt đẹp và sâu đậm.

Thân mến,
Bạn anh,
THANH



TIẾNG NÓI GÁI TRAI THỂ HỆ



I.- Cảm nghĩ về bài của cô Ly Lan

Diễn đàn «Gái Trai thể hệ» đã bao phen đổi thay, nhiều đề tài được xét đến trong những nhận định của nhiều người. Tôi thường đọc, có đọc một cách vô tư(khoảng

Khoảng trước mặt và dấu chân đi trên lối mòn ở đồi núi Nhà trang, tôi thông thả đọc Phê Thông theo từng bước đi. Xuyên qua bài của cô Phan thị Ly Lan

(PT. số 218 1-3-1969) viết lên những cảm nghĩ của tuổi trẻ hôm nay. Ý kiến, cảm nghĩ đó làm cho tôi tự hỏi và lo sợ viễn ảnh nào đó rã rời theo tháng ngày, tư tưởng không mấy tốt đẹp với nhiều bi quan khi nghĩ đến tương lai - Tương lai mù mịt quá! Tôi nghĩ như vậy. Với cô thì đặt tương lai với nhiều tin yêu tốt đẹp đến nỗi chán nản. Nhưng tuổi trẻ của cô, của tôi, của thế hệ này không thể chán chường, thối mạt sự sống làm cho niềm tin bị văng mờ đục tỏa che.

Tuổi trẻ nhiều tươi vui, nếu, trong tư thế phù hợp. Cô mong quá khứ thanh bình để tuổi trẻ được vô tư tự tại - không luận yên ổn còn người không lo mà chính những giây phút nhàn cư, sung sướng nhất làm cho con người nhiều mong cầu, tham dục. Thân, tâm đối nghịch ở hai hoàn-thệ khác nhau, ở những quyết nghị đẩy xô thân xác vào ngõ cùng của sự sống.

Trở về quá khứ xa xôi-Tuổi trẻ mơ mộng qua rồi có làm được những gì trong khi văn minh Âu

Tây tiến bộ mà lớp người trước chỉ vì như ước mơ của cô-đã đưa chúng ta đến tình trạng chậm tiến-Là một trong những hạn thân làm thối mạt tiềm lực căn bản con người đích thực cho thực tế. Sống xa thực tế giúp cô được những gì? Thực tế làm cô phân vân. Chứng nhận của cảnh huống hôm nay « đều-được-nhìn » dưới nhãn quan đoán mộng thì hiện thể vẫn còn đầy dẫy tang-thương.

Cuộc sống của cô đi qua với những âu yếm, vỗ về. Bao nhiêu sung sướng ước mơ đều được nuôi dưỡng trong tháp ngà cho nên khi lớn lên những mong ước không được thỏa mãn và gặp một vài vấp ngã trên đường đời làm cô trách móc, tỏ ra không đồng ý với xã hội, với định mệnh. Dĩ nhiên. Hiện-thể đã an bày làm cô lên án phá-thệ!

Tình trạng bi đát của cô là do những dị biệt ý thức hệ ngoại lai xâm nhập vào phần đất nhỏ bé này. Nguyên nhân làm cho cô phải trực tiếp lãnh chịu là đó.

Cô chán nản cuộc sống hiện

hữu. Đầu phải tất cả đều hư hỏng thờ ơ, lãnh đạm. Mong cô đừng dùng ngôn từ như hành động của tay ngọc khi muốn lấy dũa trong ống. Cô còn nuôi dưỡng trong đầu óc những tư tưởng đó thì thể hệ này không trong lành vì có



những người—cô là hiện thân của thụ động, của bóng dáng tiêu ma, của vô vàn nghiệp lực đen tối... dù biết chiến tranh vẫn còn ngày đêm lục soạn.

Tâm trạng chân thành đối với cảnh huống Việt. Nam hiện tại, chứng tỏ cô tha thiết với niềm tin được sống trong tháp ngà, được uống tuổi trong và

tất cả vị kỷ. Thái độ ước mơ còn xa, lòng chờ bình an trên giải đất còn xa làm cô đưa tay buông xuôi cho thế sự, cho cơn tạo và cho ngoại cảnh chi phối. Tôi không biết cô nhắc đến trách nhiệm ở bình diện nào? Vô tan mộng ước của tháp ngà bị nghiêng đổ cần đến người có trách nhiệm tái thiết để cô được sống trong đó với tất cả tham cầu. Nỗi niềm thao thức ấy không riêng gì cô: than vãn, buồn rầu cho ta thấy cái bất lực của cô. Đúng.

Tôi cố gắng đọc, suy nghĩ lời khấn cầu của cô: « Chúng tôi thiết tha cầu nguyện cho chiến tranh sớm văn hồi trên mảnh đất nhỏ bé này »... Có lẽ ẩn công sắp lộn! còn sửa « mô-rát » nữa chứ! Nhà báo tôn trọng ngôn ngữ của cô ư! Không. Đúng. Tôi

Neurotonic

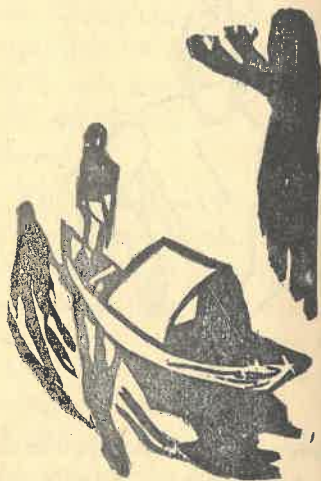
BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

tin với tạp chí Phổ thông không thể có việc bà bối xảy ra. . Từ hoà bình xa xôi nào đó. Từ chiến tranh đã im lặng. Cô đang sống trong hoà bình, an lạc ! Cho nên lâu ngày cô không được thấy cảnh dầu rơi, máu đỏ và muôn nhân loại không còn sinh trên thế giới Ta bà này. Ngón từ cần phải miệt mài như thép gươm để thoát xác hình thể hiện thực đó cô. Tôi không muốn nói đến những hạng người sống hưởng lợi trên khổ nhục của người khác. À ra, tôi đang nghĩ đến anh em; bạn bè chết chóc còn ám ảnh. Ý nghĩ trái ngược nhau, mâu thuẫn vô cùng. Tôi muốn xa rời thế giới nhân gian lắm cô ạ. Tôi sợ giết chóc, ly tan và cũng ghê tởm những cái chết được toàn thây như lòng cô muốn.

ANACINE
TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

Cô Lan ! Trong tiếng gọi bà bộn, khôn xiết, bà tha, người ta chụp mũ với những cơn khốc lốc kỳ quái đến buồn vô hạn. Không được nghĩ trước hung thần có sức mạnh tàn phá để rồi tỉnh thể bất ngát lạc-long. Tuổi trẻ



không làm tuyệt đối khi đang đứng giữa cơn lốc của ngôn ngữ quê chung mà chúng ta phải ly hương ngay trên xứ sở mình.

★ BÙI-CÁI
(Nha-trang)

II — (Nhân đọc bài của Phan Thị Ly Lan. Góp ý kiến về tuổi trẻ hôm nay

Gửi Phan Thị Ly Lan.

Đọc xong bài Lan viết... tôi thấm thía niềm đau của tuổi trẻ hôm nay. Dĩ nhiên chúng ta không còn vô tư thụ hưởng chất liệu hồn nhiên, tươi mát trong mỗi con người của chúng ta. Tuổi trẻ hôm nay bị xã hội chi phối, uy hiếp từ tinh thần lẫn vật chất ngay cả thời gian cấp sách đến trường. Những gương mặt buồn chán, liêu lĩnh, khắc khổ xuất hiện đầy rẫy.

Đọc xong bài Lan viết... tôi thông cảm với tiếng thét đau đớn của kẻ bị dồn ép cùng độ. Tiếng kêu trầm thống của riêng Lan tức là tiếng kêu chung của thể hệ chúng mình.

Dù rằng có thấm thía và cảm thông niềm đau của Lan. Nhưng tôi lại muốn đề nghị với Lan là chúng ta thử đặt lại vấn đề...

Hiện tại tuổi trẻ mất mát quá nhiều. Chiến tranh, tệ đoan xã hội diễn trước ta những hãi hùng, ghê tởm, những bất công, thối nát, trình bày những thực tế đau thương nhất, khốn nạn nhất. Dĩ nhiên cái gia tài buồn chán đó là do người lớn làm lẫn để lại và tuổi trẻ chúng ta lại gánh vác theo định luật tự nhiên. Vì thế, dù chúng ta có thét to lên, có gào cho đứt họng, có la cho long óc thì có thay đổi được gì chăng Lan, hay chỉ chứng tỏ sự hèn yếu của tâm hồn.

Hãy ngồi lại chấp nhận đi Lan, chấp nhận như một tai nạn xảy đến chúng ta, và những bàn tay tuổi trẻ vươn lên nắm chặt lại, một bàn tay xiết chặt một bàn tay và liên tiếp không bao giờ đứt, tạo thành một sức mạnh, một ý chí khắc phục cái tai nạn ấy.

Tại sao Lan bảo muốn sống gương mẫu thánh thiện không được vì bị ngoại cảnh chi phối?

Tại sao Lan lại cho rằng con người không định đoạt được cuộc sống của mình?

Tại sao Lan lại phân trần với những người đã dựng một khung cảnh đau thương cho chúng ta?

Và sau cùng, tại sao Lan biết lời kêu gọi của mình vô ích mà vẫn kêu gọi?

Chúng ta có thể gây dựng lại nếu thật sự mỗi người chúng ta muốn gây dựng lại.

Tuyệt đối không than van gào thét. Hãy góp nhặt những ý chí làm vũ khí, lấy hy sinh làm thắng lợi, lấy ý thức làm tuyên ngôn. Thì dù xã hội có đen tối,

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

đến đâu cũng phải rặng ánh bình minh, cuộc sống có bề tã đến đâu cũng có lối thoát.

Đừng bao giờ kêu gọi những người đã thực sự muốn sống nhân và hưởng thụ, những người đã chán nản, không còn nghị lực. Hãy để thời gian giặt lãn mòn họ trong quên lãng.

Giờ đây, quê hương mình tan nát, tuổi trẻ không có quyền gào thét xuống hay thụ hưởng. Mà phải hành động, phải vận dụng tất cả khả năng, nghị lực chiến thắng cá nhân mình và chiến thắng cái xã hội thời nát mình đang sống.

«Thà rằng thấp ngọn nến nhỏ còn hơn nguyên rĩa bóng đêm». Tuổi trẻ còn chần chờ gì không đốt lên những tia sáng loe lói. Tôi bắt đầu ngồi đếm... và hy vọng.

Vài ý kiến thô thiển trả lời Lan và trao về các bạn trẻ hôm nay.

Thân ái chào đoàn kết.

HỒ VĂN CÁN
Long Xuyên

Năm 1076 và 1128, Cao-Miên tiên quân ra Bắc-Việt như thế nào?

★ LÊ-HƯƠNG ★

Căn cứ vào những tài liệu do người Pháp tìm kiếm để dựng bộ sử Vương quốc Cao Miên, người Miên ngày nay thường hãnh diện trước công nghiệp của «các đấng Tiên Vương đã mấy lần cầm quân ra Bắc Việt». (1)

Chúng tôi xin trích một đoạn sau đây để cống hiến bạn đọc.

Năm 1066, Quốc Vương Udayadityavarman II thắng hà, không có con nối dòng. Người em Ngải là Hoàng đệ Harshavarman III (đệ tam) tức vị (1066-1080).

Năm 1076, Vua Tống Thần Tông (1068-1085) nước Trung Hoa chinh phạt Việt Nam để cướp vàng bạc, châu báu, bắt dân làm sùng u tây, ngà voi, mỏ ngọc tại cổng sứ Vua nước Kim đang

uy hiếp. Vua nhà Tống kêu gọi Chiêm Thành và Cao Miên giúp sức.

Bấy giờ Việt Nam còn gọi là Đại Việt dưới triều Vua Lý nhân Tông (1072-1127).

Quân Chiêm và Miên kéo đến Nghệ an thì được tin quân Trung

(1) Nguyên văn chữ Pháp : «Nos ancêtres ont porté les armes ju qu'au Tonkin».

Hoa từ Lạng Sơn xuống Hà nội, lúc ấy gọi là Thăng Long, quân Tàu do Tướng Quách Qui (Kouo-K'ouei) chỉ huy bị Lý thường Kiệt đánh bại. Hai đạo quân đồng minh phải tự động rút về nước.

Đến đời Vua Dharanindravarman I (1107-1113), một vị Hoàng thân tên Suryavarman vốn là cháu bên ngoại của Nhà Vua nổi loạn giết ông Cậu để đoạt ngôi. Ấy là Quốc Vương Suryavarman II (1113-1150).

Sử chép rằng: «Trên phương diện đối ngoại, Nhà Vua cần quân đánh nước Đại Việt, chinh phạt Chiêm Thành và bình định người Môn ở Mênam (Thái lan). Nhưng, những công nghiệp này không được chính nhà Vua khắc vào bia đá lưu truyền hậu thế, các nhà khảo cổ Pháp phải rút một đoạn trong sử ký nước Chiêm thành (1) đại khái như sau:

«Ngay khi lên ngôi, Vua Suryavarman II bắt đầu tấn công nước Chiêm Thành. Trong

những năm 1123 và 1124, nước Đại Việt chứa chấp những toạ người Cao Miên và Chiêm Thành lưu vong.

«Năm 1128, quốc vương Suryavarman II thân chinh với 20.000 binh sĩ tiến đánh Đại Việt tại tỉnh Nghệ An Ngải bị Tướng Lý công Bình đẩy lui. Mùa Thu năm sau, Ngải xua hơn 700 chiến thuyền cướp phá bờ biển Thanh Hóa và từ đó, ngải luôn luôn quấy rối nước này, thường kéo quân Chiêm Thành theo với sự thỏa thuận liên kết với nhau hoặc bắt buộc bằng vũ lực. Nhân đó, vào đầu năm 1131, nước Chiêm Thành tuyên chiến với Hoàng đế Lý-Thần-Tông (1128-1138) và năm sau, kéo quân vào Nghệ An cùng với quân Cao Miên. Quân Chiêm và Miên bị quân Đại Việt ở hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa hợp lại đánh tan tành. (2)

(1) tài liệu trong quyền «Vương Quốc Chiêm Thành» (Royaume de Champa của G. Maspero (trang 155-156).

(2) Ông G. Coedès trong quyền «Les Etats hindouisés d'Indochine et d'Indonésie» ghi rằng: Vị tướng chỉ huy hai đạo quân này tên Dương-Anh-Nhe (?)

«Quốc Vương Jaya-Indravarman III (nước Chiêm Thành) không muốn kéo dài cuộc phiêu lưu nên trong năm 1136 chịu thần phục Vua Lý-Thần-Tông, và không theo Vua Cao-Miên tấn công Đại Việt vào năm 1138. Quốc Vương Cao Miên bị khổ trong trận này và trút hết nỗi bức tức vào nhà Vua Chiêm Thành.

Năm 1145, ngải xua quân vào đất Chiêm, chiếm thủ đô Vijaya (thuộc tỉnh Bình Định ngày nay) và làm bá chủ lãnh thổ. Quốc Vương Jaya-Indravarman III bị mất tích trong lúc giao tranh, bị quân Miên bắt hay bị giết giữa chiến trường »

Cuộc chiếm đóng của người Cao Miên ở miền Bắc Chiêm Thành, trung tâm là thủ đô Vijaya kéo dài đến năm 1149.

Năm 1147, một vị Quốc Vương Chiêm Thành tên Jaya Harivarman I tức vị ở Panduranga (Phan Rang ngày nay) thuộc miền Nam lãnh thổ.

Năm 1148, Quốc Vương Cao Miên sai Tướng Cankara chỉ huy một đạo quân Miên và Chiêm đánh vua Chiêm tại bình nguyên Râjakara. Một đạo quân khác «mạnh gấp ngàn lần» tiến đánh Virapura. Quốc Vương Suryavarman II phong Hoàng thân Harideva em rể của Ngải (em của bà vợ thứ nhất) làm Vua Chiêm Thành đóng đô ở Vijaya.

Quốc Vương Jaya Harivarman I thân chinh tiến vào Vijaya và trên bình nguyên Mahiga. Ngải giết vua Harideva và tất cả Tướng tá, quân sĩ Miên và Chiêm theo Cao Miên. Quốc Vương ngự ở Vijaya, làm lễ dâng quang năm 1149. Đến đây, cuộc chiếm đóng của người Cao Miên chấm dứt.

Sau lần thất bại này, Quốc Vương Suryavarman II xoay qua nước Đại Việt. Năm 1150, Ngải truyền cho một đạo binh tiến ra Bắc. Vì không thể đi ngang đất Chiêm Thành, quân Miên phải băng rừng xuyên qua dãy Trường Sơn.

Sử chép rằng kết quả trận này còn thảm hại hơn lần trước. Đoàn quân lên đường giữa mùa thu, bất chấp thời tiết không thuận tiện. Những trận mưa tháng chín và tháng mười tai hại vô cùng. Quân lính bị bệnh sốt rét lúc qua núi Trường Sơn, thuở ấy gọi là Wou-Wen, và khi đến Nghệ An thì kiệt sức phải tự động rút lui không khởi chiến nổi.

Người Pháp soạn bộ sử Cao Miên nhờ những bản văn khắc trên bia đá, cột đèn, vách tháp ghi công nghiệp của các vị Quốc Vương và những đoạn sử của các nước láng giềng có giao hảo hoặc giao chiến với Cao Miên như Trung Hoa, Chiêm Thành, Việt Nam.

MIDOL

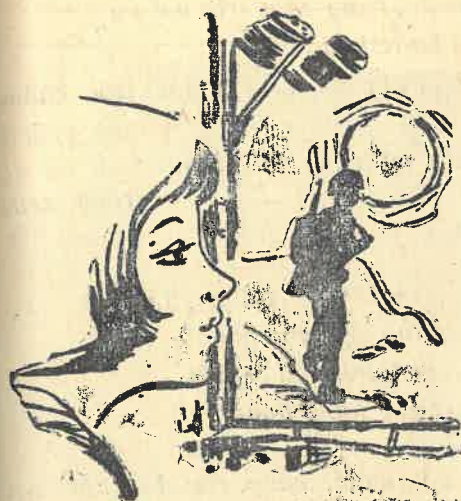
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CŨM

Riêng phần quan trọng này mà Vua Cao Miên Suryavarman II không để lại dấu vết, có lẽ vì lần nào tiếp quân ra Bắc cũng đều bị thất bại chua cay.

Trong quyển Việt nam sử lược trang 111, ông Trần trọng Kim. ghi về trận đánh dẹp quân Cao Miên và Chiêm Thành dưới triều Vua Lý Thần Tông (1128-1138) như sau:

“... Giặc già thời bấy giờ cũng ít. Một hai khi có người Chân Lạp (1) và người Chiêm Thành sang quấy nhiễu ở mạn Nghệ An, nhưng đó là những đám cướp phá vật không mấy nổi mà quan quân ta đánh đuổi đi được.”

(1) Tên gọi Cao-Miên từ khi lập quốc do người Tàu phát âm.



**Ngày
tháng
ở rừng**

★ YÊN.UYÊN-NGUYỄN

— Tiền tuyến Pleiku —

Buổi tối móc võng lên đầu đưa thân hình mệt mỏi
Thú dữ gầm gừ nghe nổi khiếp váy quanh
Đôi giày saut mới cởi bốc lên mùi hôi khó ngửi
Áo giáp dày nằm cứng đau lưng
Buổi sáng chim mới kêu, mặt trời chưa lên đã cuốn võng
Sờ vào nách nhót nháp một con vắt nằm trong vũng máu
đặc bầy nhầy
Lạnh như cắt, không rửa mặt, uống cà phê đen ngon ngọt
phồng to lỗ mũi
Điều thuốc đầu tiên trong ngày ẩm bờ môi thơm mùi thành phố

Ba ló nặng, đôi cao giốc đứ, rừng rậm trèo vất vớ
Đôi chân phồng lè từng bước trĩu buồn
Ngày hai buổi ăn cơm gạo sắng vơi đi hộp nuốt trôi không
Uống nước hôi mùi thuốc sát trùng nghe lạnh buốt lè dãi
trong cơ thể

Em ơi !

Ngày tháng ở rừng dài hơn đêm mùa đông Bắc cực
Mỗi bước chân thên chết rình rập vây quanh
Quê hương mình rộng anh đi hoài không hết
Biết đến bao giờ mới bỏ bước hành quân.

Gió đầu đưa vông lạnh, vất, muỗi, mòng, cắn đốt khó ngủ
Đom đóm rừng lập loè dọa nạt

Em ơi ! em...

Anh thăm gọi tên em như tên thần thánh
Em, bây giờ em ở đâu ?

Ngủ ở nhà cao nệm ấm hay trú ẩn trong hầm sâu nghe đạn
va từng nhịp thở ?

Chắc đêm cũng dài và sự sống cũng mong manh
Thi thê em có nguyên lành hay bị đạn hỏa tiễn 122 ly -
B40 - B41 cắn nát ?

Em ơi ! em ...

Chúng mình một lần nữa xin nguyện cầu cho đất nước
bằng yên



CON
VỎI
CON
VỎI

★ Cao Nguyên Lang

Thời kỳ còn nhỏ, tôi được nghe khá nhiều điển tích về «con voi». Mặc dù, trên thực tế, tôi chưa hề được nhìn thấy hình-thù của con voi bằng xương, bằng thịt, như thế nào? Song, tôi vẫn có thể tưởng tượng được nó đầy đủ, và hồn nhiên như thể câu thơ kể chuyện «con voi» trong ca dao Bình-Dân.

«Con voi con voi

«Cái vòi đi trước

«Hai chân trước đi trước

«Hai chân sau đi sau

«Cái đuôi đi sau rớt!

Sau này, khi đã khôn lớn. Nghĩa là, tôi đã từng có nhiều dịp được «xem voi», được nhìn tận mắt những chú voi hiền lành, ngoan-ngoãn, và rất là... khôn vật ở Sở Thú, trong những gánh xiếc, thì lại có một ông bạn ở đường rừng về, nói chuyện «thịt voi» làm tôi... thêm! Chẳng biết ông bạn này có thuộc vào loại «đi xa về nói dóc» hay không? Nhưng ông ta nói một cách quả quyết: «Ăn thịt

voi thật khoái, và có nhiều lạ-lùng: Ở mỗi bộ phận con voi đều có một mùi vị đặc-biệt — Ti như cái vòi nó, ăn sừn-sựt, thơm không khác Hải-nam. Cái tai nó ăn ngậy ngậy như da lợn rừng. Cái ngầu pín và «cặp trứng» của nó ăn bở dương, đã đành, mà mùi mẽ còn đặc sắc hơn cả mùi cây hương!...

Đại-khái, câu chuyện «thịt voi» của ông «đi xa về» này, không biết có phải là thứ «đầu-voi-đuôi-chuột» được thêm hành thêm mắm hay không? Bởi vì, sau này, tôi lại nghe nhiều người nói: «Ăn thịt voi chẳng có gì là thú vị! Nó dai còn hơn da giày của chàng Charlot trong phim *La ruée vers l'or*!

Tuy nhiên, dù sao thì cái chuyện của «Ông đi xa về» cũng khiến tôi nhớ tới chuyện mấy ông Thầy-Bói Mù trong Tiểu lâm về Con voi.

Một số người chất phác cho đây là một trò «chơi lợm» của ông Trạng Quỳnh, có thật! Nhưng, thực sự thì, không đời

nào ông Trạng Quỳnh, một con người học thức đầy đủ, lại đi bày cái trò vô-ý-thức và tàn nhẫn, với những kẻ, «trời» đã bắt tội tàn phế, đui-mù... để cười cái cười vô ý thức như thế! Mặc dù, ông Trạng Quỳnh từng nổi tiếng là một tay ưa chơi lợm: Lợm đời, lợm người chán, ông lợm ngay cả đến Vua. Chúa và các bậc thần-linh — Nhưng, cái lợm của ông hầu hết đều mang ý nghĩa «dạy khôn» cho đời, cũng như cách «đổi nhân xử thế».

Trở lại truyện mấy ông Thầy Bói Mù trong tiểu lâm có liên quan đến «con voi». Sở là: Có một kẻ, vốn thù mấy ông «Thầy mù» ưa nói dóc. Lại biết mấy ông này chưa được xem voi bao giờ—vì có mắt đầu đề mà xem! — Gã nọ bèn giắt một con voi đến, mời các ông mù «thưởng ngoạn», bằng phương pháp «sờ mó» vậy. Nhưng gã sỏ lá, cho mỗi ông sờ một bộ phận thôi. Sau đó, gã bày tiệc rượu cho mấy ông đớp-hít, và nhân tiện mở màn «hội thảo» về nhận thức của mỗi ông về hình thù con voi—Ông sờ cái

chân voi thì nhất-dịnh bảo con voi nó giống y hệt cái cột nhà. Ông sờ cái tai voi, thì cứ khẳng-khăng cho rằng con voi không đời nào giống cái cột nhà. Mà nó phải giống như cái quạt lúa Ông sờ cái đuôi voi nhảy nhồm lên cái cho bằng được, nó hao-hao như thể cái chổi xuề. Đến ông sờ cái vòi voi thì quả quyết như đinh đóng cột rằng, nó giống như con đũa bự... Rút cục, cuộc «hội thảo» biến thành cuộc «quần thảo» giữa mấy ông «bói mù». Ông thì bẻ đầu. Ông thì sút tai. Và, rút cục ông nào cũng mù-tịt, chẳng biết con voi như thế nào?

Có lẽ, vì cái thân hình đồ-xộ của con voi. Cũng như cái hình thù ngộ nghĩnh dị-hợm của nó, mà nó được người ta nhắc đến nhiều. Và những huyền thoại, do đó cũng được thêm dệt ra khá nhiều.

Bây giờ chúng ta tạm gạt ra ngoài những mẩu chuyện huyền thoại về voi, để tìm hiểu cái bản chất thực của loài Voi, cũng như nếp sống, và sự sinh hoạt của loài voi. Mà nhiều nhà khảo cứu nhân

chúng và thú vật, đã nhận xét :
*Loài voi có nhiều đặc tính
 giống như người : Cũng tinh
 quái, cũng hài-hước, cũng
 biết làm tình kín đáo. Cũng
 có ý thức đồng loại. Và có
 bồn phận với con cái...*

Tinh Quái và Hài-Hước

Có một lần nào đó. Bạn viếng
 thăm sở thú. Điều chắc chắn bạn
 không thể không ghé qua khu
 chuồng voi. Vào những ngày chủ
 nhật, và các ngày lễ, mấy đứa nhỏ
 bán mía ở đây « hốt bạc cắc »
 khá bọn, vì những « du khách »,
 ngoài cái thú « xem voi », còn
 cái thú « đùa voi » bằng những
 khúc mía « nhử voi » để nó
 làm trò, thật tinh quái và thật
 hài hước.

Một đứa trẻ cầm giống tre —
 Giống như khúc mía — khẽ nhử
 vào kẽ song sắt, miệng la lớn :

— Quỳ đi ! Mía nè !...

Như đã quá quen với « trò trẻ
 nít » này, nó phớt tỉnh, khẽ lắc

lư cái đầu. Các vòi nó cuộn cong
 lên, rồi lại buông phịch xuống.

Đứa trẻ lại la, dụ khị con vật :

— Mía nè ! Mía thật đây nè !

Lần này thì nó cúi rồi. Nó cúi
 cái tật « đùa dai » của chú trẻ nít.
 Cặp mắt nó lơ đãng nhìn đi chỗ
 khác. Nhưng cái vòi nó bắt lệ lấy
 khúc cây hất tung ra ngoài
 cho thẳng bệ !

Một người khác, cầm khúc mía,
 giơ ra trước tầm mắt nó. Nó khẽ
 gật cái đầu. Cái vòi nó đứng đưa
 ra cái điều muốn làm. Người này
 bèn đóng đặc ra lệnh :

— Quỳ xuống !

Nó nhìn khách. Nhìn khúc mía.
 Rồi hai chân trước nó kl.ỵu xuống.
 Cái đầu nó khẽ gật gật vài cái.
 Xong đâu đấy, nó ục ịch đứng lên,
 quăng cái vòi ra định cuốn khúc
 mía nhưng khách rút lệ tay lại...
 Khúc mía vẫn còn nguyên ở trong
 tay.

Khách lại bắt nó quỳ lần nữa.
 Nhưng lần này thì nó làm bộ
 lưỡng lự, như có ý dấn dỗi.
 Nhưng rồi nó vẫn làm cho đến
 khi tấp được khúc mía — Tức lắm,

nhưng rán nhịn nhục, miễn có ăn
 thì thôi !

Những hoạt cảnh trên đây,
 thường không mấy ai không gặp
 thấy ở sở thú, khi đứng trước
 chuồng voi.

Nhân nói đến đặc tính tinh quái
 và hài hước của loài voi. Tôi nhớ
 đến cái bữa tôi gặp Bác Nguyễn-
 Vỹ, ngộ ý sẽ viết về voi trên tạp
 chí Phê-Thông của Bác. Bác
 Nguyễn Vỹ nói với tôi là Bác
 còn giữ được cả chồng tài liệu nói
 về Voi. Nếu cần, bác có thể thày
 thêm cho tôi một mớ — Có điều,
 Bác lưu ý tôi là, phải viết làm sao
 cho vui, vì cái bản chất của con
 voi cũng có nhiều cái vui lắm. Đại
 khái như câu chuyện sau đây :

Một bác phó may, ngồi khâu
 trong tiệm. Bác ta có trái táo chưa
 ăn đến, để ngay trên thành cửa
 sổ, kể chỗ bác ta làm. Tinh cò
 chú voi đi qua. Thấy trái táo ngon
 lành, bắt cái vòi toan dở nhẹ, anh
 chàng phó may sợ mất mồi, tiện
 cái kim cầm trong tay đâm phóng
 vào vòi chú voi một phát, khiến
 chú co vòi lại !...

Lẽ cố nhiên, voi ta « đùa » lắm
 mà miếng mồi cũng « hồng » luôn.
 Chú ta tà tà đi ra sông gần đấy.
 Táp nước một hồi cho bà « con
 nục ». Xong, chú hút một
 vòi, lững thững bước trở về. Qua
 khuôn cửa sổ, anh chàng phó may
 đương ngồi hì hục đớp trái táo,
 voi ta lẳng lặng nâng vòi, nhắm anh
 chàng phó may bơm một hơi, cứ
 như nước vòi rồng của Sở cứu
 hỏa. Anh chàng phó may quăng
 trái táo chạy không kịp, ướt sũng
 từ đầu đến chân, không khác chuột
 lột !

Trà xong món nợ « ân oán » với
 anh chàng phó may, voi ta thủng
 thẳng bỏ đi, tinh bơ l..i.

Vấn cái chuyện hài hước của
 voi. Mấy bác tài, mấy tay anh chi
 buôn hàng chuyển, thường xuôi
 ngược miền rừng núi Lai Châu,
 và Thượng Lào kể chuyện, nhiều
 khi họ sợ muốn đứng tim vì cái
 trò « đùa dai » tinh quái của
 những con voi « no ăn rừng mớ » :
 Những con voi này hay rình ở
 những quãng đường quẹo đèo,
 nơi có xe cộ qua lại. Khi xe
 vừa trờ tới, thì bất thành linh nó

rồng lên, lao ra giữa đường, đứng sừng. Mắt nó chăm chăm nhìn vào những người ở trên xe. Hai tai nó vênh lên như sửa soạn một cuộc tấn công quyết liệt. Mọi người đều nín thở. Ba hồn bầy vĩa như bay vút lên mây xanh ráo trọi ! Nhưng...không ! Nó lùi lại, đứng đẹp sang một bên đường

đung đưa cái vôi, như làm hiệu cho xe « cứ việc đi qua ». Cặp mắt ti-hí, nhưng đầy tình-quái của nó nhìn khuôn mặt thất đảm của những người trên xe, có vẻ hài lòng và thú vị lắm !

Kỳ Sau : Mục ái tình và những trò « làm tình » của Voi.



Hỷ Tín

Thân ái mừng ông bà Bửu Đáo — Trình Tiên, 39, Nguyễn Thái Học, Nha Trang, đã làm lễ thành hôn cho trưởng nữ :

CÔNG-HUYỀN TÔN-NỮ THỊ-NHA-TRANG

(Bút hiệu THANH-NHUNG)

đẹp duyên với : LAURENCE ALLISTER GORDON MOSS

Ngày 20-4-1969 tại Nha Trang.

Chúc đôi tân hôn được hạnh phúc bền lâu.

NGUYỄN-VỸ

Văn-chương

★ ĐÔNG-TÙNG



Từ trên cung Trăng
rơi xuống một quả bầu...

« Thần thoại » Lào quốc kể chuyện rằng : Nước Lào lúc ban đầu chỉ là núi ngàn mệnh mỏng, chưa có người ở. Tiếp đó tự trên trời lại rơi xuống một đức Phật tên gọi là Phaya-Then tay cầm một thanh sắt nung đỏ, dúi vào quả bầu, hột bầu chầy trào ra, cứ mỗi hột bầu như thế nở ra một con người.

Nhưng chỉ một lỗ đấm, không đủ cho người ra. Đức Phật lại lấy kéo cắt ra một mảnh rộng nữa.

Do đó mà người Lào hiện nay có 2 giống đen trắng khác nhau. Những người ra ở lỗ dùi sắt thì da đen, ở nơi cắt kéo thì da trắng.

Nước Lào từ thế kỷ 12 trở về trước, rất ít sử liệu để nghiên cứu, có thể nói là chưa có sử. Cho mãi tới năm 1292 đời vua Râma-Kamlêng de Soukhodaya về sau mới tạm gọi là có lịch sử.

Lào là một quốc gia, lãnh thổ không đến nỗi quá nhỏ hẹp, gồm

VĂN CHƯƠNG LÃO

236.800 Km². Nhưng dân số lại ít, trong ngoài 3 triệu gồm các giống: Lào, Mẹo, Phù-Thầy, Xơ, Cà-Lơ.

Cương giới Lào quốc, Bắc giáp Miến-Điện, Trung-Hoa và Bắc VN, Nam giáp Căm-bu Chia (Cambodge), Đông giáp Cao-Nguyên và Trung bộ Việ.-Nam, Tây giáp sông Cửu-Long (Mékong).

Là một dân tộc hiền lành nhỏ yếu, cho nên trước đây Lào quốc thường bị ngoại bang xâm lược:

Năm 1778, nước Lào bị quân Xiêm (Thái Lan) do tướng Mahá-Ratsaxut kéo quân Xiêm vượt Mékong tiến đánh kinh đô Lào quốc-Luông-Prabang, cướp mất pho tượng Phật bằng ngọc xanh, là một bảo vật quý nhất của Lào quốc.

AI đã có lần tới Vọng-Các (Thủ đô Thái-Lan) đi tham quan chùa « Vất phả Kẹo » (chùa bụt ngọc) thì chính là pho tượng Phật ngọc xanh đặt nơi này vậy.

Lào quốc bị ngoại bang xâm lược gần 50 năm, cho tới năm 1828, nhân dân Lào dưới quyền chỉ huy của nhà ái quốc Chau-Anôn

nổi dậy đánh đuổi người Xiêm. Trải bao phen chiến đấu gian khổ nhưng rất anh dũng, kết quả chỉ vì sức non yếu nên phải cắt hai khu vực là Udonne và Korat nhường cho Xiêm. Xiêm đem sát nhập vào lãnh thổ của mình (gọi là Laos Siamois). Lấy sông Mékong làm ranh giới Xiêm-Lào (2 khu vực này nay Xiêm chia thành 11 tỉnh gọi là khu Đông-Bắc Thái-lan).

Lại năm 1873, quân Tàu từ Vân-Nam cũng qua khu vực Thượng Lào tàn phá cướp bóc, nhân dân Lào lại một phen điêu đứng.

Nước Lào từ đời xưa tên gọi là Lán-Xàng, chỉ do một giòng họ kế tiếp nhau trị vì. Đầu thế kỷ 17, nước Lán-Xàng tách ra làm đôi, đứng đầu có 2 vị vua cùng chung một giòng họ cũ: Vua Oum-Kham ở Luông-Prabang (Thượng-Lào) và vua Kham-Souk ở Champassak (Hạ Lào).

Khi Thực dân Pháp dòm ngó vào Đông-dương, dĩ nhiên có cả Lào quốc. Năm 1807, phái bộ Auguste Pavie của Pháp đặt gót

VĂN CHƯƠNG LÃO

chân lên đất Lào, chuẩn bị cho việc xâm lăng.

Năm 1893, nghĩa là sau 9 năm Hòa ước Pa-tơ-Nốt (1885) tại Việ.-Nam. Pháp nuốt luôn cả Lào với cái gọi là hòa ước Pháp Lào 1893.

Rồi cũng vậy, 80 năm qua dân tộc Lào cũng cùng số phận làm dân mất nước với hai anh em Việ.-Nam và Căm-bu-Chia.

Đại chiến thứ 2 bùng nổ, Pháp bị bắt chân ở Đông dương, cả ba dân tộc Đông dương nổi dậy làm cách mạng thu hồi chủ quyền. Nhưng chính phủ quốc gia Lào do « Mặt trận Tự do » tổ chức vừa mới ra đời được mấy tháng, thì cuộc chiến tranh tái chiếm Đông dương của Pháp bùng nổ:

— Ngày 17-3-1946, Pháp tái chiếm Savannakheh

— Ngày 25-4-1946, Pháp chiếm thủ đô Vientiane

— Ngày 13-5-1946, Pháp tái chiếm Luông Prabang

— Ngày 4-6-1946, Pháp tái chiếm Sầm-Nưa

— Ngày 21-6-1946, Pháp tái chiếm Phong-Sa-Ly.

Vì sức còn non yếu, chính phủ lâm thời thất bại, phải lưu vong sang Vọng-các (Thủ đô Thái Lan).

Sau đó Pháp ký một tạm ước với quốc vương Lào Sisavang-Vong vào tháng 8 năm 1946. Pháp công nhận Lào là một quốc gia tự trị.

Tuy nhiên, giá trị tạm ước này vẫn không hơn không kém hiệp ước Vịnh Hạ Long giữa đại diện Pháp và Bảo-Đại tại Việ.-Nam.

Qua 9 năm chiến tranh đau khổ Hòa hội Genève nhóm họp, số phận Lào-quốc được quy định trong hiệp định này về Đông-dương. Nhưng rồi hòa bình chỉ có trên mặt giấy.

Năm 1962 lại một lần nữa, vấn đề Lào được đem ra Genève, rồi cũng bàn cãi và ký kết, rồi cũng chỉ trên mặt giấy.

Văn chương cổ điển Lào

Ngoài một số kinh Phật, còn những áng văn chương có tính chất tôn giáo của Đạo-Phật, hiện còn tàng trữ ở các ngôi chùa cổ kính ở trên đất Lào.

Nước Lào cổ còn cả một kho tàng văn chương cổ gồm nhiều tác phẩm, nhưng ít được thấy ghi tên tác giả. Nội dung bao gồm những chuyện cổ tích có tính chất thần thoại, những mẫu chuyện luân lý dạy đời, chuyện Ngụ-ngôn, chuyện hài hước, như chuyện Tiểu lâm ở Việt-Nam vậy.

Nếu ai đã từng đọc kỹ những tác phẩm của Charles Perrault một văn hào nước Pháp, sẽ thấy Văn chương cổ điển Lào hiện lên trong tác phẩm của văn hào Tây phương này, vì đa số nội dung rất giống nhau.

Ngoài một số tác phẩm của nhà văn cổ điển Lào Jatakas, còn có nhiều tác phẩm vô danh, mà các nhà khảo cứu văn học cổ Viễn Đông cho rằng đã phóng tác của Ấn độ, điều đó rất có lý.

Vì trong khối văn hóa phần lớn của Á-Đông là Trung Ấn : Trung Hoa gồm Tàu, Nhật bản, Việt-

Nam, Triều Tiên. Ấn gồm : Ấn-Độ. Miến Điện. Mên. Lào.

a) Tác phẩm Pancatantra

Đây là một bộ truyện gồm có ngụ-ngôn, người Lào cổ phóng tác theo một danh tác của Ấn-độ, từ năm 579, người ta đã dịch ra tiếng cổ S,ris, Á-Rập và truyền bá khắp nơi. Nhà Văn hào Pháp LaFontaine, trong những tác phẩm của ông, người ta thấy bóng dáng tác phẩm này rất nhiều

Cho hay câu nói : Văn hóa, Văn chương là vốn liếng chung của nhân loại, rất là chí lý.

Chính nội dung câu chuyện « Một ngàn lẻ một đêm » mà ngày nay được phổ biến khắp thế giới, người ta đã thấy nằm trong bộ sách xa xưa của người Lào nói trên.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

B) Râma Yana cũng là một bộ sách rất có giá trị mà người Lào cổ đã phóng tác của Ấn độ ra. Nội dung là ký sự một nhân vật anh hùng đã được thần thoại hóa.

C) Các bộ tiểu thuyết cổ ở Lào : Văn chương bác học cổ ở Lào, có nhiều bộ tiểu thuyết rất có giá trị, bao gồm cả tán văn và vận văn, cũng như ở Việt Nam ta vậy. Điển hình nhất là những bộ : Kalaket, Lin Tuy, Surivong, Camban, Usabarot nhất là bộ Sinxay.

Nói chung, bộ nào cũng được màu sắc nhân quả, luân hồi, nghiệp chướng của đạo Phật, điều đó ta không ngạc nhiên. Vì dân tộc Lào, đạo Phật là một tôn giáo duy nhất.

Sau ngày nước Lào bị Pháp cướp, Văn chương Pháp tràn ngập vào Lào. Tuy nhiên, chất cũng như lượng, ảnh hưởng văn chương Pháp ở Lào so với Việt Nam, thì bây còn kém xa.

• Văn chương bình dân Lào

Văn chương bình dân Lào

có rất nhiều điểm giống văn chương bình dân Việt Nam, cả nội dung lẫn hình thức. Cũng ca dao, tục ngữ, Hát ví, Tiểu lâm, chứa đựng tinh thần luân lý, lịch sử, cảm hứng thiên nhiên, tình yêu trai gái.

Về phần hình thức cũng tứ ngôn, ngũ ngôn, thất ngôn, cũng yêu vận, cước vận.

Tuy nhiên, về phẩm cũng như lượng so với V.N, thì còn ít ỏi một mạt hơn nhiều.

Trước hết chúng tôi xin kể qua về tục ngữ Lào

Cũng như ở V.N., ở Lào cũng có rất nhiều những câu tục ngữ, chứa đựng một chân lý, một quy luật Xã hội, một nhân quả của Đạo Phật. Ví dụ :

Phước kìn há ngãi (cước)

Phước tai (yêu) há nhạc

dịch nghĩa :

Kiểm bạn ăn uống dễ

Tìm bạn chết sống khó

và

Xả Mắc Khi phứa hęc (cước)
Bềng nhęc (yêu) tổng tài

Dịch nghĩa :

Đoàn kết để đấu tranh thì
còn

Chia rẽ thì chết

và :

Lộp nấc mắc lạp hái (nấc...
mắc... liên vận)

Dịch nghĩa :

Lòng tham càng to, tai họa
càng lớn.

và

Mấy lăm nừng, dăng tang
pông (cước)

Phĩ cặp nống (yêu) dăng
tang chay

Dịch nghĩa :

Tre một cây mỗi mắc mỗi
khắc

Anh em một nhà mỗi người
mỗi ý

và

Bạn cột mường hỉ dòn
(cước)

Lắc xá vẫy chôn tài (yêu)

Dịch nghĩa :

Liều chết để bảo vệ nơi
chôn nhau cắt rốn

Tình yêu trai gái là nhựa sống
của con người. Nhưng khi tình
yêu đặt không đúng chỗ, thường
khi cũng xảy ra tai hại. Cho nên
sách Trung Hoa có câu « Sắc bất
ba đào dị nịch nhân ». Việt Nam lại
cũng có câu « Tình là giấy oan ». Ở
Lào cũng có một câu tục ngữ
tương tự :

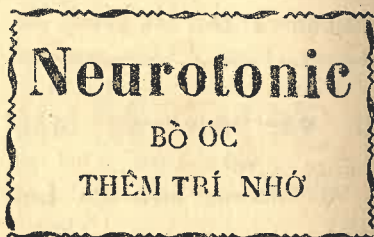
Xặt tả ri pên xặt tả rù
khoảng mà nút

Dịch nghĩa :

Con gái đẹp có khi cũng là
họa của con người

● Ca dao, phong dao
Lào

Nói chung Ca dao, phong dao



ở Lào đa số để biểu diễn tình yêu
trai gái, biểu diễn một cách hết
sức mộc mạc, gần như lộ liễu, ít
có bóng bẩy hay ho như ca dao
phong dao V.N...

Vì vậy Ca dao, Phong dao
Lào hầu hết là thể phú, đôi khi
có thể tử, rất ít thể hứng : Ví dụ :

Dặc kin khâu pày dụ bạn nà
(cước)

Dặc kin pà (yêu) pay dụ
bạn huội (cước)

Dặc kin cuội (yêu) âu cuội
ma pục (cước)

Dặc day lục (yêu) hay ai
non năm

Dịch nghĩa :

Muốn no em phải cấy cày

Muốn cá em phải vãi chài
xuống sông

Ăn chuối thì em phải trồng

Muốn có con bông em nằm
cùng anh

Có khi còn lộ liễu hơn thế nữa :

Đức đức khộn, khó non
năm dề (cước)

Khó nhè (yêu) tẹ cốn, nùm
chậu bộ bái !

Tạm dịch :

Đêm khuya lằm rồi

Cho tôi nằm với

Xin đi sau trôn

Vú không sờ tôi

Chú thích : Theo phong tục cổ
truyền Lào, vú là một vật
tối thượng của người phụ nữ,
ngoại trừ người chồng chính thức
thì không ai được bén mảng tới.
Vì vậy người tình lang chỉ xin đi
sau bàn trôn, chớ xin cam đoan
không dám động tới đôi vú nàng.

Tục cưới hỏi ở Lào quốc cũng
còn rườm rà, việc đó đã làm trở
ngại không ít cho những đôi trai
gái yêu nhau chỉ vì điều kiện vật
chất mà họ chưa được thành đôi
lúa, thường thường họ cũng
thốt lên :

Dặc nầu mia bộ mi ngân
tềng (cước)

Ngân chậu tềng chậu, xá hại
nị khời theng (cước)

Tạm dịch :

Muốn lấy vợ mà không tiền
cười

Cho anh mượn tiền em để
cười em

Sau về vợ chồng làm ra sẽ
hoàn lại

Chấp thuận lời đề nghị của vị
hôn phu nàng nói :

Ngân khoai tềng khoai đay xi
(cước)

Tủa năm phò mẹ thân thì
(yêu) phị ời !

Tạm dịch :

Đây đây em trao anh liền
Nói dối thầy mẹ là tiền của
anh

Có những người nghèo khó,
đời sống luôn luôn cam khổ, thậm
chí kiếm không ra tiền để cưới
vợ :

Đặc kin khâu bộ mi nhăng
cấp (cước)

Đặc non lấp (yêu) bộ mi
xảo cọt.

Dịch nghĩa :

Muốn ăn cơm không có gì
ăn với

Muốn nằm ngủ không có ai
nằm cùng

Cầm cảnh trước những thiếu
phụ, hoặc đứt gánh nửa chừng
xuân, hay bông hoa đã quá thời
mà vẫn còn là bông hoa vô chủ,
nhiều khi người ta cũng ngậm
ngủi thay ;

Dính bộ mi phứa (cước)

Piệp mượn ngựa (yêu) khâu
cụt (cước)

Thàng nạ mô nạ mà (cước)

Ấu phà phứt pha (yêu) tua

Dịch nghĩa :

Những cô con gái không
chồng

Khác nào con nghề sứt sừng
khó coi

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

Ngó ngược rồi lại trông
xuôi

Năm canh chiếc bóng lẻ loi
một mình

Là một xã hội nông nghiệp sơ
khai, người bình dân chỉ biết
trồng cấy vào thiên nhiên mưa
nắng. Nếu như người nông dân
Việt Nam biết nói :

Lạy trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cấy

Và :

Trông trời, trông đất, trông
mây

Trông mưa, trông gió, trông
ngày trông đêm

Thì người nông dân xứ Lào
cũng biết nói :

Phốn tục heng heng (cước)

Mạc teng (yêu) pên nuôi.

Phốn tục ruội ruội (cước)

Mạc cuội pên (yêu) lăm

Dịch nghĩa :

Lạy trời mưa giống to

Cho đưa leo tôi sinh quả

Lạy trời mưa tầm tã,
Cho vườn chuối tôi trở hoa.

● Kết luận

Sau Đại chiến thứ II (1939-
1945) kết liễu, Lịch sử Văn
chương, Văn nghệ của ba dân
tộc Đông dương bước vào một
khúc ngoặt, lẽ dĩ nhiên Lào
quốc cũng phải ngoặt theo và phát
triển phong phú lên rất nhiều.
Những thi văn sĩ người Lào loại
Thao-Ma, Cou Chon, Kham
Phon, cũng đã dùng bình cũ
của người Pháp để đựng rượu
mới của dân tộc Lào, cho nên thơ
mới của Lào đã hai mươi
năm nay cũng phát triển rất
mạnh.

Tuy nhiên, dân ca và âm nhạc
cổ điển của Lào quốc vẫn được
duy trì và phát triển.

Qua làn sóng điện của đài bá âm
Vạn Tượng, và những đài bá âm
khác trong những giờ tiếng Lào,
đã bảo đảm chắc chắn cho lời
nhận xét của chúng tôi.





Chiến thuật cá nhân ngày đêm

● NGOC-TUYỀN
K.B.C. 3603

Từng hồi còi ngắn thúc giục. Từng tấm lòng rối lên. Cửa trại bật tung như cái nút nhựa của một chiếc súng hơi bấm nút. Từng tên lính tung ra.

Tôi đứng phắt dậy, nài nịt gọn gàng và trọng khoanh khắc, đội nón, xách súng vào hàng.

Mười sáu dãy lính ngay-ngắn đồng cỡ, đồng kiểu, im-lặng nhận lệnh khởi hành vùn tất.

Đúng giờ, chúng tôi di-chuyển. Người nối người rập-ràng tiến

bước. Qua chiếc cổng có hai tên lính canh. Dãy đội rẽ thành hàng tôi. Họ im-lặng đếm bước chân mình, đôi tay giữ thế súng tác chiến.

Trời đổ xuống từng vũng nắng. Mặt đường, ô gà bắt đầu ghi đôi chân họ lại. Đây bờ thông reo vì vu, móm từng bóng mát khiêm nhường trên bờ cát nóng bỏng. Tôi bước vọt và tiến chiếm từng ngôi một. Biển rêu gọi nhiều đợt sóng lấp lánh phủ bóng hè sa số những mảnh thủy tinh vỡ. Hơi thở biển xanh lồng vào buồng phổi tôi những cái rùng mình khoái cảm.

Ở đây, anh bạn hàng xóm núi non, có thân hình cường tráng và cuộc đời gai góc, táo bạo ở sát nách chi lăng giềng đai-dương bao dung, nhưng không kém thóc-mách, lá-lời.

Những dốc cao, sườn đồi thoải thoải nối tiếp hôn bước chân người lính chiến. Đoàn người im-lặng nhào mình đi lối như một con rết dài, cổ trườn qua mô đất cao phía trước. Bờ cỏ khô xào-xạt gây âm thanh gầy-gọn. Các bụi cây bên đường âm-thầm như những bóng ma thiêu trong khu rừng hoang vào khoảng trưa vắng mà ông tôi kể ngày xưa ấy...

Mồ hôi rõ giọt. Ánh nắng bám sát. Tôi miên man đưa bước chân tôi, nhưng hiệu-sắc ý-chí trườn mình kém dần vì quãng đường đi qua đã dài lê thê.

Một vài «con gà chết» quá giang trên chiếc xe xam. Họ oè-oài quăng thùng đạn vào xe và leo lên ngồi nghênh ngang. Chiếc xe tung bụi về đằng sau, hùng hổ leo dốc, coi thường đám người lạch, hóp hén lê bước phía dưới. Được một phút bốc động ấy, mấy thằng bạn

trên mui xe hả hê cười chế nhạo sự chậm chạp của đồng bọn leo đèo đi bộ.

Tôi vẫn cố xài đôi bàn chân cổ hủ của tôi. Tôi sắp chinh phục đỉnh núi. Đá sỏi, khô cằn quí mọp dưới tầm mắt tôi khuất phục. Tôi vui sướng như được đóng vai một nhà thám hiểm địa-cầu. Tâm trạng tôi bây giờ tương đồng tâm trạng một phi hành gia ngày kia đặt chân xuống Nguyệt cầu! Tôi đi đến một vị thế khá cao trên mặt đất. Thế là mình phi thường, gan dạ và to lớn hơn những người ở thành phố, ở vùng duyên-hải đầy chữ các bạn. Oai ra phết! Tối đây, dù anh, bạn hay là ai đi nữa cũng nhận thấy rằng lòng mình mở rộng hướng thượng để hòa mình vào vũ-trụ bao la, quên đi nhiều bức bách cuộc sống làm thui chột những thiện-căn bẩm sinh của mình rồi chứ gì?

Sau tôi, chàng lính trẻ như sương cổ tích đánh lừa cái mặt nhọc dường trường, khẽ hát: «Đường trường xa muôn vó câu bay dập dờn... Tôi bắt nhịp cái vui vô-tư đó. Tôi hòa theo lời ca

Tôi nghe nhẹ nhõm như trút bỏ được một gánh nặng vật-chất oằn vai. Mắt tôi lại rơi nhìn hình thù từng viên đá một và thử đặt tên cho mỗi cây rừng.

Bài tập hiện ra như một thực-thể. Chúng tôi lằng-lằng mừng tuy biết rằng nó chẳng yên lành như chiếc bóng hiền từ của một bà mẹ đi chợ quê về.

Ấy đây các bạn xem! Một tốp lính đang nhip nhàng hít đất, gục gặc chiếc đầu, như một bọn ngựa gỗ đua song hàng. Lại có kèm theo thể nhảy xồm nữa chứ! Nào, oằn...tù...tì...! Các bạn cứ nhảy đi! Các bạn đang làm trò tiêu khiển cho lũ tò đày. Bọn tớ đang mệt đấy nè... Nhiều củ đã quy xuống, trông thê thảm như một kẻ chiến bại. Tiếng còi phạt đều đều của viên Trung-sĩ cán bộ dần dần mất hiệu lực điều khiển. Sàn nhảy lộ thiên như muốn lạc điệu và rời rạc về khuya. Hồi ra mới biết đó toàn là những cậu phạm kỷ luật đón quân-xa đi nhờ cạ.

Giờ lý thuyết về tác-chiến cá-nhân ngày bắt đầu. Huấn-luyện-viên trình bày một cách rành rẽ, khúc-chiết. Đây ba phương pháp và bảy yếu tố nguy-trang được gói ghém trong câu thơ: «*anh hồn mới em nhiều hơi dui*» mẫu

niệm. Những phương thức quan sát như chiếc dũa thần gõ đúng mục tiêu kẻ địch đề tác xạ hữu hiệu. Lần-lượt cách-thức di-chuyển thần diệu mà giảng-viên nêu ra đã soi sáng tầm hiểu biết mờ hồ của tôi trong cách đánh lừa địch và tiến sát nách đề chiến thắng. Che chở và trú ẩn cũng góp phần đắc-lực trong việc chiến đấu chống kẻ thù. Rồi cách-thức ước lượng khoảng cách giúp ta gài đúng đầu địch bằng những viên đạn thẳng hoặc vòng cầu reo vui. Nhiệm vụ của người lính canh gác quan-trọng được huấn-luyện-viên cô-động trong một lời văn bóng-bẩy: «*Người lính canh gác là linh hồn, là tai mắt của đồng đội, nó bảo vệ đồng đội trong khi làm việc, cho đơn vị trong khi trú đóng. Đó là một người tình của người tình ngoài mặt trận*». Cuối cùng chúng tôi được thông suốt chi-tiết hữu-ích của một Hướng-đạo-viên.

Ngồi phơi mình dưới nắng gay gắt, mồ hôi thấm ướt áo lính, chúng tôi vẫn chăm chú nghe. Vài cái đầu đồng-y lia-lia và người

chủ được mời khỏi hàng thực-hiện vài mươi cái nhảy xồm đề đánh thức giấc ngủ ngày. Một cánh tay đưa lên quẹt những giọt nước trên vầng trán đầy quả cảm. Bên tôi là một thể tĩnh tọa vững như bàn-thạch của một vị Phật sống. Âm thanh soài dài trên giấy của những mũi bút nhọn thời-đại hóa-chất và tiếng lật trang sổ tay khe khẽ ru tôi ngọt lịm trong cái khung cảnh dờ hiu trai dờ học đường. Mọi người thắm mệt. Không gian chết lặng, nóng bỏng. Giảng viên ra lệnh cho mọi người đứng dậy vươn vai cho đỡ mỏi và mở bí-đông tu vài ngụm nước nhưng không quá thời-gian hạn-định bằng ba tiếng đếm của ông ta.

Qua phần thực hành, lớp học được chia làm ba toán. Tại trạm một, chúng tôi nguy-trang. Tất cả các chiếc áo đều bận ngược đề che bằng tên màu trắng. Cái lưới nguy-trang bọc lên mũ sắt. Từng cành cây tươi lá dày được giắt lên mũ, thắt lưng, bao đạn một cách khéo léo, nhậm lẹ. Bảy người rừng xuất hiện và về địa điểm tập hợp. Nhìn chung kỹ thuật

nguy-trang toán này khá. Đó là lời của huấn-luyện-viên.

Tại trạm 2, chúng tôi thực hiện phương thức di chuyển. Từng binh sĩ vòng qua các bụi cây, men theo các bờ suối, nhảy vọt qua những quãng đất trống, trong khi đó không quên quan sát nhanh đề tìm địa thế thuận lợi cho việc ẩn núp và xử dụng vũ khí nếu cần. Cuối cùng chẳng đường, họ phải vượt cầu khỉ, tiến chiếm mục tiêu bên kia dòng nước. Những tiếng «*Sát Sát*» vang rừng núi. Mặt trời cúi đầu phóng xuống những tia nhìn tươi tắn, reo vui.

Đến trạm 3, chúng tôi được xoi thịt bò ba món. Mười một người một nhập tiệc. Lưới kèm gai là là trên mặt đất, buồng vuốt sắt níu áo, bí đông và mũ sắt chiến binh. Đất cũng chơi khăm, rải đều những viên sỏi đủ cỡ và đủ góc cạnh lăm le đâm vào da thịt bọn lính. Qua ba thế bò: bò cao, bò sát đất, bò ngựa với hành lang kèm 70 mét. Tay, mặt và quần áo phủ đầy một lớp bụi vàng, mồ hôi thấm đều bộ đồ xám quện

với bụi kia trông hấp-dẫn như những khối thịt chiên bơ.

Bây giờ, những bóng mát được lợi-dụng trú ẩn và mấy kết nước ngọt bán lên được dịp vui dần. Huấn-luyện-viên hải lòng, mỉm cười nhìn bọn khóa-sinh ăn tiệc với những cú sụt da đầu gối và tí máu cùi tay.

Bác mặt trời sắp từ già lú núi rừng đề đi ngủ dưới chân núi bên kia. Gà-mèn sắp ra, chiếc nón sắt nằm tênh-hênh chờ đợi. Nước trà đồ xuống và bát cơm vụn lên. Đây là bữa ăn thật sự. Tuy không có món bò nhưng chiến trường thực-phẩm gồm có cơm hôi bao bố, canh thịt bò màu hơi sẫm và cá mồi chiên đã sạch nhẵn như lóc khô.

Bọn họ tàn-mác. Từng trang nhật-ký giờ ra. Chèn vào đó cũng có những bức thư màu xanh lá mạ âu-yếm, rón-rén, ich-ký làm đẹp ý một vài chàng lính trẻ.

Màng đêm buông xuống. Rừng núi đậm nét. Đắt lên hơi sữa mẹ.

Giờ học đêm bắt đầu. Đây là chiến-thuật cá-nhân đêm. Chúng

tôi chỉ được nghe, chứ không viết. Những phương-pháp, yếu-tố nguy trang và thuật di-chuyển được nhắc lại. Đặc-biệt trong bóng đêm, người binh-sĩ được thêm đôi tay đề mờ-mắm những gờ-ghề, lối lổm sổm-khê một cách hữu-hiệu và nếu cần biết dừng lại những nơi khả-nghĩ, hiểm-yếu rồi tập-dụng giác-quan thứ sáu xác-định. Có tiếng khúc-khích cười qua hình ảnh mà họ liên-tưởng đến. Cách đo khoảng cách tiếng động bằng qui-tắc đếm « một ngàn lẻ một . . . một ngàn lẻ hai. . . » nghe êm tai và lý-thú như cách tính « sắc dành dôi một, tài dành họa hai » của nàng Kiều vậy. Rồi muốn vượt qua chương-ngại-vật, ta theo dấu chân người đi trước (xin nhớ chớ theo bóng hồng mà lụy), hoặc thực-tiễn

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGOT

luyện, cứ nhắm lỗ thủng trái phá chúng ta mong rằng đó chẳng phải là « một lỗ nứt ra hồm hồm hồm ấy » mà chen chân thọc thì sẽ như chắc ăn lắm rồi. . .

Lại thực-tập. Những bộ mặt lem lốcc than củi, những bàn tay xoa đen lò-mờ trong bóng đêm tựa lú quỳ rừng xanh. Tuy vậy họ nguy-trang còn quá sơ-sài vì thiếu phương-tiện. Sau đó lại được Trung-ủy cho nhận thêm bộ hai món nữa. Đôi tay quờ-quạng trên rào kèm gai, chân nhón cao từng bước. Thỉnh-thoảng một chiếc hỏa châu tự-túc của Trung ury rọi sáng. Họ nằm rạp mình và bất-động trên lưới gai. Họ tiếp-tục bò luồn dưới màn sắt nhọn đúng cử-động của mấy con các-ké chun qua bờ gai lưới long.

Chợt cùng, chúng tôi tập di chuyển yên lặng trong một đêm. Bước chân rón-rén, chậm chạp. Thỉnh thoảng có những tiếng động nhân tạo phát ra. Chúng tôi nằm sát đất, hướng mũi súng về phía trước, sẵn sàng. Không có gì xảy ra, chúng tôi lại di-chuyển thêm. Kia một

ngọn hỏa châu thấp sáng. Chúng tôi nằm xuống bất động, súng dẫu vào hông phải nhưng vẫn hờm lý. . . Hàng loạt xung phong vang trong đêm dài, đánh thức giấc ngủ ngon rừng núi. Họ tiến lên mục tiêu quét địch. . .

Giờ học chấm dứt. Đêm điềm 12 tiếng. Sau khi kiểm điềm hàng ngũ, đoàn quân lại lên đường.

Nòng súng lạnh trên vai, tôi miên man bước, trí óc chấp chờn những thép gai đời nhọn hoắt, những bữa tiệc bỏ món pha máu. Sở cò áo, sương bắt đầu thấm dờ phút khải hoàn của một đêm tập trận và một mớ bụi nhờn nhờn ướt keo sơn nơi đôi má.

Gió đêm thổi lộng. Bên đèn ca khúc trầm hùng. Chiếc cầu vồng tỉnh giấc, trở mình cốt kết. Bóng quân trường im-lìm, cố định, hiện ra đón đoàn người áo xám về yên nghỉ. l



mai một thanh bình

Tôi mong thấy loài chim cánh trắng
Rủ về non nước hết đao binh
Ơi Bờ câu trắng trong hơn ngọc
Lượn giữa trời Nam rạng thái-bình

Những khuôn mặt trẻ chan sương gió
Rủ bụi đường xa vỗ nhịp reo
Trở sáng cho ngày đêm trời sáng
Về quê hương sống kiếp dân nghèo

Trên cánh đồng xanh tươi luống mạ
Cánh cò nương tiếng hát ca dao
Bờ tre chìm Chích vang âm điệu
Nắng mới vờn quanh bãi ngọt ngào

Mười mấy nọc trâu tằm thủ thủ
Vội hàng cao lảo đảo chênh vênh
Ngoài sông cá trắng xuôi con nước
Ý sống thơm tràn nắng mới lên

Những đám mưa nguồn mang chi cả
Tuôn tràn mặt nước hồ bươm bướm
Cá tôm ở đó triển miên sống
Thôn nữ cùng ca khúc được mùa.

Phụng Sơn Tự, rằm tháng Giêng

Mặc-Tuyền THÍCH-TRÍ-BỬU

những lối
điều tra
thuở xưa
của

Bao Công

★ LÝ-MINH-THẮNG

Đọc truyện Trung-Hoa cổ, không ai là không khen
Bao Công, một vị quan thanh liêm và cũng là một vị
quan có tài tra xét các vụ án — dù vụ án đó bí mật đến
đâu. Thiên bất dung gian, rồi cuối cùng thủ phạm cũng bị
Bao Công truy ra và xử tội. Sau đây là một vụ án mà các
quan địa phương không tìm ra được thủ phạm nhưng qua
tài tay Bao Công, vụ án đã ra manh mối và sáng tỏ dưới
ánh sáng công lý.

Một vụ đầu độc

Một hôm có người tên là
Trương chi Nhân đến công
đường khai y có người em họ
tên Trương chi Đạo, tự nhiên bị
chết một cách bí mật cách nay đã
ba hôm mà cả gia đình y không
được hay biết đề đi đưa đám.
Trương chi Nhân có làm đơn kêu
vội quan Huyện sở tại, nhưng
đơn của y không được chấp

nhận và, y còn bị viên quan Huyện
sai lính hầu đánh đập tàn nhẫn.
Trương chi Nhân có nghị cho
người em dâu họ tên Lưu thị, đã
đầu độc chồng để chiếm gia tài.

Bao Công liền sai người tới bắt
Lưu thị giải về công-đường. Lưu
thị một mực kêu oan, y thị khai
chồng thị vì uống rượu say quá
độ gặp gió nên chết.

Bao Công liền sai Công tôn

Pháp cùng anh em Vương Tào đi điều tra. Công tông Pháp giả dạng làm ông thầy tướng số kiêm y sĩ. Riêng Triệu Hồ, Trương Long đi đường khác. Hai người này khi đi ngang qua một ngôi chùa thấy thấp thoáng một người đàn bà đang hối hả bước vào chùa. Hai người chạy vội tới nhưng không thấy ai cả. Thấy có một cái chuông lớn để ngay giữa lối đi, hai người mới định lật ngửa ra để dẹp sang một bên. Bất ngờ cả hai cùng thấy ở trong cái chuông có một người đàn ông bị trói chặt. Hỏi tên, người này khai là Diên Chung, có người chủ tên Kim ngọc Tiên bị tên Bàng Đập bắt hiếp rồi dẫn đi đâu mất. Y đi tìm và khi đi ngang qua ngôi chùa này thì bị mấy nhà sư bắt trói rồi giam trong cái chuông.

Trong lúc nghe chuyện, Triệu Hồ thấy có một chú tiểu đứng rình nghe trộm nơi cửa, vội nhảy tới đá y té lăn cù. Ngay lúc đó có một người lực lưỡng, mặt mũi dữ tợn, cầm dao nhảy ra định đâm Triệu Hồ, nhưng qua mấy hiệp, gã lạ mặt đã bị Triệu Hồ bắt trói.

Trương Long, Triệu Hồ cứu Diên Chung cùng bắt chú tiểu và gã lạ mặt về Phủ đường.

Nói về Công tôn Pháp, giả làm thầy thuốc, đi qua một căn nhà thì có một bà lão chạy ra nói với ông vào chữa bệnh cho đứa con gái. Bà lão kể lể có đứa con rể tên là Cầu, làm công cho ông Trần ưng Kiệt. Ông này là nhân tín của Lưu thị, vợ Trương chi Đạo. Một hôm nghe tin Đạo đi buôn xa vắng, tên Kiệt vội vã tới thăm người yêu. Trong lúc hai người hàn huyên vui thú trong phòng the thì bất ngờ Đạo trở về bất gặp, liền mắng nhiếc hai người. Trần ưng Kiệt tính chuyện giết Đạo để chiếm vợ y, nên sai Cầu — con rể bà lão — tìm cách giết Đạo thì hẳn sẽ thưởng cho ba trăm lạng bạc và sáu mẫu ruộng. Cầu có về nhà kể lại cho vợ nghe nhưng vợ y khuyên can chồng đừng nên làm chuyện thất đức. Tên Cầu không nghe lời khuyên của vợ, cứ tự ý làm nên vợ y uất ức lên mà thành bệnh.

Công tôn Pháp nghe bà kể chuyện, thấy vụ án của Đạo đã

lưu giữ tờ nhưng cũng làm mặt nghiêm trả lời :

— Bà lão đừng có lo cho căn bệnh của cô con gái. Tôi chỉ cần một thang thuốc là bệnh dứt liền.

Sau hết, Công còn khuyên bà lão làm đơn khai rõ tự sự cho Bao Công tường.

Bao Công liền cho nha tới bắt Cầu về công đường. Tên Cầu chối cãi. Bao Công truyền quân hầu mang các dụng cụ tra tấn ra bày liệt dưới đất. Tên Cầu sợ hết hồn nên vội khai ngay. Y khai có bài thua ma bát con trùn dưới mộ mang về phơi khô rồi đem mài vào nước chè cho Đạo uống. Nạn nhân bị nhiễm độc từ từ rồi chết mà không có dấu tích.

Bao Công truyền bắt Trần ưng Kiệt và Lưu thị. Cả hai chối không biết gì nhưng khi thấy tên Cầu cũng bị bắt nên đành phải nhận tội.

Bao Công truyền xử trảm đôi gian phu dâm phụ Trần ưng Kiệt và Lưu thị. Tên Cầu, vì bị chủ bắt buộc nên được tha tội chết nhưng bị án tù. Diêu lão — mẹ

vợ tên Cầu — cùng con gái là Diêu thị, vì có lời khuyên chồng nên được quyền hưởng số tiền ba trăm lạng bạc và sáu mẫu ruộng của tên Kiệt cho tên Cầu...

Chuông đồng nhất người

Viễn Chiêu tính tới thăm Bao Công. Trong khi đi đường, người tráng sĩ phủ hiên diệt ác thấy một người đàn bà đang ngồi khóc. Đồng lòng trắc ẩn, Viễn Chiêu dừng lại hỏi và được biết người tên là Vương thị Khuê, vợ của Diên Chung. Diên Chung có người chủ tên Kim ngọc Tiên bị tên ác bá Bàng Đập bắt hiếp và giam đâu không rõ. Chồng bà ta đi kiếm chủ và cũng không thấy trở về nên bà lo sợ cho thân mạng chồng mình.

Viễn Chiêu được biết Bàng Đập vợ viên Tri huyện Trương Quan thường liên kết với nhau để ức hiếp dân lành, nên người tráng sĩ chờ đêm tối lẻn vào trong dinh quan Huyện Trương Quan để dò xét. May mắn thay, Viễn Chiêu thấy viên quan Huyện đang ngồi bàn bạc với tên ác bá Bàng

Đập trong phòng riêng. Cả hai mưu tính cho tên hộ vệ thân tín là Vĩnh Phúc đi ám sát Bao Công để chúng khỏi lo hậu họa vì những tội ác đã có của mình.

Chờ tên Vĩnh Phúc đi rồi, Viễn Chiêu liền theo bén gót. Để thử xem Vĩnh Phúc có phải là một tay võ giỏi không. Viễn Chiêu liền tới gần hất nhẹ chiếc nón của y rồi nấp nhanh sau chiếc cột. Vĩnh Phúc không để ý, lại tưởng gió thổi bay nón nên thân nhiên cúi xuống nhặt.

Thấy Vĩnh Phúc vào quán ăn, Viễn Chiêu cũng đi theo vào. Tại đây Vĩnh Phúc gặp người bạn quen tên Bạch ngọc Đường vui vẻ hỏi thăm bạn cũ. Sau khi được hay Vĩnh Phúc làm hộ vệ cho quan huyện Trương Quan, người anh hùng tỏ ý bất bình.

Ngày lúc đó có một ông lão từ dưới lầu đi lên, bước lại bàn một người đàn ông và năn nỉ người này cho hoãn ngày trả nợ. Ngồi nhìn cảnh lạy lục mặt cả nhân cách con người. Bạch ngọc Đường vội kêu ông lão lại hỏi. Lão nói :

— Bẩm tráng sĩ, tôi có nợ ông Miêu Nghi một số tiền là năm lượng bạc. Vì không có tiền trả, nên số nợ càng ngày càng chồng chất mãi lên. Trong ba năm nay, cả vốn lẫn lời đã lên tới 35 lượng. Người ngồi bên kia là Miêu Thu, con trai lớn của ông Miêu Nghi, hiện nay làm việc trong phủ, nên cả hai bố con đều ý thể hiệp đáp dân đen chúng tôi.

Bạch ngọc Đường lặng lẽ móc túi vãi ra đếm đủ 35 lượng bạc trao cho ông già đề ông ta trả nợ. Rồi không để cho ông già kịp cảm ơn, Bạch ngọc Đường bước lẹ xuống lầu. Vĩnh Phúc cũng xuống theo, Viễn Chiêu toan theo liền nhưng rồi lại ngồi nán lại để chờ Miêu Thu về cho biết nhà.

MIDOL
TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Theo Miêu Thu tới nhà, Viễn Chiêu nấp bên cửa sổ, nghe tiếng Miêu Nghi bảo con trai :

— Con hãy coi chừng con Kim ngọc Tiên của ông Bàng Đập gửi con giam giữ đó.

Tiếng Miêu Thu trả lời :

— Xin cha cứ an tâm, con gửi nó tại chùa Quan Âm rồi. Con bé đó không tài nào trốn thoát được đâu.

Nghe rõ chuyện, Viễn Chiêu quay trở lại dinh Bao Công. Thấy người gác ngồi ngủ gục nơi bàn, Viễn Chiêu viết mấy hàng chữ rồi ném tờ giấy vào trong phòng.

Nguyên buổi tối, Bao Hưng và Lý Bào được cất canh gác nơi cửa phòng Bao Công ngủ, Bao Hưng đề nghị với Lý Bào để mình ngủ trước rồi nửa đêm sẽ trở dậy thay phiên gác. Trong khi ngủ, Bao Hưng nằm mơ thấy mình cưỡi ngựa đi tới một lầu đài lớn. Nhìn kỹ cổng lầu đài, Bao Hưng thấy đề mấy chữ Diêm Vương Phủ. Hoảng hồn,

Bao Hưng định rút lui thì vừa lúc cánh cổng bật mở, một viên quan mặt mày dữ tợn bước ra hỏi Bao Hưng xuống Âm phủ có chuyện gì. Sợ quá, Bao Hưng giật mình tỉnh giấc, mồ hôi ướt đầm mình.

Ngược nhìn Lý Bào, Bao Hưng thấy hán cũng ngủ vùi. Rón rén lại gần, Bao Hưng thấy có tờ giấy nét mực chưa khô của ai để ở mặt bàn, vội cầm lên xem, chỉ thấy có mấy hàng chữ : «Đêm nay có thích khách tới định ám sát Bao Công. Hãy khá đề phòng».

Hoảng sợ, Bao Hưng vội chạy vào phòng báo cho Bao Công hay. Bao Công liền cho triệu bọn Vương Tào, Công tôn Pháp tới đề bàn kế đối phó với kẻ gian phi.

Triệu Hồ được cử canh phòng nơi phía Tây. Nửa đêm, Triệu Hồ thấy có một bóng đen vượt qua cửa vào trong vườn liền rượt theo. Bóng đen thấy lộ vội nhảy lên mái nhà toan chạy trốn, Triệu Hồ vội nhảy lên theo, chưa đứng

vững chân đã bị bóng đen đá lộn nhào xuống sân.

Ngay lúc đó, bóng đen cũng ngã chúi xuống đất, ngay bên cạnh Triệu Hồ đang lồm cồm ngồi dậy. Triệu Hồ liền bắt trời lại đem trình Bao Công. Lúc này Triệu Hồ mới để ý thấy nơi móng tên thích khách có mũi tên cắm chặt. Rút ra coi, thấy có khắc tên Viễn Chiêu, mọi người mới hay chính Viễn Chiêu bắn mũi tên làm cho bóng đen ngã.

Bao Công sai Lý Bảo mở trời cho tên thích khách rồi hỏi họ tên bản. Hần khai là Vĩnh Phúc và khai hết mọi chuyện của quan huyện Trương Quan cùng tên Bàng Đập cho Bao Công tường.

Bao Công truyền Công tôn Pháp cho anh em Vương Tào đi bắt tên tham quan, về dinh. Mã Hân thì được lệnh tới chùa Quan Âm để giải thoát Kim ngọc Tiên nhưng nàng đã được Viễn Chiêu cứu ra rồi. Còn Triệu Hồ, Trương Long thì đi bắt Bàng Đập. Hai người mới đi được nửa đường, thấy có một đám đông liền rẽ lại coi. Té ra

Bàng Đập cưỡi ngựa đã để cho ngựa đá chết một người đi đường. Y còn đang hung hăng dọa nạt những người chứng kiến.

Triệu Hồ, Trương Long liền dơ trát bắt của Bao Công ra rồi giải Bàng Đập về phủ ngay.

Quan huyện Trương Quan, tên cường hào Bàng Đập, cha con Miêu Nghi, Miêu Thu đồng bị án chém. Gia sản đều bị tịch thu xung vào kho.

Vương thị Khuê cũng gặp chồng là Điền Chung. Từ khi Điền Chung được Trương Long, Triệu Hồ cứu ra khỏi chiếc chuồng đồng vắn ở trong dinh dinh Bao Công. Giờ đây vụ án đã xong, cả hai vợ chồng Điền Chung cùng theo chủ là Kim ngọc Tiên trở về quê cũ.

Kỳ sau :

Một vụ tráo hôn.



Hạnh phúc

có nhiều
khía cạnh..

NGUYỄN-ĐÓN-MÀN

Người ta sống trên thế gian này, dù có cho là sống tạm, sống gởi đi nữa, cũng đều ước mong, tìm kiếm, tha thiết, khát khao, thêm thường hạnh phúc. Dù đó ai cũng phải công nhận là chính đáng. Cũng vì lẽ đó mà thế kỷ XVIII, bên Pháp, Lavoisier chủ trương: mọi chế độ xã hội tiếp tiến đều nhằm mục đích cổ động làm cho những người sống dưới chế độ mình được sung sướng, càng nhiều càng hay. Hạnh phúc không nên giới hạn cho một số ít người. Hạnh phúc

ví như hơi thở, ai cũng phải cần và bất cứ ai cũng có quyền được hưởng.

Nhưng thế nào là hạnh phúc? Người đời quan niệm hạnh phúc làm sao? Có định thức cụ thể nào về hạnh phúc để ta theo không? Phải dựa trên những tiêu chuẩn nào nhất định để có thể hưởng được hạnh phúc? Đó là những câu hỏi quá ư khúc mắc, phức tạp, mơ hồ và nan giải. Nhưng nhà hiền triết Đông Tây đều quan niệm, định nghĩa

hạnh phúc mỗi người một cách, tùy theo ý kiến, quan niệm khác biệt của mình, không ai giống ai.

Hạnh phúc không phải là một cái gì cụ thể có thể nhìn bằng mắt, bắt bằng tay được. Người ta chỉ tưởng tượng nó, chỉ ý niệm nó, chỉ lý tưởng hoá nó mà thôi. Cho nên làm sao định nghĩa được rõ ràng hạnh phúc? Làm sao đặt ra được một định thức cụ thể như các nhà bảo chế thuốc hay như các nhà vật lý học và toán học? Và cũng khó mà đưa ra những tiêu chuẩn nhất định nữa,

Tuy nhiên, tôi cũng xin mạo muội nêu ra đây những định nghĩa, những quan niệm, những định thức, những tiêu chuẩn mà các nhà hiền triết Đông Tây đã truyền lại qua sách vở để chúng ta cùng suy gẫm :

● *Cicéron* : một khu vườn, một tủ sách, đủ lắm rồi. Tôi không còn mong ước gì hơn nữa.

● *Voltaire* : Nghỉ ngơi, học tập, sách tốt, một người bạn

thân trong quạnh hiu và buồn tẻ. Chỉ có thể thôi. Tôi sẽ an phận và sung sướng.

★ *Anatole France* : Ngu si là cơ năng để hưởng hạnh phúc.

★ *Fontenelle* : Không thể có hạnh phúc nếu lương tâm không được yên tĩnh. Cái bí quyết của hạnh phúc là sự thoải mái của tâm hồn.

★ *La Fontaine* : Tiền bạc không thể tạo ra được hạnh phúc.

● *Sully Pru d'homme* : Tất cả hạnh phúc mình đang hưởng là do hạnh phúc mình tạo cho kẻ khác.

● *Bà de Maintenon* : Khi ta thấy khổ, ta hãy nghĩ đến những kẻ khổ hơn ta ; đó là bài thuốc rất thần diệu.

★ *Abraham Lincoln* : Phần nhiều người ta nhờ biết an phận mà được sung sướng.

★ *Vô danh thị* : Nên nhìn xuống

hàng người thua kém mình, đừng nhìn lên những kẻ hơn mình, ấy là bí quyết để được sung sướng.

Cho giáo : 1) Vi thiện tối lạc. Không gì vui bằng làm được việc thiện.

2) Tâm định thì căn hương. Tâm mình yên tĩnh, không bị khuấy rối, vò xé thì dù ăn rẽ rau cũng thấy ngon, thấy thơm, thấy khoái khẩu.

3) Tri túc tiện túc, dãi túc hà tị túc. Hề mình biết cho là đủ thì đủ, nếu chờ cho đủ theo ước muốn của mình thì không đến bao giờ mới đủ.

● *Nguyễn-bỉnh-Khiêm* :

Thịt ăn thịt, khó ăn rau, an phận là tiên lộ phải cầu.

● *Ca dao* :

Ngó lên mình chẳng bằng ai,
Chỉ bằng ngó xuống ít ai bằng mình.

Định thức của Cicéron là định

thức của các nhà hiền triết đời thượng cổ, ít còn thích ứng với đời nay nữa.

Định thức của Voltaire thì rất giản dị và quyến rũ. Nhưng người ta sẽ bác bỏ và cho đó là thứ hạnh phúc của kẻ ích kỷ, chỉ sống riêng cho mình, tất cả đều nhằm mục đích phục vụ cá nhân mình. Đó là quan niệm của ông già bà cả, của những người đứng tuổi đã mỏi mệt và chán chường. Không có sự hoạt động cần thiết vì thiếu hành động. Không có sự rung cảm làm động cơ cho hành động của mình. Cả một kế hoạch khô khan, rỗng tuếch, thiếu mục đích, thiếu lý tưởng. Hơn nữa, định thức này không bảo đảm được bệnh hoạn, đau buồn như tang tóc và mọi nỗi bất trắc thành linh xảy ra.

Chủ trương của Anatole France, chỉ thích hợp với những hạng người ngu si, dần dộn vì thất học hay vì bầm tính trời sinh. Ấy là những người cần cù lao động, tính tình mộc mạc, chất phác và làm việc quần quật.

suốt ngày, đầu tắt mặt tối. Họ có dư thì giờ đâu mà mơ mộng, mà tưởng đến hạnh phúc.

Theo ngu ý tôi, hạnh phúc chỉ là cái bóng ma lơ mờ, chớp chờn, lờn vờn, thấp thoáng trong quá khứ hay trong tương lai. Nói một cách khác, khi mình mơ ước hay hoài niệm hạnh phúc nghĩa là khi mình chưa có hay đã mất nó rồi, mình mới biết hạnh phúc là gì. Hồi có ai đang phây phây hưởng hạnh phúc mà chịu cho mình có hạnh phúc đâu? Cái tâm lý « đứng núi này trông núi nọ » và « được voi đòi tiên » là cái tâm lý chung của loài người. Chỉ có những người « tri túc » biết cho là đủ, « an thường thủ phận » bằng lòng với phần số của mình, không tham lam quá độ, không ước mong những điều không thể ước mong mới cảm thấy mình sung sướng. Cái hạnh phúc ở đời thật không biết lấy gì mà đo lường, không biết ở đâu mà tìm kiếm. Bảo rằng hề có tiền bạc dồi dào, có địa vị cao sang, có nhà cao cửa rộng, có ruộng cò

bay thẳng cánh thì tự nhiên có hạnh phúc, không hẳn vậy. Một vị hoàng đế xứ Ba-Tu đời xưa, ngự trên ngai vàng, trị vì thiên hạ mà cứ than phiền mình không sung sướng ! Thấy vậy, một giáo sĩ Hồi giáo khuyên nhà vua nên khoác lên vai mình cái áo sơ-mi của người sung sướng thì tức khắc sẽ được sung sướng lây. Nghe lời, nhà vua bèn đi lang thang khắp bốn phương tám hướng, cố tìm cho ra người sung sướng để hỏi mua cái sơ-mi nhiệm mầu. Nhưng chỉ mất công toi, vô ích, người sung sướng biết đâu mà tìm. Cuối cùng, nhân đi qua một cánh đồng rộng, nhà vua chợt nhìn thấy một gã nông phu, đôn hậu vui vẻ, đang hí hoáy đầy cái cây, vừa đầy vừa hát nghêu ngao. Nhà vua thì thầm : « Hẳn đây là người sung sướng rồi, nếu không thì trên đời này hạnh phúc không có. » Nhà vua tiến sát gần gã nông phu và buột miệng hỏi : « Này ! Nhà ngươi sung sướng lắm hả ? — Gã nông phu đáp : — Vâng ! Vợ tôi hiền, con tôi khôn, bầy bò

tôi sinh sản đều đều, mùa màng năm nay, nhờ mưa thuận gió hoà, hứa hẹn tốt. Tôi lại có nhiều ruộng hơn cha tôi ngày trước để cày. Tôi không còn ước mong gì hơn nữa.

— Nhà ngươi có muốn đổi nghề làm ruộng ra nghề làm vua không ?

— Không, Không bao giờ.

— Thế thì bán cho ta cái áo sơ-mi của nhà ngươi đi, bao nhiêu tiền ta cũng mua.

— Áo sơ-mi à ? Tôi làm gì có. »

Một nhà triệu phú, sống bên tủ bạc kếch sù mà còn phân bì anh thợ đóng giày, cùng lối xóm, tay làm hàm nhai, nhưng đêm nào cũng ngủ được ngon giấc. Là vì, đêm đêm, nhà triệu phú phải thức trắng để giữ của. Khi bình minh ló dạng, muốn ngủ thì trời ơi ! những tiếng ca hát vang lừng của anh thợ đóng giày, có tạt dậy sớm, làm ông ta không sao chợp mắt được. Tuy nghèo mạt rệp, có làm có ăn, nghỉ ngày nào là đôi ngày ấy, nhưng anh thợ đóng giày này đã khí khái, bươn bả mang trả lại nhà triệu phú hào phóng

kia những trăm nén bạc mà trước đây anh ta đã nhận lỡ để đòi lại giấc ngủ và những khúc hát đã mất. Có lẽ, sau một thời gian làm phú ông, bây giờ anh ta mới giác ngộ mà thấy rằng có tiền chỉ khổ vì tiền.

Có người lại quan niệm hạnh phúc một cách rất giản dị, sáng suốt, khác đời và sâu sắc ngoài sức tưởng tượng của người trần tục. Đời xưa, bên Trung-Hoa, Vinh-Khải-Kỳ, một ông lão già cú sự, ngày ngày ngao du sơn thủy, đi tới đâu ca hát tới đó, coi bộ khoái trá lắm. Thấy vậy, Đức Không-Tử hỏi : « Bộ tiên sung sướng lắm sao ? » Không ngần ngại, ông liền đáp : « Trời sinh muôn vật, loài người quý nhất mà ta được làm người. Đàn ông quý nhất mà ta được làm đàn ông. Đến tuổi gần đất xa trời, phần đông đều bệnh hoạn, tật nguyên mà ta đây hay còn mạnh khoẻ, mắt không mờ, tai không điếc. Như vậy là sung sướng lắm, không hát không vui sao được. » Ông lão này biết tìm an vui ngay ở chính nơi mình

đúng như câu « Họa phúc vô môn, duy nhân tự triệu. »

Tái ông mất con ngựa tuần. đi được ngàn dặm, không thêm đi tìm và bảo đó là phúc. Khi con ngựa tuần tìm đường trở về lại dụ thêm ngựa tuần về nữa, ông ta cho đó là họa. Đến khi con trai ông ta thấy ngựa tuần lạ đất



ra cỡi, rồi bị té gãy xương bánh dày ở đầu gối, ông ta lại cho đó là phúc. Mà quả là phúc thật, vì sau đó ít lâu, quốc gia lâm nguy, con trai duy nhất của Tái ông khỏi bị kêu đi lính. Nhân câu chuyện mất ngựa này, người đời sau có câu : « Tái ông thất mã an tri phi phúc ? Tái ông đắc mã an tri phi họa ? »

Vua Châu U-Vương thường tỉ tê trước nàng Bao-Tự : « Lầu vàng điện ngọc mà làm gì, muôn chung ngàn tứ mà làm gì, giang sơn gấm vóc mà làm gì, khi Trầm thấy thiếu một nụ cười của ái khân ! » Thì ra nhờ vua chỉ cần có một cái nhếch mép, một nụ cười của người đẹp đề được sung sướng ! Thật là một thứ hạnh phúc rất đậm bạc, trên đời này ít ai « chịu chơi ».

Và câu chuyện « một trái tim vàng trong một túp lều tranh » âu cũng hàm một ý nghĩa rất đơn sơ về hạnh phúc. Miền sao làm chủ được trái tim vàng của ý trung nhân mình, Chàng thanh niên đa tình ấy dù sống chui nhủi trong một túp lều tranh, xiêu vẹo, lụp xụp, tồi

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

cũng cảm thấy sung sướng phần.

Kết luận, hạnh phúc — hạnh phúc — không phải hưởng thụ những thú vui vật chất tiền bạc, địa vị và sắc. Hạnh phúc do mình tạo ra, không phải ở đâu mà ngoài. Hạnh phúc là sự yên tĩnh tâm hồn, là sự mãn nguyện làm được việc thiện hay làm tròn nghĩa vụ hằng ngày mình. Câu danh ngôn « Hạnh phúc là sự yên tĩnh tâm hồn » chẳng đã thể hiện được rõ ràng và đầy đủ cái quan niệm về hạnh phúc ? Ta lo lắng gì đến tai họa hay mơ tưởng gì đến hạnh phúc có thể có. Đời sống

thực tế không đến nỗi quá ư phủ phàng, lừa dối, phỉnh phờ và bi đát như những ảo mộng của ta đâu. Và ở thời nhiễu loạn này, có nhiều tiền trong túi, có lắm quyền trong tay, chắc gì đã sung sướng, bởi vì « Tái ông đắc mã, an tri phi họa ? » Nếu không quan niệm được như Ernest Renan « Hạnh phúc là lòng hi sinh cho một lý tưởng, cho một nghĩa vụ » thì ta cứ « vi thiện, trí túc », giữ gìn sức khỏe và ngày nào làm xong công việc ngày ấy thì tự nhiên ông thần Hạnh Phúc sẽ chúm chím cười và bước thấp bước cao tìm đến gõ cửa nhà ta.



LỚP NHẠC

ELAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.

— Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.

do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.

Ghi tên : 205/1 Cù Giang -- Phú Nhuận

Bức thư Hải ngoại

thơ Việt-Nam ở Đại học đường ARIZONA.

NGHIÊM-THỊ-PHƯỚC-HẬU

Chúng tôi trích đăng sau đây bức thư dài của một nữ độc giả Phở-Thông ở Mỹ vừa gửi về cô Nghiêm-thị-Phước-Hậu, Đại học Arizona.

Với Lạc Thủy Đỗ-quý-Bái hồi trước kia, tôi không mấy đề ý tới. Nhưng chút nữa tôi đã mắc tội chủ quan quá nếu không may mắn được một anh bạn cho một tuyển tập báo Tết năm 1966 của Tổng Cục Tiếp Vận ấn hành ; trong tuyển tập có bài «Thư cho người tập kết». Tôi đã tò mò xem và bị lôi cuốn đọc đi đọc lại tới mấy lần, tôi đã thông cảm thực sự với tác giả, người mà tôi không thích đọc hai năm trước. Xin mời bạn đọc hòa

minh vào giòng cảm xúc vô biên của Lạc Thủy Đỗ Quý Bái. Để ai cảm lòng cho đáng mà không khỏi lạc giọng khi đọc những dòng sau :

« Ai bấy năm tròn không biết Tết

Bầy năm dằng đặc đợi tin anh

*Bầy năm lên núi làm Tô Thi
Mà hận mình chưa hóa đờ xanh»*

Đó mới là hình ảnh đẹp để

BỨC THƯ HẢI NGOẠI

tượng trưng tình yêu nguyên thủy vô bờ bến. Người Việt Nam không hơn một lần say sưa nghe truyện Tô Thị Vọng Phu ? Họ Đỗ đã mượn những hình ảnh yền dẫu quê hương tồn tại trong tiềm thức mọi người làm căn bản cho thi ca chàng. Bắt đầu từ đó tôi chú ý tới họ Đỗ hơn. Bài thơ thứ hai của Lạc Thủy mà được đọc là bài «Vượt Cạn» trong nguyệt san Tinh-Thương của phân khoa Y khoa xuất bản và một lần nữa tôi ưa họ Đỗ qua những câu :

*«Biết chẳng cánh bướm say
ân ái
Đã mấy hoa tươi rã cánh
đời»...*

Rồi mới đây đọc được bài «Liên Tái» của họ Đỗ trong Phở Thông số 203 ngày 15 tháng 11 năm 1967.

Tôi phải viết thư về quê mẹ nhờ một người bạn tìm cho tôi tất cả những tác phẩm mang tên Lạc Thủy. Tôi cao hứng tưởng mình là kẻ đầu tiên khám phá ra kho tàng họ Đỗ ; nhưng

lúc tập Mộng Ban Đầu và Kiếp Sinh Viên tới tay tôi mới từ mây xanh rớt xuống và biết mình đã chậm chân thua chàng Diễm Châu nào đó rồi. Tất cả những điều tôi đã định nói thì Diễm Châu đã cướp một trong lời đề tựa cho tập Kiếp Sinh Viên.

Lạc Thủy quả xứng mặt súng gươm bút mực tung hoành, chàng đã đem chuông đi đấm nước người và đã gióng lên những tiếng vàng ngân ngọc chuoát.

Đọc «Mây Hàng» của họ Đỗ tôi cam đoan các bạn sẽ không tiếc thì giờ và sẽ thấy lòng yêu mẹ giạt dào sống dậy như hồi thơ ấu, nếu các bạn thực sự đã từng yêu mẹ. Các bạn sẽ thuộc bài «Mẹ» dễ dàng như học truyện Kiều, tuy bài thơ dài tới 104 giòng ; các bạn sẽ được dịp làm nhân chứng cuộc di dân vĩ đại nhứt của nòi Lạc Việt 5000 năm văn hiến.

Có đọc thơ họ Đỗ mới biết chàng sung sức, lắm bài 104 dòng mới chỉ đứng hàng thứ

hai mà thôi ; bài «Đơn Côi» còn dài hơn cả thiên Tỳ Bà Hành thời danh nữa ! Cái quý ở thơ Lạc Thủy là lúc đã đọc câu đầu rồi đọc giả sẽ bị lôi cuốn đọc cho tới hết chứ không sao ngừng nữa chừng được. Lạc Thủy quá giàu tư tưởng và âm vận hầu như chàng đã cố gạt vắn điệu ra mà chúng cứ nhập thơ chàng như một việc tự nhiên phải đến. Tôi yêu chàng ở chỗ nhiều phong độ chứa chan nhiên liệu ; thơ chàng rất có hồn tuy thực tế và chân thành chàng nói ra thơ, tuy là thơ mà rõ ràng như văn xuôi vậy.

Tôi đang cố tìm đọc chàng và ao ước được kết giao với chàng thì một anh bạn Mỹ cho hay có một thi nhân Việt Nam sắp đọc thơ cho hội thơ của Kiêu-nữ tóc vàng trong « The Ruth Stephan Poetry Center » ở đại học đường Arizona. Thế là không quản xa xôi ngàn dặm tôi bay từ Hoa Lê Ước tới Tuc Son để được nghe tiếng thơ của người mà tôi ưa qua tình hàn mạc. Muốn tìm xem chàng

có thực sự như Diễm Châu đã tả. Tôi không gặp chàng vội, mà chỉ mang máy ảnh vào thỉnh phòng như những người yêu thơ khác. Bữa đó người ta tổ chức ngâm thơ Hy Lạp, Pháp, Việt, Tây Ban Nha và Thổ Nhĩ Kỳ do các sinh viên du học giới thiệu văn chương quê mẹ. Hội đồng tuyển thơ gồm các thi bá văn hào và một số tiến sĩ văn chương nước bạn. Đặc biệt là các sinh viên kia tuy có nộp tác phẩm của họ mà chỉ được yêu cầu ngâm những bài của các tác giả nổi danh xứ họ. Riêng Đỗ Quân lại được tuyển cả hai bài do chính chàng sáng tác.

Sau khi cô gái Pháp ngâm xong bài « sonnet D' Arvers » thì nhà thơ Việt Nam lên trước máy vi âm trình bày bài « Thân Ốc Biển ». Nhà thơ được nhiệt liệt hoan nghênh; thơ hay nhưng quá dài, chỉ xin chép hầu quý bạn hai câu kết của bài thơ tả gã sinh viên cầm cúi bấy năm mài rũa đến lúc thành tài thì người đẹp đã ôm cầm thuyền

khác. Chàng chỉ còn nước quay về gặm nhấm mỗi sáu ngút ngàn và khắc mỗi tình vô vọng vào tâm khảm :

*Xin chọn kiếp làm thân con
ốc biển
Đại dương yêu ôm chặt đáy
tâm hồn*

Thính giả xin nghe tiếp. Chàng sơ lược qua đại ý bài thứ hai rồi với giáng điệu xa vắng chàng ngâm bằng tiếng Việt bài « Mạch Sầu » sau khi giải thích cho thính giả rõ thơ sẽ kém hay vì vắng tiếng sáo ngũ âm điệu luyện réo của Tô-Lang cự phách.

Tôi đành phải chép cả bài « Mạch Sầu » vì theo tôi bài này là cả một công trình kiến trúc, thiếu một câu, một chữ bài thơ sẽ kém phần toàn bích.

Mạch Sầu

Giờ đây còn biết làm chi để lấp khoảng thời gian trống rỗng này ?

*Em đã đi rồi thôi vĩnh biệt !
Độc hành muôn kiếp thừa
nào khuấy ?*

*Người xưa lia tục còn lưu
lại*

Cho kẻ thân yêu đất nước này

*Muôn năm mờ xanh xanh kỷ
niệm.*

Riêng anh nào biết có gì đây?

Tao đàn tro đỏ hồn thu thảo

*Trắng toát sương mù mây
trắng quây*

Này đây bãi cỏ xưa em ngự

Nhờ ai vàng ủa đã pha đầy

Giờ đây có biết làm chi để lấp khoảng thời gian trống rỗng này ?

*Đồng Nai hồ hững sầu khơi
mạch,*

*Buồn bã soi mình mây trắng
bay.*

*Còn đâu dòng biếc vờn chân
ngọc*

Rền rĩ sông rồn gẫy bóng cây

Giờ đây còn biết làm chi để lấp khoảng thời gian trống rỗng này ?

*Hoàng hôn đại lộ dài cô ảnh
Nản bước lưu vong đại mặt
mây,*

*Môi khô mắt chớm hồn samac
Son phấn Đô thành bụi trắng
tay*

Giờ đây còn biết làm chi để lấp khoảng thời gian trống rỗng này?

*Em đã đi rồi thôi vĩnh biệt
Độc hành muôn kiếp thủa
nào khuya?*

Tôi đã ra về ngay sau bài thơ đó vì không muốn những từ thơ khác làm loãng đi những cảm giác đang có trong đầu. Đêm đó tôi mơ thấy được làm nhân chứng cho rất nhiều cuộc chia ly đầm lệt trong vườn Ông Thượng.

Sáng ra tôi đi tìm họ Đỗ. Chàng rất dễ thương, tuy đôi khi chàng có phản ứng của người lãng trí. Chàng cho biết qua đây học ngành điện tử, một ngành xa lạ với chàng. Tôi và các bạn chàng đều lạ lẫm: với tài năng ấy sao chàng không học văn chương; chàng lại chê Văn Khoa Việt Nam? Chàng vội vã cải chính: Tôi yêu Văn Khoa lắm lắm đâu dám chê! Nhưng phải có một nghề đã chữ, văn chương là một cái gì thoát tục, đem nó làm kế sinh nhai chẳng tử cho

nàng Ly Tào lắm ư? Chàng định sau khi học xong sẽ về sống cho nàng Thơ trọn kiếp.

Chúng tôi chia tay.

Ít lâu sau tôi xin chuyển trường về Thu Sơn (tên Việt Nam hoá của Tucson). Lần này tôi thấy chàng bơ phờ cần cỏi rất nhiều và đã từ chối lời mời ngậm thơ lần thứ hai của bạn tổ chức ở đây. Hồi lý do chán nản, chàng chỉ mỉm cười gượng gạo; nhưng qua nhiều đêm đàm luận tôi mang máng hiểu chàng đang bị một mối tình thầm kín dày vò và chàng đã dùng phương pháp Electrotherapie để vùi sâu quá khứ nên cứ mơ màng như tự cung trăng rớt xuống.

Hỏi có định tiếp tục Sự mạng do nàng Thơ giao phó nữa không? Chàng chẳng trả lời nhưng tia mắt lơ đãng biểu lộ niềm chán chường cùng cực.

Điều chắc chắn là phương pháp Electrotherapie đang giết dần cơ thể chàng. Không hiểu thời gian có phải thực sự là vị thuốc quên lãng hiệu nghiệm để trả lại cho thi đàn đứa con cùng không?

Cầu trời cho bài tôi viết về Lạc Thủy Đỗ Quý Bái không phải là lời điệu cuối cùng cho một tài hoa văn số.

NON NƯỚC VIỆT NAM

Về xứ Quảng

★ NGUYỄN-MẬU-LÂM ★

Đã hơn bốn năm nay, Dừng không có dịp về thăm xứ Quảng. Chàng cảm thấy trần ngập những nỗi nhớ nhung, mộng quạnh.

Ngày chàng ra đi vào Nam là ngày đất nước bị phân chia, nên chàng đã mang theo một mối bận đầu xót.

Chàng nhớ đến quê hương, nhớ dãy sông dài uốn khúc, đến những cánh đồng lúa xanh đang lượn mình dưới ánh trăng vàng bát ngát. Nơi đây chàng đã mở mắt chào đời và sống vui trong cả một thời kỳ niên thiếu. Chàng quên sao được khi hình ảnh ngày xưa của người mẹ hiền đang đón chờ con sau những chiều tắt nắng, những con đò đang nhẹ nhàng rẽ mái xuôi về bến xa vô

tận. Bao nhiêu những nhớ thương đang dẫn dắt sống dậy ở lòng chàng, mặc dầu hiện giờ chàng đang vui vẻ sống trong cảnh năm

châu hợp chợ. Chàng nhớ đến quê hương, một dải đất dài đang uốn mình theo dãy Trường Sơn vun vút, biết bao nhiêu phong cảnh đẹp và hữu tình mà người ta thường gọi hai tiếng: Quảng Nam. Quảng Nam phía Bắc giáp ranh tỉnh Thừa Thiên, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Đông giáp biển và phía Tây là dãy Trường Sơn giáp vòng sang Lào.

Quảng Nam đã có tiếng đẹp về Ngũ Hành Sơn, uy nghi và hùng vĩ, thì Quảng Nam cũng đã có tiếng là nơi xuất phát nhiều bậc anh tài, những nhà cách mạng lừng danh.

VỀ XỨ QUẢNG

Trần Quý Cáp, Hoàng Diệu, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, v.v. . .

« Địa linh nhân kiệt » quả thế, không những nơi đây đã tạo nên những bậc anh hùng lịch sử, mà nơi đây còn là nơi của những bậc nhân tài về văn học khoa cử ngày xưa.

Dùng còn nhớ lại hai câu ca dao thời trước :

« Học trò trong Quảng ra thi ».

« Mấy cô gái Huế bỏ đi không đành ».

Hai chữ không dành ở đây không phải vì cái đẹp hào hoa, phong nhã của người trai xứ Quảng, mà có lẽ về cái tài trai và chí khí của người học trò thuở ấy. Không ai xa lạ gì cái mộng của cô các con gái trong thời kỳ phong kiến là ước được làm vợ những người học trò, để rồi nay mai với cái mộng :

« Vong anh đi trước, vong nàng theo sau.

Dùng còn nhớ lại khoa thi Hội năm Mậu Tuất (1898), trong số 18 vị chiếm bảng vàng, riêng tỉnh

Quảng-Nam có đến 5 vị, 3 Tiến Sĩ, 2 phó bảng, cho nên vua Thành-Thái đã ban cho mỗi vị 4 chữ : « Ngũ phụng tề phi » (năm con phụng cùng bay) người thời ấy đã tặng cho hai vị danh từ ngũ hồ :

1) Phạm Liệu ở Trường Giang (Quận Điện Bàn)

2) Phạm Tuấn ở Xuân Đài (quận Điện Bàn)

3) Phan Quang ở Phước Sơn (quận Quế Sơn)

4) Dương Hiền Tiến ở Cẩm Lâu (quận Điện Bàn)

5) Ngô Lý (tức Chuân) ở Cẩm Sa (quận Điện Bàn)

Ngoài Ngũ hồ ra, còn có tứ hùng là :

1) Phạm Liệu ở Trường Giang (quận Điện Bàn)

2) Huỳnh Hanh ở Thanh Bình (quận Tiên Phước)

3) Võ Hoành ở Nam Phước (Duy Xuyên)

4) Nguyễn Đình Hiến ở Trung Lộc (quận Quế Sơn)

VỀ XỨ QUẢNG

Bốn vị này đã liên tiếp đỗ Thủ Khoa trong các khoa thi Hương : Dậu (1897), tý (1900) Mão (1903) như các cụ Phạm Liệu, Huỳnh Hanh (tức Huỳnh Thúc Kháng), và Võ Hoành, hoặc văn thơ lỗi lạc như cụ Nguyễn Đình Hiến. Người đương thời đã ghép thành vần đề cho dễ nhớ : Nhất Liệu, nhì Hanh, tam Hoành, tứ Hiến.

Ngoài ngũ Hồ và Tứ hùng còn có Tứ kiệt với bốn vị Phó Bảng đỗ đồng trong khoa thi hội năm Giáp Thìn (1904)

1) Cụ Nguyễn Đình Hiến ở Trung Lộc (quận Quế Sơn)

2) Phan Chu Trinh ở Tây Hồ (quận Tiên Phước)

3) Nguyễn Mậu Hoán ở làng Phú Cốc (quận Quế Sơn)

Quảng Nam khoa cử, Quảng Nam văn học, Quảng Nam của những nhà Cách mạng lừng danh, và Quảng Nam cũng là nơi thơ mộng âm tình :

Chiều chiều mang gió hái dâu
Hái dâu không hái hái câu
ân tình

hoặc là :

Chiều chiều mang gió hái
dâu

Ghé vô thăm bạn nhứt đầu
khỏi chưa

Nhứt đầu chưa khá

Em băng đồng băng sá

Bể một nhánh lá cho anh
xông

Phải chi nên điệu vợ chồng

Ướt mồ hôi em chịu, ướt
chồng em thương

Dùng nhớ lại giai thoại lịch sử về cô gái hái dâu xứ Quảng Nam đã trở nên một vị vương phi Hoàng hậu : đó là cô gái họ Đoàn ở quận Tiên Phước, con của Quận công Đoàn-Công Nhận. Trong cái tuổi 18 xuân xanh vào một đêm trăng nàng vừa hái dâu vừa ca hát. Tiếng ca đã lọt đến

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

VỀ XƯ QUẢNG

tai Nguyễn Phước Lan con chúa Sài. Thế rồi thời gian chẳng bao lâu nàng đã là Hiếu Chiêu Hoang Hậu, vợ của Chúa Thượng tức là Công Thượng Vương (1635-1647).

Người phụ nữ Quảng Nam không những giỏi về nội trợ mà họ cũng là vai trò quyết định cho cuộc sống cho chồng. Nàng đã từng giúp chồng thành công trong văn đề khoa cử,

Canh một dọn dẹp trong nhà,
Canh hai dọn củi, canh ba
đi nằm

Chờ cho đến hết canh năm
Trình anh dậy học chớ nằm
làm chi

Nửa mai Chúa mở khoa thi
Bảng vàng rực rỡ kia để
tên anh.

Mãi mê cái cảnh vông anh đi trước vông nàng theo sau. nàng đã quên tất cả những nỗi khó nhọc của hiện tại để cho tương lai. Nàng luôn luôn là một vai trò phụ nữ đảm đang biết thương chồng và trọng chồng trong trách vụ ở

gia đình. Trong những đêm trăng sáng, chàng lo việc dùi mài kinh sử thì nàng dệt vải, quay tơ :
Sáng trắng trải chiếu hai
hàng

Bên anh đọc sách bên nàng
quay tơ

Quay tơ phải giữ mối tơ
Dầu năm bảy mối phải chờ
mối anh.

Nàng luôn luôn đốc thúc chàng trong việc học hành thi cử, còn nàng thì lo việc nông tang. nội trợ :

Dao vàng rọc lá trầu vàng
Cha sanh mẹ dưỡng buổi
chàng lên ba

Dẫn chàng ăn học đòi khoa
Dầu thì không đỡ con nhà
nho văn

Thiếp về sắp áo quần xanh
Sắm đôi ba chục lo chẳng
kịp thời.

Cái khuôn mẫu đạo đức của người phụ nữ Quảng Nam đã được thể hiện qua mấy vần thơ trên. Họ luôn luôn thờ chồng, nuôi con. Họ

VỀ XƯ QUẢNG

rất lấy làm đàn dòn nếu có sự phân chia, ly cách :

Dùng rất lấy làm buồn khi
nghe một thiếu phụ kẻ lẻ trong
bóm đám giỗ chồng bà :

-Hôm nay có đám giỗ chồng
Tay bưng thúng bột, tay bồng
con thơ

Trời ơi phân lóc rẽ tơ,
Kể thì đi âm phủ người thì
về dương gian

Bạn ơi ! ơi bạn ! Dưới suối
vàng có thấu chăng.

Dùng đã từng nghe câu tâm
sự của một cô thiếu nữ trong
mộ: đêm sương xuống, trăng tàn :

Sương sa ướt cả trăng tàn
Ướt em em chia, ướt chàng
em thương.

Hoặc là cái mộc mạc, chất phác của người con gái xứ quê, khi gặp người tình giữa một đêm trăng sáng :

Sáng trắng sáng cả vườn trời
Em đi gánh nước tình cờ
gặp anh

Vô vườn bẻ trái cau xanh
Đem ra bữa xoay mời anh
ăn trầu.

Người con gái một khi thương người con trai họ đặt đề tình yêu lên trên tất cả, dù có gặp trở ngại, ngăn cấm đến đâu họ cũng tìm trăm mưu ngàn kế để được gần chàng :

Con chim quỳên đậu giây
miền cúc,
Kêu tam, tứ, lục, hạ mã, long
qui.

Chàng xa thiếp cách là ri
Biết làm mưu nọ kế chi cho
gần.

Thế rồi nàng tìm cách :
Giả đồ buồn kén bán tơ,
Đi ngang trước ngõ gửi thư
cho chàng

Có duyên muốn đặng chồng
nguồn
Ngồi trên ngọn gió có buồn
cũng vui.

Người thiếu phụ luôn luôn một mực yêu thương chồng dù chồng có ra đi xa cách ngàn vạn

dặm. Hay lỗi hẹn sang chuyển đồ
khác nàng vẫn cố đợi chờ :

Trăm năm dù lỗi hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò năm
xưa

Con đò còn đấy chẳng đưa
Đề ai đi sớm về trưa mất
lòng.

Trong vấn đề lựa chọn hôn
nhân, người nữ thời bấy giờ
vẫn luôn luôn giữ vững một tinh
thần cao thượng, một sắc thái
dân tộc, không bao giờ vì tiền
tài, danh vọng mê hoặc, đề có
thề lấy một anh chồng ngoại quốc
da đen xấu xí. Nếu rủi ro một
trong số chị em nào bị duyên
trời đưa đây thì không khỏi
bị người đời trách móc, mỉa mai :

Nước giếng trong con cá
vàng lội lơ lửng
Cây ngô đồng con chim
phượng hoàng nó đậu
cao

Anh tiếc cho em phận gái
má đào

Mà đem gán mình cho chú
Tây đen

Sợ tơ hồng ai khéo xe
duyên

Đem bức tranh tố nữ đứng
bên tượng đồng

Các chị em ơi năm bảy
đường chồng

Một số chị em có chồng vì
không, dẫn do lựa chọn nên đã
gặp phải cảnh chồng con vất vả.
Những việc đã lỡ rồi họ vẫn vui
tươi đề vượt qua mọi thử thách
đề đem lại nguồn hạnh phúc cho
gia đình :

Lên non mới biết non cao
Xuống sông mới biết lạch
nào cạn sâu

Hoặc gặp cảnh ngang trái đồ vô
thí họ lại than trách phận. Họ
cảm thấy thương cha nhớ mẹ :

Đò chưa tới bến đò dừng
Thương cha nhớ mẹ quá
chừng bạn ơi !

Nếu gặp cảnh lấy chồng xa xôi,
bè bạn không gặp được lẫn nhau
thì họ lại không khỏi vang lên lời
trách móc :

Cha mẹ nàng ham ăn cơm
trắng cá thu

Gả con xuống bề mù mù tấm
tấm

Người con gái cũng đã âm thầm
mang một nỗi buồn thầm kín, mỗi
khi sương chiều tây phủ vách đá
cheo leo :

Ngó lên hòn kẽm, đá dừng
Thương cha nhớ mẹ quá
chừng bạn ơi !

Trong mối tình giao hữu với
nhau, người nam cũng như nữ, họ
biết thương yêu nhau trong sự cô
đơn đang đầy xéo :

Gió đưa trắng trắng đưa gió
quạt nọ đưa đèn

Đèn chẳng đưa ai,

Đèn ta sáng cả nhà ta,

Đèn trời sáng cả quốc gia
triều đình

Bạn đi đâu tìm tới một mình
Lòng ta thương bạn khối
tình đầy non

Nói về Quảng Nam, về các
hứ cây ăn trái người ta không
quên kể đến trái «lòn bon» tục gọi
là trái Nam trần, vì theo sự tích
ngày xưa vua Gia Long khi gặp

nạn phải chạy vào rừng, binh sĩ
đói khát đã nhờ trái này đề binh
sĩ lót lòng, nên hiện giờ trong mỗi
trái Nam trần đều có một dấu như
móng tay vua ngày trước. Trong
khúc hát tâm tình người ta thường
nghe nhắc tới trái lòn bon như sau :

Trái lòn bon trong tròn
ngoài méo

Trái thầu dầu trong héo
ngoài khô

Em thương anh ít nói tí cười
Ôm duyên chờ đợi chín mười
con trăng

Nhắc tới lòn bon, Dừng không
quên được ở Quảng Nam một
thứ nước mắm đặc biệt là nước
mắm Nam Ô, khoai lang ở Chợ
Được, và thơm ở Tam Kỳ :

Nem chả Hòa Vang

Bánh tổ Hội An

Khoai lang chợ Được

Thơm riệu Tam Kỳ

Chàng không quên được món
giải khát độc nhất ở làng Đại
Bình, là cam. Làng Đại Bình là
một làng thuộc quận Đức Đức
năm sát bờ sông Thu Bồn. Nơi

VỀ XÙ QUẢNG

đây rất nhiều cam tươi và trái ngọt, và rừng là nơi nghỉ mát lý tưởng cho những ai thích sống thơ mộng và yên tĩnh.

Chiều chiều, trên sông Thu Bồn có những con đò nhẹ nhàng rời bến với những tiếng hát dong đưa êm dịu làm thoải mái những tâm hồn du khách, những thiếu nữ duyên dáng đi gánh nước, hái dâu bên bờ sông làm cho phong cảnh hữu tình thật đáng nên thơ. Từ Đại Bình theo hữu ngạn ngược dòng sông Thu Bồn lên chừng hơn cây số thì giáp được mỏ than Nông Sơn. Nơi đây quang cảnh có vẻ nhộn nhịp khác thường chẳng khác nào một thị trấn ở Quảng Nam vậy. Bắt đầu ở Nông Sơn đi xuống Quận Quế Sơn lại phải qua một cái đèo gọi là Đèo Le, vì mỗi khi ai qua đây cũng cảm thấy mệt nhọc phải lè lưỡi, nhưng cũng may mắn được cái dầm phúc cho bộ hành qua lại vì ở ngay giữa đèo Le, lại có một suối nước mát, nên thân thể có bị mệt nhọc thì xuống ngâm mình độ mười phút là thấy khỏe lên.

Ở Đèo Le có suối nước mát thì ngược lại ở làng Tây Viên lại có vũng nước nóng, quanh năm nước sôi sùng sục; vì thế dân cư quanh cùng mỗi lần làm gà, làm vịt cứ đem ra đây nhúng là tiện nhất.

Rời Đúc Dục, qua Đèo Le, Dững lặn mò đi xuống Quế Sơn, Dững viếng thăm núi Tịnh làng Cang Đông, rồi lại thăm đền thờ Văn Thánh. nơi mà các cụ khoa mục ngày xưa có công gây dựng làm nơi tế lễ thường niên. Nơi đây, ngày xưa trong những ngày tế lễ người ta thường thấy các cụ :

Tiến sĩ Phan Quang

Phó bảng Nguyễn Đình Hiến

Phó bảng Nguyễn Mậu Hoán,

v.v...

Sau ngày các cụ lần lượt qua đời thì người ta lại thấy các cụ sau đây thay phiên nhau cúng bái :

Cụ Lương Trọng Hối (Tuần vũ Hồi hưu)

Cụ Nguyễn Mậu Vỹ (tức cụ Huyện Đoàn)

VỀ XÙ QUẢNG

rồi thứ nữa đến các ông Tú Tài Võ Chương, Nguyễn Ngũ .. ngày nay đa phần các cụ đã qua đời và chiến tranh đã lan tràn tiếp diễn làm mất đi các di tích của các cụ ngày xưa. Nhưng uy danh các cụ còn phảng phất khắp tỉnh nhà một tiếng thơm trong vấn đề khoa cử ngày trước. Ngày nay ai đi ngang qua làng Cang Đông quận Quế Sơn, cũng không khỏi cúi đầu nhìn lại ngôi nhà cổ đồ nát nằm trơ vơ trên một ngôi gò cao lặng yên giữa trời sương gió, cách quận Quế Sơn chừng 500 th về phía Tây Bắc. Đó là di tích của các cụ khoa bảng ngày xưa. Tiếc rằng vì hoàn cảnh chiến tranh chưa có ai để xướng khôi phụ lại ngôi nhà mà nền văn học cổ ngày xưa đã từng đáng được chú ý.

Rời quận Quế Sơn, Dững đi ngay đến quận Thăng Bình, nơi đây, tại xá Đồng Dương, một di tích lịch sử của người Chăm vẫn còn thể hiện trên các tháp người ta thường gọi Tháp Chăm. Ở nơi đây vì thời gian Tháp Chăm đã từng bị mòn mỏi, rêu phong,

thật đúng với câu thơ của Chế Lan Viên, trong bài thơ trên đường về :

*Đây những tháp gầy mòn
vì mong đợi*

*Những đèn xưa đồ nát dưới
thời gian*

*Những sông vắng lẻ mình
trong bóng tối,*

*Những tượng Chăm lở lói tỉ
tê than*

*Đây những cảnh ngàn sâu
cây lá ngọn,*

*Mười ma Hời sờ soạn đất
nhau đi.*

*Những rừng thẳm bóng
chiều lan hồn độn,*

*Lòng đưa hương rộn rã
tiếng từ qui !*

Dững đi hết quận Thăng Bình, rồi đi qua quận Tiên Phước, nơi quê hương của hai nhà Cách mạng lừng danh : Phan Chu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng, đã từng mở đường giải phóng cho lịch sử nước nhà.

Quận Tiên Phước đặc biệt có món quế và trà, mỗi năm đã

xuất cảng ra ngoại quốc rất nhiều.

Qua quận Duy Xuyên, quận Điện Bàn, Đại Lộc rồi đổ xuống Hội-An, tỉnh lỵ của Quảng Nam. Nơi đây tỉnh lỵ Hội An nằm sát con sông ở nguồn Thu Bồn đổ xuống, phía bên kia sông là Kim Bồng, một làng chuyên sống về nghề gạch và vôi.

Thành phố Hội An nhỏ hẹp, cô kính nhưng rất đông người buôn bán. Hội An có đặc điểm về các món ăn là tôm cá tươi và hến. Một món ăn duy nhất của người khách lạ khi đến Hội An là không quên đòi cho được món «hến».

Từ mờ sáng tinh sương, các cô hàng bán hến đã cất giọng rao lạnh lạnh ở các ngã đường làm cho thành phố Hội An tăng thêm phần vui vẻ, rộn rịp.

Hội An cũng đã từng mang nhiều danh hiệu qua bao nhiêu thời gian, triều đại thăng trầm của lịch sử. Hội An lúc đầu khi người Tàu cai trị người ta chỉ gọi với một danh từ gọn gọn là

«phố». Đến thời kỳ sang người Pháp cai trị đổi ra là Faifoo, và ngày nay người ta chỉ thường gọi là Hội An.

Trong thời kỳ chống Pháp, các cụ ngày xưa đã mượn cái vẻ đẹp hồn nhiên của thành phố Hội An để làm nên những câu thơ truyền tụng trên nhân khẩu mọi người để giữ vững tinh thần đoàn kết của nhân dân trong xứ.

Ở phố Hội ngó qua Kim Bồng nước xanh như lá,
Ở Kim Bồng ngó xuống tòa phố xá ngênh ngang
Chiều chiều Tây lại Sứ sang
Khách đông mặc khách bọn mình đứng xa,

Cách Hội An chừng 5 cây số về phía Đông có cửa bè là cửa Đại, trong những ngày lễ, ngày chủ



nhất vào những ngày nắng ráo. Không xa từ Hội An xuống Cửa Đại, xe cộ đi lại rất đông.

Dọc theo bãi biển có những quán bán lá tuy đơn giản nhưng bán rất nhiều du khách vì ở đây bán bán toàn những món ăn tươi mát thích cho những người đi nghỉ mát. Tuy nhiên, ở cửa Đại vào những ngày có sóng to thì cảnh rất vẻ u buồn ảm đạm, vì những lúc có sóng to là lúc trời sắp mưa:

Chiều chiều mây phủ Sơn Chà
Sóng reo cửa Đại trời đã muốn mưa.

Ở cửa Đại vào ngày mưa thì quang cảnh còn gì lý thú nữa, du khách không còn ở đó, họ sẽ kéo nhau về Hội An, nhà hàng sẽ đóng cửa. Do đó cửa Đại lại càng tăng thêm vẻ buồn náo nuột trong những ngày mưa gió.

Từ cửa Đại lên Hội An, dừng lại tiếp tục cuộc hành trình ta thấy Hoà Vang, một buôn nằm sát nách với thành phố Đà Nẵng.

Ở đây, Dừng không quên hết một điệu thuốc Cầm Lệ đề rồi lên đường đi viếng Ngũ Hành Sơn, một đệ nhất thắng cảnh ở vùng Quảng Nam.

Ngũ Hành Sơn nằm giữa một cánh đồng cát mênh mông, cách Đà Nẵng chừng 7 cây số về hướng Đông Nam.

Ngũ hành Sơn gồm có : Kim Sơn, Mộc Sơn, Hỏa Sơn và Thổ Sơn. Ngũ hành Sơn hùng vĩ và kỳ diệu đã tạo cho du khách một niềm cảm xúc sâu xa. Cụ Huỳnh thúc Kháng sau 10 năm ở Côn Lôn về đến viếng Ngũ Hành Sơn đã vịnh một bài thơ như sau :

Ba ngàn dặm thẳng cánh
bèo rơi
Ngũ Hành Sơn lại thấy
người.
Đá khắc chùa danh bia chữa
mực
Vàng đề bút ngự chữ còn
tươi.
Bề dẫu đã chán cơn chìm nổi

VỀ XỨ QUẢNG

Sóng núi đang mong nét vẽ
với

Cách mặt mười năm nay
gặp lại,

Trần duyên vút quách thử
tu chơi.

Nói đến Ngũ Hành Sơn tức
là nói đến Quảng Nam, mà nói
đến Quảng Nam tức là nói đến
Ngũ Hành Sơn, thật đúng với 4
chữ « Địa linh nhân kiệt » là vậy.

Như thế là Dũng đã làm xong
một cuộc hành trình trên khắp các
nẻo đường ở tỉnh Quảng Nam,
Dũng đã từng hiểu rõ Quảng
Nam qua địa giới, phong tục,
Quảng Nam Cách mạng, Quảng

Nam khoa cử, văn học, Quảng
Nam sơn hào hải vị, Quảng Nam
danh lam thắng cảnh, v.v. . .

Dũng nhận thấy tâm hồn được
thoải mái, vì khắp đó đây trong
lịch sử nước nhà, tỉnh Quảng
Nam đã xứng đáng là một nơi
được mọi người chú ý đến.



Tin buồn

Được tin cụ

LƯƠNG-TRỌNG-HỐI

đã từ trần tại Đà-Nẵng ngày 13-4-1969, hưởng thọ
82 tuổi, chúng tôi xin thành thật phân ưu cùng ông
Lương Trọng Minh, và tang quyến.

Xin cầu nguyện Hương Hồn Cụ được tiêu diêu về
Tiên Cảnh.

● NGUYỄN-VỸ

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

X— Tại sao Hồ Xuân Hương không
có thiện cảm với các ông Sư, và đặc biệt
đả kích những ông Sư là dâm?

(Tiếp theo PT số 221)

Hồ-Xuân-Hương làm đến
bảy bài thơ, vừa bát cú, vừa
tứ tuyệt, đề chế nhạo các ông
Thầy Chùa. Điều đó khiến
chúng ta không khỏi thắc mắc.

Thế kỷ XVIII và XIX, không
có một nhà thơ Việt Nam nào
xúc phạm đến các vị Tăng già,

trái lại họ đề cao địa vị tu hành
của các Nhà Sư, và thường
thường họ tôn trọng phẩm giá
từ bi đức độ của các vị Hòa
Thượng.

Riêng Hồ-Xuân-Hương, một
nữ sĩ trẻ tuổi, lại đặc biệt chú
ý đến các ông « Thầy Chùa ».

Suốt trong «*Hồ Xuân Hương Thi tập*» gồm 50 bài, cô không chê nhạo ai, trừ vài ba bài khinh miệt «*phường lời tới*», một ông Thị, một ông Hậu, còn cô đề dành đến 7 bài chế tiếu và kích bác các ông Sư.

Tại sao vậy? Chúng ta thử tìm hiểu nguyên nhân, để tìm hiểu Hồ xuân Hương.

Giá sử Xuân Hương là một thiếu nữ làng lợ, dám dăng, như nhiều người xuyên tạc mà lý, giá sử cô là một «*Hồ li tính*» như «*phường lời tới*» ở Thăng Long vì ganh ghét và không hiểu nổi thiên tài siêu thoát của cô, mà tìm cách nói xấu cô một cách hèn hạ bỉ ổi, thì cô đã chọc ghẹo các tà tăng dâm dục, quyến rũ các ông Sư giả dối, đội lốt tu sĩ mà hành động như phường tục tĩu phạm phu. Trường hợp này thường được diễn tả trong những câu ca dao bình dân, đại loại như:

Ba cô đi trầy hội Chùa,

Một cô áo thâm bỏ bùa ông Sư.

*Cô về, Sư ốm tương tư,
Ốm lẫn, ốm lóc, nên Sư trọ
đầu.*

*Ai làm cho dạ Sư sầu
Ruột gan Sư héo như bầu
đứt giây.*

*Ác tăng đội lốt Thầy Tu,
Thấy cô gái đẹp bỏ chùa đi
theo,*

*Con ai đem bỏ Chùa này?
Nam Mô A di Đà Phật, con
Thầy, Thầy nuôi!*

*Đi chợ thì quên đem tiền,
Về nhà quên ngõ, đâm xiên
vô chùa!*

v.v...

Hồ xuân Hương không thuộc về loại gái mất nết đó. Loại gái đi quyến rũ Thầy Chùa, mê Thầy Chùa đến nỗi đi chợ «*quên đem tiền*», «*về nhà quên ngõ*», mà lại nhớ ông Thầy Chùa, «*đâm xiên vô chùa*»!

Trên cương vị trí thức, thi phú, cô Nữ sĩ Thăng Long

không bao giờ kích bác Phật giáo. Không có câu thơ nào của cô ngụ ý mỉa mai giáo lý cao siêu của Phật. Nhưng cô phản ứng chưa chắt và mãnh liệt chống lại một số ác tăng phá giới, khoát áo Thầy Tu để làm chuyện dâm dục, hoặc mờ ám, làm dơ bẩn nhà Chùa.

*Cái kiếp tu hành nặng đá
đeo*

Vì gì một chút tèo tèo tèo
Thuyền từ cũng muốn về
Tây trúc

*Trái gió cho nên phải lộn
lèo*

(Sư bị làng đuổi)

Sau khi xảy ra vụ một nhà Sư bị bắt quả tang phạm tội tà dâm với một cô gái trong làng, bị làng sở tại đuổi ra khỏi Chùa, Hồ xuân Hương làm 4 câu thơ diễn tả đúng theo dư luận mỉa mai của dân chúng. Dư luận trong dân gian cười rằng cái kiếp tu hành của ông Sư hãy còn nặng như... «*đá đeo*», chưa dứt được cái nghiệp chướng... *đá đeo*.

Vì gì một chút tèo tèo tèo

Chút «*tèo tèo tèo*» là chút gì? Là cái chút xiu chút xiu mà «*Hiền nhân quân tử*» không thể làm ngơ được đó, nó có là cái gì quan trọng lắm đâu mà Thầy Tu phải liên lụy vì nó? Đã đi tu, thì sá gì cái «*tèo tèo tèo*» đó mà phải cực thân?

Thuyền từ cũng muốn về
Tây trúc.

Thuyền từ bị tể độ, kẻ ra Thầy cũng muốn chèo chống vượt qua bề khổ trầm luân để về đến cõi Phật, nơi Niết Bàn, nhưng chỉ tại vì:

*Trái gió cho nên phải lộn
lèo*

Trái gió, không thuận buồm xuôi gió, cho nên Thầy phải... lộn lèo. Vì một chút tèo tèo tèo còn nặng nề. Thầy bị áp lực loạn cuồng của... *gió trái* nổi dậy, đành phải sa ngã trong lèo lộn... lộn lèo... *đắm đuối* ấy.

Ông Sư bị sa ngã như thế, đáng lẽ Nữ sĩ nên thương hại ông và chống chế giùm cho ông, bào chữa cho ông được một phần nào. Nhưng không, Hồ xuân Hương mỉa mai, chế giễu, vì cô căn cứ trên luật pháp Tăng già mà không chấp nhận sự tà dâm của kẻ tu hành.

Nụ cười Hồ xuân Hương rất lộ tào nhả, nhưng kẻ tu sĩ tà dâm, nạn nhân của ngòi bút trào lộng của cô, vẫn bị bêu rếu tàn nhẫn, không thương hại.

Cô khéo dùng những chữ «đá đeo», «trái gió», «lộn lèo», vận dụng triệt để những lật lẻo đặc biệt tinh vi của ngôn ngữ Việt Nam, theo tinh thần trào lộng ranh mãnh và rất bình dân của dân tộc Việt Nam, để chỉ mạnh vào những sự kiện mà cô không muốn nói một cách tục tĩu. Cô muốn ám chỉ cái tục tĩu bằng cái không tục tĩu. Cái tục tĩu đáng khinh bỉ của Ông Sư còn nặng kiếp «đá đeo», được cô diễn tả rất tài tình trọng văn Thơ của cô không

còn tục tĩu rườ. Cô chỉ đề ra trước mặt bằng quan mặt nụ cười kín đáo thanh lịch mà thôi.

Trong bài «Dạo cảnh chùa», cô không cười. Giữ nét thành kính trước cảnh tôn nghiêm, cô chứng tỏ không dám xúc phạm đến Thiên Môn, nhưng vẫn chế nhạo Ông Sư :

Thầy tớ thung dung dạo
cảnh Chùa,
Thơ thì lung túi, rượu lung hồ.

Cá khe lắng kệ, mang nghi
ngóp,

Chim núi nghe kinh, cổ gât
gù.

Then cửa từ bi chen chặt
cánh,

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Nén hương lễ độ cắm đầy lò
Nam mô khế hỏi nhà Sư tí :
Phúc đức như ông được
mấy bồ ?

Nữ sĩ có con ở theo lâu, đi viếng một cảnh chùa, cho ta thấy nếp sống của cô rất là phong lưu, nho nhã. Cô nói rõ là viếng cảnh chùa, chứ không đi cúng Chùa :

Thơ thì lung túi, rượu
lung hồ

Cô đem theo hồ rượu, túi thơ, không có đem đèn, hương, hoa, quả. Câu này có dụng ý cô đến viếng cảnh chùa với tư cách một thi nhân, chứ không phải một tín đồ.

Cá khe lắng kệ, mang nghi
ngóp

Chim núi nghe kinh, cổ gât
gù.

Câu thơ sau này diễn tả y hệt như một bức tranh linh họa của Walt Disney ! Cô tả phong cảnh phía ngoài Chùa. Rất tiếc cô không nói là chùa nào, nhưng

ta có thể đoán chừng một cảnh Chùa rất đẹp ở vùng Sơn Tây, hay Hà Đông. Phủ Lý, ba nơi này nữ sĩ thường đến, chứ không phải ở Thăng Long vì Kinh đô Bắc Hà không có núi. Nhìn xuống khe nước trong, thấy cá bơi lặn lờ, chậm chạp, đôi mang nghi ngóp, khe mở ra khép vào, cô tưởng tượng rằng cá đang lắng tai nghe kệ. Chim trên núi gât gù như thành tín nghe kinh. Đây, cô hoàn toàn tả phong cảnh nên thơ ở ngoài Chùa.

Then cửa từ bi chen chặt
cánh

Nén hương lễ độ cắm đầy
lò.

Chắc là một ngày Vía Phật, hoặc là một ngày Rằm, Mồng một, cho nên khách thập phương đến lễ bái đông như thế. Nữ sĩ phác họa và nét đầy đủ cảnh tôn nghiêm rộn rịp trước Phật đài.

Nhưng, chắc cô đã biết rõ tư cách của Ông Sư ở Chùa này

như thế nào rồi, nên mĩa mai kết luận:

Nam mô khẽ hỏi nhà Sư ti
Phúc đức như ông được
mấy bồ?

Chắc cô đã biết rõ hành động gian tà của ông Sư, nên cô «khẽ hỏi» một «tí» thôi. Hai chữ «khẽ» và «tí» này tỏ rằng trước mặt trăm nghìn thiện nam tín nữ đến cúng Phật, trước cảnh lễ bái tôn nghiêm, cô không dám có lời nào xúc phạm đến Tòa Sen, đến Phật-Pháp-Tăng Tam-Bảo. Cô chỉ muốn đi thẳng vào thực tế mai mĩa về cá nhân tu hành của nhà Sư, cô chỉ khẽ hỏi nhà Sư một tí thôi:

Phúc đức như ông được
mấy bồ?

Thật là oái ăm! Oái ăm nhưng thành thật. Tín đồ thập phương đem đến cúng dường cho ông nào gạo, nếp, nào chuối, oản, nào bánh trái nào bạc tiền, đựng đến hàng bồ.

Nhưng vậy mà «phúc đức như ông» phỏng «được mấy bồ?»

Tôi xin «khẽ hỏi» lại bạn đọc: từ xưa đến nay, có ai dám hỏi ông Sư nào như thế không? Có một cô nào, hay một bà nào, dám hỏi như thế không? Có một thi nhân nào nở hỏi như thế không? — Chỉ có Hồ Xuân Hương. Cho đến Thế kỷ 20 này, cũng chỉ có Hồ Xuân Hương.

Tại vì tính tình cô thẳng thắn, tâm hồn cô siêu thoát, trí óc cô độc lập, tư tưởng cô thanh cao, cho nên một vị trụ trì giả tu, kém đạo đức, cô vẫn coi thường, ngạo mạn. Một các tăng dâm dục, cô vẫn chể riều, khinh khi. Cô bắt chấp thành kiến, dù là thành kiến về tôn giáo. Cô chẳng kiêng nể một nhân vật nào tầm thường, tục tũ, dâm ô, dù nhân vật đó là một vị Tăng già, mặc áo cà sa, mạo danh nhà Phật.

Thì ra, cảnh chùa mà cô đến viếng thật là đẹp, có núi, có

khe, và thật là tôn nghiêm. Cá lăng mang nghe kệ, chim gặt gù nghe kinh. Tín đồ đông đúc thành tâm lễ bái. Khói hương nghi ngút tỏa khắp trầm lưu. Duy có ông Sư ở chùa đó là đầy tội lỗi ở trần gian. Hồ Xuân Hương nói toạc ra như thế. Trong bài này, cô Nữ sĩ rất nghiêm khắc. Cô không cười, dù là một nụ cười kín đáo, tế nhị. Cô không đùa bỡn, cô không chơi chữ, cô không cần nói lái, nói lóng, nói bóng, nói gió.

Với tư cách con nhà Thơ, với túi thơ hồ rượu, cô chất vấn con nhò Phật khoát áo cà sa.

Câu chất vấn gắt gao: «Phúc đức như ông được mấy bồ?» chỉ riêng «ông» mà thôi, không chỉ chung các vị Tăng già khác. Đó là diêm dè đặt khôn khéo của Nữ sĩ. Hồ Xuân Hương không lết án toàn thể các vị Hòa thượng. Đại đức. Cô chỉ khinh miệt riêng bọn ác tăng, bọn «Thầy Chùa» giả dối

tham lam, lẳng lơ, dâm đảng, đầy tội ác đối với Phật, với Pháp, với Tăng, không xứng đáng tượng trưng Ngôi Tam Bảo.

Nhưng khi nào cô muốn cười, thì tiếng cười của Hồ Xuân Hương rất là tai hại:

Chùa Quán-Sứ

Quán Sứ sao mà cảnh vắng
teo

Hỏi thăm Sư Cụ đảo nơi
nào?

Chày kinh tiêu đề suông
không dấm,

Tràng hạt vãi lần đếm lại
đeo.

Sáng ban không kẻ khua
tang mít,

Trưa trệt nào người mọc kẻ
rêu?

Cha kiếp đường tu sao lắt
léo,

Cảnh buồn thêm ngán nợ
tình reo?

(Kỳ sau tiếp)



● Nha Báo-Chí Phủ Tổng-Thống vừa phổ biến thể lệ và chi tiết cuộc thi văn nghệ 1967-1969 đại khái như sau đây :

Đại-Cương

Giải thưởng văn-nghệ 1967-1969 được tặng thưởng các tác giả có tác phẩm đặc sắc nhất trong năm.

Tác giả được tự do đề tên thật, danh hiệu hay bút hiệu trên tác phẩm. Một tác giả có thể gửi nhiều tác phẩm dự thi và tham gia nhiều bộ môn.

Hội-đồng chấm giải gồm các văn nghệ sĩ đã có thành tích và uy tín đại diện đủ các bộ môn và khuynh hướng cổ kim, do Tổng-Thống Việt-Nam, Cộng-Hòa tuyển định. Thành phần sẽ được công bố vào đầu tháng 7-1969.

Giải thưởng là một bằng danh dự và một khoản hiện kim khác nhau tùy theo từng bộ môn.

Kết quả sẽ được công bố ngày 1-1-1970 và giải thưởng sẽ được Tổng-Thống đích thân trao tặng người trúng giải trong cuộc

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

Tiếp Tân Văn Nghệ sĩ cuối năm Kỷ Dậu.

★ Giải VĂN Chương Sáng Tác.

Có hai giải văn chương riêng biệt mỗi giải 200.000 đ. một dành cho các tác phẩm đã xuất bản từ 1-1-1967 đến 30-9-1969 (căn cứ vào ngày nộp bản tại Nha Văn Khố Quốc-Gia, hoặc ngày phát hành), và một dành cho các bản thảo tác phẩm chưa xuất bản.

Đối với các tác phẩm văn chương đã xuất bản Hội-đồng chấm giải có thể tự động chọn lựa, theo nhận xét riêng, để đưa ra thảo luận quyết định, hoặc có thể do chính tác giả gửi tới Nha Báo-Chí Phủ Tổng-Thống để dự giải.

Các tác phẩm chưa xuất bản sẽ do tác giả dự giải đem tay hoặc gửi qua Bưu-Điện tới Nha Báo-Chí Phủ Tổng-Thống, số 1 Lê-Quý-Đôn Sài gòn.

Tác phẩm văn chương có thể gồm truyện dài, truyện ngắn tùy bút, thi tập, kịch thơ, kịch nói

do tác giả sáng tác, bằng Việt văn. Nếu là bản thảo chưa xuất bản phải đánh máy cách giòng đôi trên một mặt giấy, đóng thành tập và gửi hai bản đến dự giải. Nếu gửi Bưu-điện xin đề rõ ngoài phong bì : « Dự giải Văn nghệ 1967-1969 ».

Hội đồng chấm giải sẽ gồm 9 nhà văn (4 văn-sĩ, 3 thi sĩ, 2 kịch tác giả) do Tổng-Thống tuyển định và danh sách sẽ công bố vào đầu tháng 7-1969.

II. — Giải Biên Khảo.

Có hai giải thưởng riêng biệt mỗi giải 100.000đ, một dành cho các tác phẩm đã xuất bản từ 1-1-1967 đến 30-9-1969 (tính theo ngày nộp bản tại Nha Văn-Khố Trung Ương hoặc ngày phát hành, và một dành cho các bản thảo chưa xuất bản.

III. — Giải Hội-Họa Điều Khắc.

Tất cả các tác phẩm không phân biệt thời gian tính đều được dự giải, ngoại trừ những tác phẩm đã trúng giải, bất kỳ về loại hay

năm nào, trong nước cũng như ngoài nước.

Họa phẩm có thể gồm đủ loại : tranh lụa, sơn dầu, thủy mặc, phần nước, sơn mài, mộc bản v.v.

Tác phẩm điêu khắc có thể bằng đá, kim khí, gỗ, đất nung, thạch cao, ngà, sành v.v..

Có hai giải thưởng riêng biệt cho Hội-họa và Điêu-khắc, mỗi giải 200.000đ.

Tác giả có nhạc bản được chọn là « tác phẩm trong năm » sẽ được tặng 50.000đ.

V.- Giải nhiếp ảnh

Tất cả các tác phẩm không phân biệt thời gian đều được dự giải, ngoại trừ những tác phẩm đã trúng giải, bất kỳ vào năm nào trong nước cũng như ngoài nước.

Tác giả được chọn là « nhiếp ảnh gia trong năm » sẽ được tặng 50.000 đ.

Tác phẩm có thể là ảnh màu hoặc đen trắng. Một tác giả có

thể gửi một hay nhiều tác phẩm dự giải.

VI.- Giải điện ảnh.

Có hai giải thưởng riêng biệt, một giải 200.000 đ dành cho tác phẩm phim truyện, và một giải 100.000 đ dành cho tác phẩm phim thời sự hay khảo cứu.

Tác phẩm có thể là phim đen trắng hoặc phim màu.

Tác phẩm phim truyện phải có một thời lượng tối thiểu là 90 phút.

Tái phẩm phim thời sự hoặc khảo cứu phải có thời lượng từ 20 đến 40 phút.



★ Nhật-báo Trắng Đen

của hai ông Việt-Định-Phương và Việt-Nhân, cũng mở cuộc thi văn-ngệ có nhiều giải-thưởng bự. Nhưng chỉ thi truyện ngắn thôi. Giải nhất : 25 000 đ (một cái truyện ngắn). Giải nhì : 20.000 đ. Giải ba : 15 000 đ. Giải tư : 10.000 đ. Giải năm ;

5.000 đ. và 5 giải an-uit, mỗi giải 1.000 đ.

Các Nam-Nữ Văn-sĩ hiện tại và tương lai chắc sẽ tham gia bay-bướm. 25.000 đ. có thể mua được cái xe Hon Đa (đàn ông con trai) hoặc xe yamaha (đàn bà, con gái), để chở nhau bay-bướm trên xa-lộ.

★ Hai cô Nữ-sinh Trung-học Bồ Đề đường Nguyễn-Thái-Học viết thư hỏi « Bác Nguyễn Vỹ » : « Bác có trong ban giám-khảo cuộc thi văn chương của « Đoàn văn-vệ-sĩ Phật-tử » không ? Bác Nguyễn-Vỹ nhờ tui trả lời hai cô rằng ; ông không có tham-gia vào nhóm ấy.

Quảng-cáo đăng trong Phổ-

Thông số rồi là do một người ở nhóm đến nhờ đăng giúp. Còn tạp-chí Phổ-Thông thì không dính-liều gì với « đoàn văn-ngệ sĩ Phật-tử ». « Đoàn đó của ai, có những ai » v.v.. Xin hai cô chịu phiên hỏi người nào biết.

★ Có một bạn đọc ở Huế viết thư hỏi « Sao dạo này không thấy ông Thiệu-Sơn viết, trong Phổ-Thông nữa ? »

Xin đáp : tại vì dạo này ông Thiệu-Sơn đã... thiếu sơn. Trước kia ông còn ít hộp sơn để sơn quét ngời bút, từ dạo Tết Mậu-thân đến nay sơn đó quét hết rồi thành ra thiếu sơn. Có lẽ chừng nào đủ sơn dồi-dào, ông sẽ quét lại với màu sơn mới.

Phân ưu

Đông-Hồ sao thọ ần đầu rồi ?
Mộng-Tuyệt nhìn trăng bóng lẽ soi !
Văn Uyển trời Nam đàn hạc vắng,
Quỳnh Lâm Bến Nghé ngọc châu rơi.
Cung Tiên non nước cùng ai dạo ?
Trận bút mây rồng mấy khách chơi ?
Mấy kiếp làm thơ đánh rũa sạch,
Ô hô ! lưu thủy đóa đào trôi !

THẠCH-KHÊ
(Uyển)

TỪ QUÁI BEATLES

(Tiếp theo P.T. số 221)

Diễn Huân

Mình ơi, thế rồi sao nữa?

— Sao nữa cái gì, em?

— Chuyện phong trào Beatles. Mình nói em nghe bữa đó. Mình nói tiếp đi. Hôm nọ mình kể chuyện 4 cậu Bít-ton gây được phong trào kích động nhạc Bít-ton tại thành phố Liverpool hồi tháng Hai 1965.

Rồi sao nữa? Làm sao mà tụi đó bỗng chốc lừng danh khắp thế giới? Làm sao mà Nữ Hoàng Anh tặng cho tụi họ Huy chương Đế quốc danh dự?

— Tháng Hai 1962, nghĩa là mới 2 năm sau khi họ thành lập ban nhạc Beatles, họ đã làm náo động thành phố Liverpool, nhưng chỉ trong phạm vi địa phương đó thôi, chưa lan tràn khắp nước Anh. Ở Thủ đô London cũng chưa ai biết nhóm Beatles. Tại Liverpool, giới thiếu niên Nam nữ từ 14, 15 đến 20 tuổi, đã say mê mấy chàng Bít-ton, đến nỗi bọn con gái choai choai cứ đến cả ngày lẫn đêm

tại nhà John Lennon, trưởng ban, đề-van xin cậu hát và đánh đàn cho họ nghe, hoặc đến xin chữ ký, đến làm quen, đến tỏ tình luyến ái. John đã lên lấy một trong bọn gái «fans» đó, tên là Cynthia, và cô bé đã có thai với cậu. Cậu phải làm lễ cưới — cũng lên lút — vì nếu tụi con trai con gái đang si mê cậu mà biết được thì tụi nó sẽ nổi ghen và sẽ phá phách, đá đảo. Vì quyền lợi vật chất của ban nhạc Bít-ton mà cô bé Cynthia cũng đồng ý giữ kín vụ lễ thành hôn với John, không công bố cho ai biết.

Tụi con gái tưởng bốn cậu đều chưa có vợ, nên càng say mê đeo đuổi. Bốn cậu đi ngoài phố, luôn luôn bị bọn «fans» đó chạy theo xin chữ ký, rồi nắm nú, rồi vuốt ve, rồi mơn trớn — có nhiều cô bé vào cổ các cậu và hôn hít rồi rít, ngay giữa đại lộ. Nếu cậu nào khờ bằng lòng, và gạt họ ra, thì thế nào cũng bị bọn chúng tui hồ, rồi nổi giận tát tay, hoặc chửi rủa toí bời. Phong trào «fans» (cuồng mê)

do bốn cậu quái đăng Beatles gây ra ở Liverpool, tuy vậy cũng chỉ sôi nổi ở thành phố này mà thôi.

Bắt đầu tháng 5 năm 1963, làn sóng Beatles mới ào ạt tràn ngập Thủ đô London, và vang động khắp Âu châu, Mỹ Châu, Á châu... Suốt 3 năm từ 1963 đến hết 1966, nhóm Tứ quái Beatles đã ngự trị trong đầu óc, trong tim máu, của hàng triệu triệu người trên thế giới, không riêng gì giới thanh thiếu niên say mê kích động nhạc, mà cả đến những lớp người lớn tuổi, đàn ông, đàn bà, từ bình dân đến Vua Chúa! Thật là một hiện tượng điên loạn của loài người. Một chứng tích phi lý của thời đại.

— Chỉ có ca nhạc mà thu hút người ta đến thế sao Minh?

— Thế mới là một triệu chứng phi thường. Từ tháng 8.1963, bốn cậu Beatles đến London, đã gây ra dư luận sôi nổi khắp bang cùng ngõ hẻm của Thủ đô. Dĩ nhiên hát «She loves you» của họ nội



Khán giả « FANS» dưới 20 tuổi

trong ngày đầu đã có 500.000 người mua. Đêm 13-10-1963 là đêm đầu tiên bốn Beatles lên sân khấu Truyền hình họ đã được trên 15 triệu khán giả hoan hô cuồng nhiệt. Các báo Anh tường thuật màn Ti vi ấy ngay nơi trang nhất, với những hình ảnh chụp các cảnh hò hét, tung hô, náo nhiệt của hàng triệu triệu khán giả mê say điên loạn.

Đêm thứ Tư 4-11-1963, bốn ca sĩ Beatles được vinh dự đặc biệt trình diễn trên sân khấu Hoàng gia Anh, trong buổi đại nhạc hội «Royal Variety Performance», Nữ nghệ sĩ tài danh Marlene Dietrich cũng có tham gia «Show» này. Trong đám khán giả danh dự có Hoàng Thái Hậu, Công chúa Margaret và Lord Snowden. Ngay lúc mở màn, Paul đã làm cho cử tọa oai

MINH ƠI

tiêm ấy phải cười. Rồi toàn khán giả đều cười rồ lên sôi nổi khi tụi Beatles tuyên bố họ hát bài «She loves you» nhưng họ lại hát bài khác. Giới yêu một bản hát mới. John bảo: «Những ai ngồi chỗ rể tiền, sẽ tay hoan nghênh tụi tui». Xong, ngó lên dài danh dự của Hoàng gia, và ám chỉ Hoàng gia, chàng cười bảo: «Còn những kẻ khác, họ cứ việc phất cho cái quạt bằng sắt vụn của họ!»

— Minh ơi, bọn họ chỉ đàn ca, nhảy nhót và trào phúng, như bọn thằng điên vậy, mà Vua chúa Hoàng gia Anh cũng bị hấp dẫn mê ly rừng rợn được sao?

— Có lẽ tại tụi họ dòn ca với một giọng mê ly đặc biệt, một lối kích động hoàn toàn mới với những cử chỉ cuồng loạn dứt gân mánh liệt phi thường, và khéo trào phúng duyên dáng độc đáo mới gây được hiện tượng náo loạn điên mê như thế. Chứa nhyt sau, buổi trình diễn đã được truyền hình trước một số khán giả 26 triệu người!

Tờ báo bộ vệ nghiêm trang nhứt của nước Anh, là tờ bảo thủ *Daily Telegraph*, từ trước đến giờ ít có đăng những chuyện giải trí, vui, đùa, bây giờ cũng phải tường thuật đầy đủ hình ảnh các vụ náo loạn vô tiền khoáng hậu xảy ra trong đêm cử tọa, trong buổi trình diễn Beatles ấy. Cảnh sát bắt lực đến nỗi phải thuê thêm mấy nghìn người dân sự lực lưỡng để ngăn chặn đám «fans» đông đúc và si mê biểu tình rầm rầm rộ rộ tung hô 4 chàng Beatles!...

Thế rồi các nhà buôn lợi dụng phong trào, và triệt để khai thác danh từ Beatles mới lạ. Nào là họ chế ra kiểu sơ mi Bít ton, đầu tóc giả Bít ton, quần đùi Bít ton. Một hãng chuyên môn sản xuất phẩm vật Bít ton làm

Neurotonic

BỒ OC

THÊM TRÍ NHỚ

việc liên tiếp ngày đêm mà không kịp giao đồ cho khách hàng, là hãng máy Bethnal Green. Vô số thanh thiếu niên bắt chước để tóc dài Bít ton, do đó có nhiều vị giáo sư đã đuổi ra khỏi lớp những học sinh để tóc dài theo kiểu Beatles.

Ngày 12-7-1964, Nữ Hoàng Elisabeth II tặng 4 chàng Beatler 4 Huy chương Đế quốc danh dự. Quyết định này làm cho nước Anh và cả thế giới ngạc nhiên. Rất đông những nhân vật thượng lưu nổi lên phản đối nhà Vua. Họ gởi trả lại Nữ Hoàng những huy chương mà bà đã tặng họ trước kia. Nhưng Nữ Hoàng cho rằng 4 chàng Beatles là đại diện cho thế hệ trẻ hôm nay. Dù yêu họ, hay ghét họ, phục họ hay chê họ, họ cũng vẫn là tiêu biểu cho một thời đại thanh thiếu niên mới.

Nghe vụ này. Bà ú ớ đây này:

— Ừ ! Bà Vua nước Anh làm thế là quá lỗ ! Em không đã kích tụi Beatles, nhưng em

cho rằng họ không xứng đáng được tặng một huy chương danh dự.

— Chính 4 chàng Beatles cũng ngạc nhiên về cử chỉ của Elisabeth. Sau khi nhận lần đầu huy chương, họ tuyên bố với các báo chí rằng họ muốn từ chối, vì họ xét rằng huy chương đó chẳng có giá trị gì, và chẳng ích lợi gì. Họ còn chế nhạo Nữ Hoàng nữa là khác.

— Thế là nhục nhã cho cả cái Triều đình Anh quốc.

— Em biết không, chính 4 cậu Beatles ấy cũng tự biết rằng các cậu không có trí thức (Ringo mới biết đọc biết viết), cho nên các cậu luôn luôn có cái mặc cảm bị xã hội khinh khi, các cậu chỉ hát hay, đồn giời, gây được một cảm xúc mãnh liệt trong đám thanh thiếu niên, và vì đó họ chỉ đi với những người cùng lứa tuổi với họ. Ngoài ra họ phải già vờ như chống đối kẻ cầm quyền, chống đối phong kiến.

chống đối thành kiến bảo thủ, nhưng đó chỉ là một phương pháp tâm lý để tự bảo vệ cho họ đó thôi. Còn Nữ hoàng Anh tặng cho họ huy chương, không phải là thật lòng khâm phục bọn này, mà cốt ý tỏ cho dân chúng thấy rằng Triều đình nhà Vua cũng thông cảm với các phong trào mới của tuổi trẻ. Chứ nhà Vua không phải một tầng lớp hủ lậu. Thế thôi.

Đó cũng là một cách tự bảo vệ cho chế độ quân chủ, và dòng dõi đế vương của bà đó thôi.

Bọn tứ quái Beatles tiếp tục đặt những bài hát dục gân : «oh come all ye faithful Yeh Yeh» «I want to hold your hand» «Can't buy me Love» v.v... được tuổi trẻ hoan hô nồng nhiệt. Trừ ở Pháp. Qua Paris, bọn Beatles bị thất bại nặng nề. Thanh thiếu niên Pháp không coi họ là thần tượng, mà chỉ là một hạng Beatnicks, teddy boys, hay Hippies, không hơn không kém. Bị thất bại đau đớn ở Pháp, bọn họ sắp đặt qua Mỹ.

Gặp công chúng bạt mận ở Mỹ, bọn Beatles mừng rỡ lắm. Cùng một thứ máu cuồng loạn, lại nhờ một chiến dịch quảng cáo rầm rộ của bọn «mua đàn» Mỹ, bọn Beatles đã thành công dĩ nhiên, còn hơn ở Anh nữa. Ngày 7-2-1964, bốn chàng lên phi cơ qua Mỹ, thì được đài phát thanh W.M.C.A. ở New York, nhận tiền thuê quảng cáo của họ, đã loan tin hồi hộp như thế này : «Bây giờ là 6g.30, giờ Bít ton. Họ vừa từ già London cách đây 30 phút. Họ đang vượt Đại Tây Dương, trực chỉ sang New York. Thời tiết là 32 độ Bít ton...» Đài phát thanh cứ loan tin từng giờ, để cho công chúng nôn nao chờ đợi, như sẽ xảy ra một việc gì màu nhiệm...

Hàng triệu tấm quảng cáo bự «Beatles sắp đến !» được dán khắp các phố phường, và đăng trên các báo.

1g30 chiều. 4 chàng Beatles vừa đến phi trường Kennedy thì đã có 10.000 thanh thiếu niên

thiếu nữ. (Đại đa số là thiếu nữ từ 13 đến 19 tuổi) chực sẵn ở đây để đón tiếp cực kỳ mê ly với những tiếng reo mừng :

«We love you, Beatles. Oh yes, we do!»

(Tôi em yêu các anh, các anh Bít ton. Thật thế, tôi em yêu các anh lắm!)

Một bọn người cần những tấm hình của Beatles in sẵn câu : «Tôi yêu Beatle» để phân phát mọi người đi đường. Người ta đông nghịt các lối đi, 4 chàng Bít ton phải khó khăn lắm đến phòng khách phi trường, nơi đây đã chực sẵn trên mấy ngàn nhà báo Mỹ và quốc tế.

Phòng vấn và đáp :

— Các anh hát cho một bài?

— Tiền trước đã, John trả lời.

— Nhờ yếu tố gì các anh thành công?

— Nhờ quảng cáo mạnh.

— Tại sao các anh để tóc dài?

— Tại tóc mọc dài.

— Nếu các anh đóng xi nê, các anh thích chọn cô đào màn ảnh nào để đóng chung với các anh?

— Thích Nữ Hoàng Anh. Bản vẽ sẽ chạy như tôm tươi.

Ở Mỹ, cổ nhien là nhờ quảng cáo nhiều, nhờ cuộc sống trụy lạc sẵn của tuổi trẻ, bọn tứ quái Beatles được tiếp đón và hoan hô nồng nhiệt phi thường. Xong rồi họ đi Đan Mạch, Amsterdam, Hongkong, Tân Tây Lan, Úc, nơi đây có 300.000 thanh thiếu niên thiếu nữ đón họ tại phi trường. Rồi họ trở lại Mỹ lần thứ hai. Họ hốt hàng triệu bạc ở mỗi nơi. Ngày 13-8-1965, họ trở lại Mỹ lần thứ ba, và ở đây chỉ có 17 ngày. Họ hốt trên 300.000 đô la mỗi đêm trình diễn. Nhưng ngày 23-8, John tuyên bố một câu, như một đóm lửa châm vào ngòi thuốc súng : «Bít ton tui tui từ nay nổi tiếng hơn chúa Christ».

Dân Mỹ sùng đạo. Câu nói của John chạm đến tín ngưỡng



John Lennon và vợ Nhật Yoko Ono

Thiên Chúa giáo, nên sau đó, dân chúng nổi lên đá kích bọn Bít ton kịch liệt, kể cả lớp trẻ. Họ cho rằng bọn Bít ton là một lũ vô đạo đức, vô học thức, và họ đem đốt hết những đĩa hát Bít ton mà trước đó họ đã nghe say mê cuồng nhiệt. Trở về Anh, họ cũng bị phong trào phản đối

ào ạt, và họ không có đủ tài sản và tư cách để bênh vực lập trường của họ.

— Bây giờ thì tui đó trở thành ra cái gì hả Minh?

— Bây giờ thì chính bọn Beatles cũng mất hết nhiệt hứng.

Ngày vinh quang đã chết. Họ đã trở nên tỷ phú, và sẵn tiền, nhưng thiếu tài, thiếu học, họ chỉ lo ăn chơi, hút thuốc L.S.D. và bị đào thải dần dần.

— À, hôm nọ em nhớ xem báo, có tin Být tên John Lennon và cô gái Nhựt chụp ảnh trần trường bị bắt sao đó hả Minh nhỉ ?

— John Lennon là trưởng nhóm Beatles. Lúc mới có phong trào năm 1960 nó lấy cô bé Cynthia, 15 tuổi. cô ấy có thai. Mùa Hè 1961 hai đứa bỏ nhau. John cặp kè với một «fan» Nhựt bốn, tên là Yoko Ono. Hai người mới làm lễ cưới chính

thức hồi tháng 3-1969 vừa qua. Thuê phòng ngủ, nằm lỏa thê kêu các nhà báo đến chụp hình ! Đây, «thần tượng Beatles» mà Nữ Hoàng Elisabeth II tặng huy chương danh dự Đế quốc Anh!

— Chắc bây giờ Bà Vua đó hối hận lắm, Minh nhỉ.

— Thời loạn mà, đầu óc Vua chúa cũng loạn !

— Một bài học quái gở của thời đại !

Nguyễn Huyền

Phân ưu

Được tin cụ

LƯƠNG-TRỌNG-HỐI

vừa mất phần tại Đà-Nẵng

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Tang quyến và cầu chúc Hương Hồn Cụ được sớm siêu thoát nơi cõi Phật.

Ông và Bà TRINH-HỮU-TRU

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON CỌP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ếp
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Băn khoăn đã dợt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lối Công Hoan « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc có Bắc bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết. Uống Gia
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC

TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG

231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON
Đ.T. : 25.861

GIÁ : 30 đồng
Công sở : gấp đôi